

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---

**LÊ MINH YẾN**

**CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI  
CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐỐI VỚI  
KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á  
từ năm 1990 đến năm 2005**

**Chuyên ngành: Lịch sử thế giới**  
**Mã số: 60 22 50**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**  
**PGS. TS. NGÔ MINH OANH**

Thành phố Hồ Chí Minh – 2008

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Trước đây, trong quá trình phát triển của mình, Ủy ban châu Âu (EC) và các nước thành viên đã từng là nơi cung cấp viện trợ (ODA) lớn thứ hai cho châu Á. Tuy nhiên, do phải tập trung thực hiện quá trình liên kết kinh tế nội bộ khối, do sự bức xúc trước các công việc đối với Trung và Đông Âu nên EU vẫn chưa chú trọng đến việc phát triển các mối quan hệ Âu – Á. Do đó, châu Á không có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của EU và EU cũng chưa có một chính sách rõ ràng với vùng châu lục rộng lớn này. Điều đó được thể hiện cụ thể thông qua việc từ năm 1988 đến năm 1993 EC chỉ ký một hiệp định duy nhất với Nhật Bản ở khu vực này.

Từ giữa những năm của thập kỷ 90, thái độ của EU đối với châu lục này đã thay đổi vì nhiều lý do:

Một là, trước sự phát triển năng động của châu Á, EU đã thức tỉnh khi cảm thấy có thể bị “lỡ chuyến tàu châu Á” nếu không kịp thời hành động.

Hai là, do bối cảnh toàn cầu hóa nên quan hệ giữa các nước và các khối nước trên thế giới diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là mối quan hệ giữa EU – một tổ chức của châu Âu, một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới với Đông Bắc Á – một khu vực gồm những nước có dân số đông, địa chính trị quan trọng, có nền kinh tế phát triển và có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, chính trị thế giới.

Vì vậy, ngay lập tức, EU đã công bố “Chiến lược mới đối với châu Á”.

Qua phần trình bày của luận văn về chính sách đối ngoại của EU đối với khu vực Đông Bắc Á, tôi hy vọng sẽ thể hiện được mục tiêu chiến lược mới của EU đối với khu vực này.

Với quá trình hội nhập hiện nay, không có một nước nào có thể đứng ngoài quá trình vận động chung mang tính toàn cầu, kể cả Việt Nam. Vì vậy, để nhanh chóng hòa nhập, chúng ta cần phải hiểu rõ những cơ hội và thách thức được tạo ra để có thể nắm bắt một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Với suy nghĩ ấy, tôi đã mạnh dạn chọn đề tài luận văn cho mình là “Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với khu vực Đông Bắc Á từ năm 1990 đến năm 2005” nhằm tiếp cận và có cái nhìn tổng thể với những cơ hội và thách thức được đặt ra cho các nước trong khu vực đang được đánh giá là phát triển và năng động nhất trên thế giới hiện nay.

## 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Từ trước đến nay, vấn đề quan hệ EU và các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhưng các bài viết thường được trình bày dưới dạng những bài viết ngắn đăng trên các báo hoặc các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành. Đặc điểm chung của các bài viết

này thường là phân tích mối quan hệ một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực nhưng chỉ ở một quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á (như EU – Nhật Bản, EU – Hàn Quốc, EU – Trung Quốc) hoặc là những bài viết mang tính trình bày tổng thể về mối quan hệ giữa EU và châu Á, trong đó có đề cập tới mối quan hệ giữa EU và khu vực Đông Bắc Á.

Ở dạng thứ nhất, chúng ta có thể thấy ở các bài viết như “Quan hệ Trung Quốc – Liên minh châu Âu từ 2003 đến 2005: động lực và triển vọng” của Ths. Nguyễn Thị Thu Hoài (Đại học Sư phạm Hà Nội) viết về mối quan hệ Trung Quốc – Liên minh châu Âu đã hình thành một xung lực phát triển tương tác mạnh mẽ, cả về bề rộng và chiều sâu tạo thành một mối “quan hệ đối tác chiến lược toàn diện” giữa Liên minh châu Âu và Trung Quốc trong tạp chí Nghiên cứu châu Âu số 3 (2007); hoặc bài “Quan hệ EU – Nhật Bản từ năm 90 trở lại đây” của Nguyễn Thanh Lan (Viện nghiên cứu châu Âu) trong tạp chí Nghiên cứu châu Âu số 7 (2007) viết về mối quan hệ EU và Nhật Bản ở thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh lạnh cùng với những thay đổi trong mối quan hệ với Mỹ và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng nhiều trong điều kiện toàn cầu. Trong bối cảnh đó, cả Liên minh châu Âu và Nhật Bản đều đang từng bước thắt chặt quan hệ để xác lập vị trí của mình trong trật tự thế giới mới.

Ở dạng thứ hai, chúng ta có thể thấy ở bài viết đăng trên tạp chí Nghiên cứu châu Âu số 4 (2003) của GS. TS. Bùi Huy Khoát với nhan đề “Chiến lược châu Á mới của EU và vai trò của ASEM”. Bài viết nêu lên sự tất yếu của quá trình xác lập mối quan hệ giữa Liên minh châu Âu và châu Á trong bối cảnh mới cùng với “chất xúc tác” ASEM. Bài viết của Ths. Hoàng Minh Hằng (Viện nghiên cứu Đông Bắc Á) trong tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á số 6 (2004) với tựa đề “Triển vọng hợp tác Á – Âu: nhìn từ các nước Đông Bắc Á” cũng đã trình bày về hướng phát triển của mối quan hệ Á – Âu, trong đó đặc biệt là mối quan hệ giữa Liên minh châu Âu và Đông Bắc Á thông qua Diễn đàn hợp tác Á – Âu.

Ngoài ra, trong một số sách tuy nội dung không trình bày về mối quan hệ giữa Liên minh châu Âu và các nước Đông Bắc Á nhưng cũng có mảng đề cập tới vấn đề này như: tác phẩm “Liên minh châu Âu trong thương mại toàn cầu” của GS. TS. Bùi Huy Khoát; tác phẩm “Các khối kinh tế và mậu dịch thế giới” của TS. Võ Đại Lược, TS. Nguyễn Kim Ngọc; tác phẩm “Điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới” của Nguyễn Xuân Thắng; ...

Do đó, điều kiện thuận lợi của tôi là có được một khối lượng thông tin lớn để thực hiện luận văn, nhưng mặt khác, cái khó của tôi lại là việc làm sao cho bài viết thể hiện được cái riêng của mình.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

\* Đối tượng nghiên cứu:

Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông Bắc Á từ năm 1990 đến năm 2005.

\* Phạm vi nghiên cứu:

~ Giới hạn về mặt không gian là: Liên minh châu Âu với 15 thành viên.

~ Giới hạn về mặt thời gian là: từ năm 1990 đến năm 2005 (Kể từ sau chiến tranh lạnh chấm dứt, đến sự sụp đổ của Trật tự hai cực Ianta và kết thúc là Diễn đàn Hợp tác Á – Âu lần thứ 5).

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện tốt luận văn, tôi sẽ sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành:

~ Phương pháp lịch sử: dựng lại toàn cảnh việc Liên minh châu Âu từng bước thực hiện các chính sách của mình đối với Đông Bắc Á.

~ Phương pháp Logic: đi sâu vào bản chất của các chính sách mà Liên minh châu Âu thực hiện ở Đông Bắc Á.

~ Phương pháp so sánh: chỉ ra sự khác nhau trong việc thực hiện các chính sách của Liên minh châu Âu đối với Đông Bắc Á trong mỗi thời kỳ; sự khác biệt trong chính sách của Liên minh châu Âu đối với Đông Bắc Á và Đông Nam Á cũng như các khu vực khác.

~ Phương pháp định lượng: sử dụng các con số cho thấy tính chính xác và thuyết phục của những nhận định.

Ngoài ra, tôi còn sử dụng các phương pháp liên ngành như:

Phương pháp nghiên cứu của Khoa học Quan hệ Quốc tế: Phương pháp phân tích, so sánh, định lượng trong Quan hệ Quốc tế.

#### **5. Những đóng góp mới của luận văn**

Trên cơ sở trình bày những biến động của lịch sử thế giới và nhu cầu phát triển nội tại của Liên minh châu Âu, luận văn làm rõ nguồn gốc hình thành đường lối đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với khu vực Đông Bắc Á.

Luận văn phục dựng lại toàn cảnh chính sách đối ngoại, đặc biệt là chính sách hướng về châu Á của Liên minh châu Âu.

Luận văn bước đầu đưa ra những nhận xét, đánh giá về chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với khu vực Đông Bắc Á nói riêng và với châu Á nói chung, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

#### **6. Bố cục của luận văn: gồm các phần**

Mở Đầu

Chương 1. Tổng quan về Liên minh châu Âu và khu vực Đông Bắc Á.

Chương 2. Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông Bắc Á.

Chương 3. Những nhận xét, đánh giá bước đầu và triển vọng của quan hệ giữa Liên minh châu Âu và các nước Đông Bắc Á.

Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

# TỔNG QUAN

## VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

### 1.1. Khái quát về châu Âu

#### 1.1.1. Điều kiện tự nhiên và lịch sử

##### 1.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Về mặt địa hình, châu Âu là một nhóm các bán đảo kết nối với nhau. Hai bán đảo lớn nhất là châu Âu “lục địa” và bán đảo Scandinavia ở phía bắc, cách nhau bởi biển Baltic. Ba bán đảo nhỏ hơn là Iberia, Ý và bán đảo Balkan trải từ phía nam lục địa tới Địa Trung Hải, biển tách châu Âu với châu Phi. Về phía đông, châu Âu lục địa trải rộng trông như miệng phễu tới tận biên giới với châu Á là dãy Ural.

Bề mặt địa hình trong châu Âu khác nhau rất nhiều ngay trong một phạm vi tương đối nhỏ. Các khu vực phía nam địa hình chủ yếu là đồi núi, trong khi về phía bắc thì địa thế thấp dần từ các dãy Alps, Pyrene và Karpati, qua các vùng đồi, rồi đến các đồng bằng rộng, thấp phía bắc và khá rộng ở phía đông. Vùng đất thấp rộng lớn này được gọi là Đồng bằng Lớn Âu Châu, và tâm của nó nằm tại Đồng bằng Bắc Đức. Châu Âu là một vùng đất cao hình vòng cung bắt đầu từ quần đảo Anh phía tây đến Na Uy phía đông.

Mô tả này đã được giản lược hoá. Các tiểu vùng như Iberia và Ý có tính chất phức tạp riêng như chính châu Âu lục địa, nơi mà địa hình có nhiều cao nguyên, thung lũng sông và các lưu vực đã làm cho miêu tả địa hình chung phức tạp hơn. Iceland và quần đảo Anh là các trường hợp đặc biệt, Iceland là một vùng đất riêng ở vùng biển phía bắc được coi như nằm trong châu Âu, trong khi quần đảo Anh là vùng đất cao từng nối với lục địa cho đến khi địa hình đáy biển biến đổi đã tách chúng ra.

##### 1.1.1.2. Điều kiện lịch sử

Âu là một từ Hán - Việt, có gốc từ chữ Trung Quốc: Âu La Ba, là chữ phiên âm từ Europa. Theo thần thoại Hy Lạp, Europa là một công chúa người Phoenicia bị thần Zeus dưới dạng một con bò trắng dụ đưa đến đảo Crete, tại đó nàng hạ sinh Minos. Trong các tác phẩm của Homer, Europa là tên thần thoại của đảo Crete. Sau đó, từ này trở thành tên gọi của mảnh đất Hy Lạp và đến năm 500 TCN, nó được dùng rộng rãi cho lên tận phía bắc.

Một số nhà ngôn ngữ học lại đưa ra một giả thiết khác dựa trên nguồn gốc dân gian là từ này có gốc từ tiếng Semit, bản thân lại mượn từ erebu trong tiếng Akkadia, nghĩa là “mặt trời lặn” (tức phương Tây).

Châu Âu có một quá trình lịch sử xây dựng văn hoá và kinh tế tương đối lâu đời, có thể xét từ thời Đá Cũ (Paleolithic). Khái niệm dân chủ và văn hoá cá nhân của phương Tây thường được coi là có

nguồn gốc từ Hy Lạp cổ đại, cùng với nhiều nguồn ảnh hưởng khác, đặc biệt là đạo Cơ Đốc, cũng có thể được coi là đã mang lại những khái niệm như tư tưởng bình quyền và phổ cập luật pháp.

Đế quốc La Mã đã từng chia lục địa này dọc theo sông Rein và sông Danube qua hàng thế kỷ. Tiếp theo sự suy tàn của Đế chế La Mã, châu Âu đã bước vào một thời kì dài đầy biến động thường được biết đến dưới tên gọi Thời kì Di cư. Thời kì đó còn gọi là “Thời kì Đen tối” theo các nhà tư tưởng Phục hưng, và là “Thời kì Trung cổ” theo các nhà sử học đương đại và những người thuộc phong trào Khai sáng. Trong suốt thời gian này, các tu viện tại Ireland và các nơi khác đã giữ gìn cẩn thận những kiến thức đã được ghi chép và thu thập trước đó. Thời kì Phục hưng đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn tìm tòi, khai phá, và tăng cường kiến thức khoa học. Vào thế kỷ thứ 15 Thổ Nhĩ Kỳ đã mở ra thời kì khai phá thuộc địa, và Tây Ban Nha tiếp bước ngay sau đó. Tiếp theo là các nước Pháp, Hà Lan và Anh đã hình thành nên các đế chế thực dân với bạt ngàn đất đai và tài sản tại châu Phi, châu Mỹ và châu Á.

Sau thời kỳ khai phá, các ý niệm về dân chủ bắt rễ tại châu Âu. Các cuộc đấu tranh cách mạng liên tục nổ ra, đặc biệt là tại Pháp trong giai đoạn Cách mạng Pháp. Kết quả là đã dẫn đến những biến động to lớn tại châu Âu khi các tư tưởng cách mạng này truyền bá khắp lục địa. Việc hình thành tư tưởng dân chủ đã khiến cho căng thẳng trong châu Âu không ngừng gia tăng, ngoài những căng thẳng đã có sẵn do tranh giành tài nguyên tại Tân Thế giới. Một trong những căng thẳng tiêu biểu trong thời kỳ này là khi Napoléon Bonaparte lên nắm giữ quyền lực đã tiến hành các cuộc chinh phục nhằm hình thành một đế quốc Pháp mới, tuy nhiên đế quốc này đã nhanh chóng sụp đổ. Sau các cuộc chinh phục này, châu Âu dần ổn định.

Cuộc cách mạng công nghiệp khởi nguồn từ nước Anh vào cuối thế kỷ 18, dẫn đến sự chuyển dịch kinh tế ra khỏi nông nghiệp và mang lại thịnh vượng chung, đồng thời gia tăng dân số. Biên giới các nước châu Âu vẫn trong tình trạng hiện nay khi thế chiến I kết thúc. Kể từ sau thế chiến II đến khi kết thúc Chiến tranh lạnh, châu Âu đã từng bị chia thành hai khối chính trị và kinh tế lớn: các nước cộng sản ở Đông Âu và các nước tư bản ở Tây Âu. Vào năm 1990, với sự sụp đổ bức tường Berlin khối Đông Âu dần dần tan rã.

Châu Âu là một lục địa đông dân. Về diện tích, châu Âu chỉ lớn hơn Châu Úc trong số các châu lục nhưng dân số lại đông đứng hàng thứ ba trên thế giới. Do vậy, mật độ dân số rất cao và phần lớn người dân châu Âu đều sống ở các đô thị. Châu Âu có khoảng 40 quốc gia. Các cuộc thiên di và chiến tranh tôn giáo trong lịch sử đã làm cho các quốc gia châu Âu ngày nay có sự đa dạng, phức tạp về dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và văn hóa. Xung đột giữa các nước thường bùng nổ thành những cuộc chiến. Chỉ riêng thế kỷ này đã có hai cuộc chiến tranh thế giới xảy ra ở châu Âu. Mặc dù vậy, châu Âu vẫn là một lục địa giàu có, nhiều nước ở châu này được xem là nước thịnh vượng nhất thế giới. Vẫn còn cảnh nghèo đói nhưng nói chung dân châu Âu có mức sống cao so với rất nhiều nơi trên thế giới. Sự thịnh vượng của lục địa này có được do sự phát triển công nghiệp và hình thành các thuộc địa của một số

nước Châu Âu ở các vùng thuộc Châu Phi, Châu Á và Châu Mỹ. Hiện nay, châu Âu đang phải giải quyết nhiều vấn đề xã hội: dân số đang già đi, các vấn đề của đô thị hóa, các vấn đề dân tộc, tôn giáo...

### **1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu**

EU (Liên minh Châu Âu) là một thực thể đa phương, hội đủ sự cấu thành của một nước nhà theo kiểu liên bang, là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa hùng mạnh của thế giới, và đang phấn đấu để trở thành khu vực phát triển nhất hành tinh trong thế kỷ XXI.

EU có mục tiêu cơ bản và lâu dài là thống nhất lục địa Châu Âu về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng dựa trên các nguyên tắc và quy định chung cho cả khối. Trải qua hơn nửa thế kỷ, EU đã phát triển không ngừng và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của thế giới, nói chung, của từng thành viên EU, nói riêng.

Vậy EU đã hình thành như thế nào? Và trải qua những bước phát triển ra sao để trở thành một thực thể hùng mạnh như ngày nay.

Châu Âu tuy không phải là cái nôi nguyên thủy của nền văn minh nhân loại nhưng Châu Âu là xứ sở và cội nguồn của tiến bộ KHKT và văn minh thế giới, mà dấu ấn đậm nét của Châu Âu đối với lịch sử thế giới từ cận đại cho đến nay được bắt đầu từ hai sự kiện lịch sử trọng đại ở hai nước Tây Âu là cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh trong thế kỷ 18 và cuộc cách mạng Tư sản Pháp 1789. Châu Âu là quê hương của rất nhiều thiên tài và họ đã sớm nhận thức được: nếu châu Âu thống nhất sẽ tạo thành sức mạnh vô song, vì thế lịch sử châu Âu là lịch sử của những cuộc chiến tranh để chia sẻ và hợp nhất các quốc gia, đồng thời cũng là lịch sử của việc thực hiện ý tưởng về một châu Âu thống nhất bằng nhiều biện pháp, dưới nhiều hình thức khác nhau từ chính trị, quân sự đến kinh tế.

Ý tưởng thống nhất châu Âu bằng quân sự được Napoleon thực hiện bằng cuộc chiến tranh 1804 - 1810, hoặc Đức Quốc Xã thực hiện bằng việc phát động các cuộc chiến tranh trong thế kỷ 20. Nhưng cuối cùng chỉ để lại một châu Âu bị tàn phá và đổ nát, một châu Âu bị kiệt quệ về mọi mặt. Nhằm ngăn chặn sự phát triển của một số quốc gia hùng mạnh ở châu Âu có đủ sức để phát động những cuộc chiến tranh xâm lược, các cường quốc châu Âu đã cố gắng thực hiện ý tưởng thống nhất châu Âu bằng chính trị và ngoại giao qua việc triệu tập Hội nghị Viên (1814-1815), hoặc ký Hiệp ước thành lập khối liên minh ba nước Đức, Áo, Ý (1882) và khối Hiệp ước Anh, Pháp, Nga (1907), nhưng kết quả chỉ làm cho châu Âu bị chia sẻ sâu sắc thành nhiều mảnh, dẫn đến phát động cuộc chiến tranh mới. Trải qua nhiều cuộc chiến đẫm máu và đặc biệt khốc liệt là Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai, trải qua nhiều lần tan hợp, các nhà lãnh đạo châu Âu đã nhận ra rằng con đường duy nhất để xây dựng một châu Âu hùng cường, với một nền hoà bình bền vững là thống nhất châu Âu trong một cơ chế kinh tế – chính trị. Bên cạnh đó, người châu Âu cũng nhận thức được rằng châu Âu đã từng thống trị nền chính trị và kinh tế thế giới, nhưng sau những cuộc chiến châu Âu bị tàn phá nặng nề và không còn giữ được vị trí quan trọng đó nữa. Thay vào đó là Mỹ và Liên Xô cũ. Châu Âu



muốn giành lại vị trí đã từng có của mình, nhưng từng quốc gia đơn lẻ thì không đủ sức thực hiện, vì vậy châu Âu phải thống nhất lại.

Từ ý tưởng đó, ngày 9/5/1950 ngoại trưởng Pháp Robert Schuman đã đưa ra sáng kiến khởi đầu cho quá trình thống nhất châu Âu, hình thành EU – đề nghị liên minh các ngành công nghiệp than và thép của Tây Âu. Sau gần một năm đàm phán, ngày 18/4/1951 tại Paris, Hiệp định thành lập Cộng đồng Than và Thép châu Âu (European Coal and Steel Community - ECSC) đã được ký kết, gồm sáu nước thành viên: Bỉ, Cộng hòa Liên bang Đức (Tây Đức), Pháp, Italia, Hà Lan và Luxembourg.

Mục đích của ECSC là đảm bảo sản xuất và tiêu thụ than và thép của các nước thành viên trong những điều kiện thống nhất, đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, phân phối, tiêu thụ và nâng cao năng suất lao động trong 2 ngành than và thép, 2 ngành chủ lực, sản xuất ra những nguyên liệu hàng đầu phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Đó là mục đích hợp tác kinh tế, mục đích trước mắt của ECSC. Còn mục đích sâu xa của ECSC là hóa giải mối hiềm thù lâu đời giữa Đức và Pháp, biến hai nước này thành trụ cột cho khối liên kết Tây Âu.

Sau khi ECSC có hiệu lực và đạt được những thành công mỹ mãn, các nước thành viên quyết định liên kết chặt chẽ hơn nữa trong những lĩnh vực kinh tế khác. Tại hội nghị Messine (Ý) tháng 6/1955, ngoại trưởng 6 nước ECSC đã bàn đến ý tưởng liên kết kinh tế một cách sâu rộng hơn, tiến tới thành lập Thị trường chung châu Âu.

Hiệp ước Rome (1957) thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (EURATOM) và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).

Ngày 25/3/1957, ngoại trưởng 6 nước ECSC đã họp tại Rome để thảo luận 4 vấn đề chủ yếu do ngoại trưởng Italia Paul Henry Spack soạn thảo:

- Hợp tác trong các ngành năng lượng cổ truyền (điện, khí đốt);
- Hợp tác trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình;
- Mở rộng và phát triển hệ thống giao thông vận tải châu Âu;
- Xây dựng Thị trường chung châu Âu.

Trong quá trình thảo luận đã nổi lên hai vấn đề cần đặc biệt quan tâm:

- Chính sách đối ngoại với trọng tâm là đối phó với Mỹ và Liên Xô trong cuộc chạy đua về vũ khí hạt nhân;
- Xây dựng Thị trường chung châu Âu nhằm mục đích cùng nhau chấn hưng kinh tế khu vực.

Kết quả: 2 Hiệp định quan trọng đã được ký kết:

- Thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (EURATOM) và
- Thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (European Economic Community-EEC)

Hai hiệp định này đã đánh dấu một bước tiến quyết định trong quá trình thống nhất châu Âu.

Như vậy, cho đến thời điểm 1957 có 3 tổ chức liên kết ở các nước Tây Âu, với những chức năng cụ thể như sau:

\* ECSC chịu trách nhiệm điều tiết việc sản xuất, phân phối than và thép cho thị trường; đề ra các chính sách kiểm soát giá cả, khuyến khích thương mại và đầu tư.

\* EURATOM là tổ chức liên kết 6 nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, đưa ra các quy định nhằm thúc đẩy công việc hợp tác nghiên cứu phổ biến kiến thức, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn nguyên liệu, đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất năng lượng nguyên tử, thành lập một thị trường chung về năng lượng nguyên tử giữa các thành viên.

\* EEC bao gồm những lĩnh vực kinh tế rộng hơn so với hai cộng đồng trên. Mục đích của EEC là xây dựng một thị trường chung châu Âu; từng bước hội nhập kinh tế để tiến tới một thị trường thống nhất; xoá bỏ những trở ngại cho quá trình lưu thông hàng hóa giữa các nước, như thuế quan, hạn ngạch, giấy phép .... Xây dựng biểu thuế quan chung, chính sách đối ngoại chung cho các nước thành viên trong khối; xoá bỏ những trở ngại cho quá trình di chuyển vốn và sức lao động giữa các nước thành viên trong khối; xây dựng và thực hiện chính sách chung về phát triển nông nghiệp, giao thông vận tải, các chính sách xã hội ...

Để đảm bảo tính chặt chẽ, phát huy có hiệu quả các mối liên kết, từ ngày 1/7/1967, ba tổ chức ECSC, EURATOM và EEC đã hợp nhất thành EC- European Community – Cộng đồng châu Âu, gồm có 6 nước: CHLB Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan và Luxembourg. EC (tiền thân của EU ngày nay) có 3 mục đích cơ bản:

- Giữ gìn hòa bình;
- Thống nhất về kinh tế;
- Thống nhất về chính trị.

Trong giai đoạn đầu, không phải mọi nước Tây Âu đều nhận thức được vai trò to lớn của EC và tán đồng việc thành lập EC. Anh là một ví dụ. Chính phủ Anh đã không tán thành sáng kiến của Robert Schuman, Anh chủ trương dựa vào Mỹ để chống Liên Xô và xây dựng quan hệ “Bạn bè đặc biệt” với Mỹ. Tháng 5/1960, Anh chủ xướng thành lập Hiệp hội mậu dịch tự do Châu Âu (EFTA) gồm: Anh, Na Uy, Thụy Điển, Áo, Bồ Đào Nha, Ireland và Thụy Sĩ. EFTA chỉ là một tổ chức liên kết kinh tế đơn thuần. Nhưng Anh đã không thành công như mong muốn. Trước sự thành công và lớn mạnh của EC, các nước ngoài khối EC lần lượt đệ đơn xin gia nhập tổ chức này. Và từ đây diễn ra quá trình mở rộng EC (EU).

\* Lần “mở rộng” thứ nhất: Sau hai lần đệ đơn xin gia nhập EC và trải qua một loạt các cuộc thương lượng, ngày 22/1/1972 Hiệp ước Brussels đã được ký kết, theo đó, kể từ ngày 1/1/1973, EC chính thức công nhận ba thành viên mới Anh, Ireland và Đan Mạch. EC trở nên hấp dẫn hơn, có sức thu hút mạnh mẽ hơn đối với các đối tác trong và ngoài khu vực.

\* Lần “mở rộng” thứ hai: Ngày 12/6/1975 Hy Lạp (mở đầu cho các nước Nam Âu) đệ đơn xin gia nhập EC. Trải qua quá trình xem xét kỹ lưỡng suốt 6 năm đến 1/1/1981 Hy Lạp mới được chính thức kết nạp và trở thành thành viên thứ 10 của EC.

\* Lần “mở rộng” thứ ba: Ngày 23/8/1977 Bồ Đào Nha và sau đó ngày 28/7/1978 Tây Ban Nha đệ đơn xin gia nhập EC. Trải qua quá trình xem xét, đàm phán rất kỹ lưỡng, vì các nước này có trình độ phát triển thấp hơn mức trung bình của Cộng đồng, mãi đến 1/1/1986, trải qua gần 10 năm bên bờ chờ đợi, hai hiệp ước mới được ký kết tại Lisbon và Madrid, theo đó Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha trở thành thành viên thứ 11 và 12 của EC.

Ngày 29/5/1986, lá cờ màu xanh dương sẫm với 12 ngôi sao vàng tượng trưng cho sự hoàn hảo và đều đặn: Đó là 12 bàn làm việc của Viện nguyên lão La Mã, 12 thành tích của Hercules, 12 giờ của ban ngày, 12 tháng trong năm và là 12 biểu tượng của tử vi châu Âu ... lần đầu tiên tung bay trên bầu trời châu Âu lộng gió. Sau đó, nhiều quốc gia trong và ngoài châu Âu tiếp tục làm đơn xin gia nhập EC.

Không chỉ thay đổi, lớn mạnh về mặt số lượng qua những lần mở rộng, kết nạp thêm thành viên mới, mà EC còn có những thay đổi to lớn về chất, với dấu mốc quan trọng là Hiệp ước Maastricht.

#### 6 Hiệp ước Maastricht và sự hình thành EU (1992)

Đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, thế giới đã diễn ra sự biến đổi sâu sắc: Liên Xô và phe XHCN tan rã, cuộc chiến tranh lạnh của thế giới, lưỡng cực, sự đối đầu Đông – Tây chấm dứt. Bức tường Berlin sụp đổ, nước Đức thống nhất (3/10/1990) hùng mạnh đã trở thành một nhân tố quan trọng tạo nên một trật tự mới ở châu Âu, nói riêng và toàn thế giới, nói chung.

Để có thể khẳng định vai trò và vị trí trong một trật tự mới EC phải liên kết chặt chẽ hơn nữa. Với ý tưởng đó Hội nghị Thượng đỉnh các nước EC đã nhóm họp tại Maastricht (Hà Lan) để bàn về một Hiệp ước mới – thành lập Liên minh châu Âu.

Năm 1992, các nước ký kết Hiệp ước Maastricht, giới thiệu một hình thức hợp tác mới giữa các quốc gia thành viên như: phòng thủ, xét xử tội phạm, nội vụ và quyền công dân. Bằng cách mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực khác ngoài kinh tế, Hiệp ước Maastricht đã tạo ra Liên minh châu Âu (EU) thay cho Cộng đồng châu Âu. Kể từ đó, các nước thành viên bắt đầu cùng tham gia giải quyết những vấn đề và đưa ra chính sách chung từ nông nghiệp đến văn hóa, cạnh tranh thương mại, môi trường, vận chuyển .... Đáng chú ý là Hiệp ước này đã cho phép tất cả các công dân của các thành viên có quyền sống và bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử ở bất kỳ quốc gia thành viên nào. EU cũng bãi bỏ chế độ kiểm tra hộ chiếu và hải quan ở biên giới các nước thành viên. Theo Hiệp ước này, một số chính sách đã thay đổi đáng kể bộ mặt EU, ví dụ như chính sách nông nghiệp chung không phải nhằm mục đích giúp sản xuất càng nhiều sản phẩm càng tốt, mà hỗ trợ nông dân bằng các biện pháp canh tác vừa đảm bảo sức khỏe, nâng cao chất lượng nông sản vừa bảo vệ môi trường. Tiêu chuẩn bảo vệ môi

trường trở thành tiêu chuẩn chung trong những chính sách EU về những vấn đề khác, không chỉ trong nông nghiệp. Tiến tới sử dụng một tiền chung ....

\* Sau một thời gian trưng cầu dân ý, ngày 1/1/1993, Hiệp ước Maastricht- Hiệp ước Liên minh châu Âu đã có hiệu lực sau khi được tất cả 12 nước thành viên EC phê chuẩn. Kể từ đây EU (European Union)-Liên minh châu Âu chính thức ra đời. Trụ sở đặt tại Brussels (Thủ đô vương quốc Bỉ).

Quốc kỳ: EU chọn cờ của EC làm quốc kỳ.

Quốc ca: Bài “Ode to joy” từ bản giao hưởng số 9 của Beethoven.

Cũng trong khoảng thời gian này đã diễn ra một sự kiện quan trọng khác: các nước EC đã đàm phán thành công với các nước EFTA (vào mùa hè năm 1991) về việc thành lập khu vực kinh tế châu Âu (EEA), một không gian kinh tế thống nhất rộng lớn ở Tây Âu.

\* Lần “mở rộng” thứ tư: ngày 1/1/1995 EU đã chính thức kết nạp thêm ba thành viên mới: Áo, Phần Lan và Thụy Điển.

\* Lần “mở rộng” thứ năm: Lần “mở rộng” lớn nhất trong lịch sử EU. Từ khi hiệp ước Maastricht được ký kết đến nay, EU đã tiến những bước dài trên đường tới châu Âu thống nhất. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Amsterdam năm 1997, các nước thành viên EU đã tập trung thảo luận và thông qua sửa đổi quan trọng trong Hiệp ước Maastricht về thành lập Liên minh châu Âu cùng những cải tổ sâu sắc hệ thống thể chế của EU, nhằm đưa tiến trình liên kết giữa các nước thành viên lên một bước mới cao hơn trên mọi lĩnh vực, trong bối cảnh EU sẽ tiếp tục mở rộng với một số nước thành viên vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Một trong những điểm quan trọng của Hiệp định là việc quy định mở rộng số thành viên của EU. Tại Hội nghị Amsterdam, Ủy ban châu Âu đã họp và chọn 6 nước gồm: Hungary, Ba Lan, Cộng Hoà Séc, Estonia, Slovenia và Síp để đàm phán và kết nạp đợt đầu vào năm 2002 – 2003. Các ứng cử viên khác, mặc dù chưa đáp ứng được các chỉ tiêu để tham gia các cuộc thương lượng đầy đủ về gia nhập EU, nhưng EU đảm bảo rằng các nước có thể gia nhập EU đợt đầu nếu thúc đẩy cải cách kinh tế và chính trị.

Từ Amsterdam tới Helsinki, EU đã tiến một bước dài. Hội nghị cấp cao EU tại Helsinki năm 1999 – 2000 đã kết thúc với một tuyên bố chung: “Tuyên bố thiên niên kỷ” – xác định lộ trình kết nạp thêm 13 thành viên mới, bao gồm 6 nước đã thương lượng gia nhập EU từ năm 1997 và tháng 3 năm 1998 là: Ba Lan, Hungary, Cộng hoà Séc, Síp, Estonia và Slovenia; 6 nước khác đã nộp đơn là: Bungary, Latvia, Malta, Rumani và Slovakia bắt đầu thương lượng việc gia nhập EU từ tháng 2 -2000 cùng với một ứng cử viên là Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau gần hai năm, ngày 16 – 4 2002, tại Athens (Hy Lạp), các nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu của 15 nước trong Liên minh châu Âu và 10 nước ứng cử viên của Trung và Đông Âu (là Ba Lan, Hungary, Slovakia, Slovenia, Szech, Estonia, Latvia, Lítva và 2 quốc đảo là Malta và Síp) đã ký vào Hiệp ước mở rộng EU lớn nhất từ trước đến nay.

Động cơ chủ yếu của các ứng cử viên, như trước đây vẫn là động cơ chiến lược – chính trị, tham gia vào EU là phương cách đơn giản để thực hiện mục đích “trở về châu Âu”. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, việc thống nhất 25 nước thành một khối được xem là một sự kiện lịch sử trong đời sống châu Âu, là dấu mốc xóa bỏ di chứng của chiến tranh lạnh, đưa 10 nước hội nhập vào hệ thống châu Âu vốn bị chia cắt từ hàng trăm năm qua. Hiệp ước được coi là một lời tuyên bố quan trọng về sự đoàn kết của châu Âu, là dấu hiệu các thành viên của EU muốn hàn gắn những thương tổn chính trị xảy ra trong cuộc khủng hoảng Irắc đã làm cho EU chia rẽ. Việc mở rộng không chỉ tạo cơ hội cho EU nâng cao vị thế chính trị – kinh tế của mình, mà còn giúp cho các quốc gia Trung và Đông Âu có cơ hội để cải thiện nền kinh tế và phát triển xã hội. Sức hấp dẫn của EU đối với ứng cử viên ngày càng lớn.

Ngày 1/5/2004, quốc kỳ của 10 nước Ba Lan, Hungary, Slovakia, Slovenia, Szech, Estonia, Latvia, Litva, Síp và Malta đã được kéo lên tại trụ sở của Ủy Ban châu Âu, tung bay cùng quốc kỳ của 15 nước thành viên EU cũ, đánh dấu một sự kiện lịch sử trọng đại, kể từ nay EU đã có 25 thành viên.

EU đã trở thành một “thực thể hùng mạnh” với tổng GDP năm 2003 là 11.048.982.000.000 USD bằng 106% GDP của Mỹ (10.980.000.000.000 USD) và bằng 21,5% GDP của toàn thế giới; Kim ngạch XK năm 2003 của EU là 2.859.399 tỷ USD gấp hơn 4 lần kim ngạch xuất khẩu của Mỹ và bằng 39,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới; Kim ngạch NK 3.333.595 tỷ USD, gấp hơn 2,6 lần kim ngạch nhập khẩu của Mỹ và bằng 46% tổng kim ngạch nhập khẩu của toàn thế giới [59, tr.9]

Với số lần “mở rộng” thứ năm, EU trở thành một thị trường rộng lớn nhất thế giới, nhờ đó EU củng cố được vị trí của mình trong WTO, IMF và OECD.

Sau lần mở rộng này, EU tập trung vào việc thiết lập 3 vành đai kinh tế, trong đó các nước EC là hạt nhân; EFTA là vành đai thứ hai và một số nước Đông Âu là vành đai thứ ba. EU hy vọng sẽ thống nhất được châu Âu trên cơ sở thống nhất về kinh tế, với mục tiêu chiến lược đến năm 2010 là:

- Xúc tiến những hình thức quản lý mới cho châu Âu;
- Tạo ra một khu vực hòa bình, tự do, dân chủ và an ninh;
- Tạo ra một chương trình kinh tế – xã hội chung;
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của mọi công dân, bảo vệ môi trường.

Cùng với việc mở rộng quá trình liên kết kinh tế, cũng tại Hội nghị cấp cao Helsinki, các quốc gia thành viên EU đã xúc tiến thực hiện liên minh chính trị, thiết lập chính sách đối ngoại, nền an ninh và phòng thủ châu Âu với tính độc lập và bản sắc riêng của mình, nhằm hạn chế bớt sự ảnh hưởng và lệ thuộc vào Mỹ. Hội nghị thượng đỉnh EU – 15 tại Cologne (Đức) tháng 6 năm 1999 và Hội nghị cấp cao Helsinki đã thông qua những bước đầu của quá trình xây dựng khu vực phòng thủ riêng của châu Âu, tạo ra khả năng quân sự cho quân đội các nước thành viên để có thể khắc phục các cuộc khủng hoảng như ở Cô xo vô mà không cần có Mỹ tham gia. Mục đích của

bước đi này là tăng cường liên minh phòng thủ Tây Âu (WEU), nhất thể hoá WEU vào EU, qua đó tạo cho EU sức mạnh quân sự bên cạnh sức mạnh kinh tế, đảm bảo một châu Âu an ninh, thịnh vượng với những bản sắc riêng của mình.

Từ Amsterdam tới Athens, EU đã thông qua “Tuyên ngôn thiên niên kỷ” về mục tiêu và nguyên tắc xây dựng châu Âu. Mặc dù còn nhiều vấn đề cần bàn cãi, song dù sao “Tuyên ngôn thiên niên kỷ” cũng cho thấy rõ một xu thế tiến tới một liên minh kinh tế, chính trị đầy đủ trong tương lai của EU, đồng thời phản ánh xu thế vừa muốn hoà nhập, vừa muốn bảo vệ tối đa lợi ích dân tộc của các quốc gia trong EU.

; Các thể chế cơ bản của EU

Các thể chế của EU được thành lập để giúp các quốc gia trong khối liên kết với nhau ngày càng chặt chẽ hơn. Cùng với sự phát triển của EU, các thể chế cũ ngày càng mở rộng chức năng và thành lập thêm các thể chế mới. Trong những năm đầu, EU có 4 cơ quan điều phối chính:

- Nghị viện châu Âu (European Parliament);
- Hội đồng châu Âu (Council of the European Union);
- Ủy ban châu Âu (European Commission);
- Toà án châu Âu (Court of Justice of the European Communities).

Thời gian gần đây, ngoài các cơ quan trên còn thành lập thêm:

- Thẩm kế viện (European Court of Auditors) hay còn gọi là Tòa kiểm toán châu Âu;
- Ngân hàng trung ương châu Âu (European Central Bank - ECB).
- Ngân hàng đầu tư châu Âu (European Investment Bank);
- Ủy ban kinh tế – xã hội (Economic & Social Committee);
- Ủy ban các vùng (Committee of the Region);
- Thanh tra châu Âu (European Ombudsman);
- European Data Protection Supervisor.

### **Nghị viện châu Âu:**

Hiện gồm 732 nghị sĩ (Theo hiến pháp mới của EU vừa được thông qua ngày 20/6/2004, Nghị viện châu Âu sẽ có tối đa 750 nghị sĩ được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm), có các chức năng:

- Xem xét và phê chuẩn luật mới, có vị trí bình đẳng với Hội đồng châu Âu trong việc đưa ra quyết định đối với lĩnh vực này;
- Phê chuẩn kế hoạch ngân sách EU;
- Kiểm tra dân chủ hoạt động của các cơ quan EU, có quyền thiết lập các Ủy ban Thanh tra;

- Thông qua các quyết định quan trọng, chẳng hạn như kết nạp thành viên mới vào Liên minh châu Âu, các thoả thuận thương mại hay liên kết giữa EU và các nước khác.

### **Hội đồng châu Âu:**

Là cơ quan lập pháp có chức năng đưa ra các quyết định chính của Liên minh châu Âu.

Hội đồng châu Âu bao gồm đại diện chính phủ của các quốc gia thành viên do các nước này bầu lên. Đây là diễn đàn cho các đại diện chính phủ các nước thành viên khẳng định quyền lợi của quốc gia mình và đạt được thỏa hiệp trong các vấn đề cùng quan tâm. Những đại biểu này tổ chức những cuộc họp thường kỳ cấp các nhóm công tác, các Đại sứ, Bộ trưởng để ra các quyết định về đường lối, chính sách hay ở cấp các nguyên thủ quốc gia. Cùng với Nghị viện châu Âu, Hội đồng châu Âu đặt ra các nguyên tắc cho tất cả các hoạt động của Cộng đồng châu Âu – EU.

Theo hiến pháp cũ của EU, các nước luân phiên làm Chủ tịch với nhiệm kỳ 6 tháng, còn theo hiến pháp mới được thông qua thì chức Chủ tịch Hội đồng châu Âu do Hội đồng châu Âu bầu ra với đa số phiếu và có nhiệm kỳ hai năm rưỡi.

### **Ủy Ban châu Âu:**

Là cơ quan hành pháp và là cơ quan hành chính, có nhiệm kỳ 5 năm. Ủy ban châu Âu phụ trách phần lớn công việc hàng ngày của Liên minh châu Âu: thảo ra các dự luật mới và trình những dự án luật này lên Nghị viện và Hội đồng châu Âu. Ủy ban giám sát việc thực thi các chương trình hoạt động của ngân sách Liên minh. Ủy ban cũng đảm bảo tất cả mọi công dân EU đều tuân thủ luật pháp và các điều ước của Liên minh.

Ủy ban châu Âu hiện gồm 20 ủy viên. 5 nước lớn: Anh, Pháp, Đức, Italia và Tây Ban Nha, mỗi nước có 2 thành viên; 10 nước nhỏ (thuộc EU - 15) còn lại: Áo, Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch, Ireland, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg, Hy Lạp, Bồ Đào Nha, mỗi nước có 1 thành viên. Theo hiến pháp mới số thành viên trong Ủy ban châu Âu (EC) từ năm 2014 sẽ chiếm 2/3 tổng số nước thành viên EU. Hiến pháp mới qui định các quyết định của EU sẽ chỉ được thông qua khi có ít nhất 55% các nước thành viên (chiếm khoảng 65% dân số của EU) tán thành. Chủ tịch EC hiện nay là ông R. Prodi (người Italia) sẽ mãn nhiệm kỳ vào ngày 31/10/2004. Chủ tịch mới được bầu vào ngày 29/6/2004 là Thủ tướng Bồ Đào Nha Jose Durao Barroso.

### **Toà án châu Âu:**

Hoạt động dựa trên sự tuân thủ luật pháp chặt chẽ: Khi các nguyên tắc chung trong Liên minh được đưa ra, điều quan trọng là chúng phải được thực thi và tất cả mọi người phải hiểu một cách thống nhất. Đó chính là điều mà toà án châu Âu phải bảo đảm. Toà án giải quyết các bất đồng về phương thức thực hiện các hiệp ước và các quy định pháp luật. Các toà án quốc gia phải tham khảo ý kiến của toà án châu Âu nếu chưa rõ phải áp dụng các qui định của EU như thế nào và khi có các cá nhân phát đơn kiện các cơ quan EU trước Toà án châu Âu.

Hiện trụ sở của Toà án châu Âu đặt tại Luxembourg, gồm 15 thẩm phán và chín trạng sư, do chính phủ các nước thành viên thỏa thuận bổ nhiệm, với nhiệm kỳ 6 năm.

### **Toà kiểm toán châu Âu:**

Gồm 15 thành viên được đồng bổ nhiệm bởi Hội đồng châu Âu, sau khi tham khảo ý kiến của Nghị viện, Toà kiểm toán có nhiệm kỳ 6 năm. Toà kiểm toán có chức năng giám sát việc chi tiêu của EU sao cho đúng pháp luật và trong sạch. Theo Hiệp ước Maastricht, Toà kiểm toán trở thành cơ quan thứ 5 của EU.

### **Ngân hàng Trung ương châu Âu:**

Có chức năng quản lý đồng tiền chung Euro. Ngân hàng đưa ra những quyết định độc lập về chính sách tiền tệ của châu Âu. Mục tiêu chính của Ngân hàng là đảm bảo sự ổn định của giá cả, nhờ đó nền kinh tế của châu Âu sẽ không bị nạn lạm phát tác động nghiêm trọng.

### **Ngân hàng Đầu tư châu Âu:**

Là cơ quan tài chính của EU cung cấp các khoản vốn vay để đầu tư nhằm thúc đẩy sự phát triển của một nền kinh tế cân bằng và hoà nhập.

### **Thanh tra châu Âu**

Mỗi công dân của các nước thành viên EU vừa là công dân của nước sở tại vừa là công dân EU. Với tư cách là công dân châu Âu họ có quyền áp dụng Luật thanh tra châu Âu nếu họ là nạn nhân trong việc quản lý yếu kém của các cơ quan EU.

### **Ủy ban Kinh tế – xã hội:**

Các nhà hoạt động xã hội, các nhà kinh tế sẽ đề xuất các ý kiến với Ủy Ban Kinh tế – xã hội; Ủy ban này sẽ nghiên cứu và đệ trình lên Ủy ban châu Âu, Hội đồng châu Âu và Nghị viện châu Âu để giải quyết.

### **Ủy ban các vùng:**

Là cơ quan trẻ nhất trong các thể chế của EU, Ủy ban này phải phản ánh ước muốn mạnh mẽ của các nước thành viên trong việc giải quyết mọi vấn đề sao cho vừa tuân thủ chính sách chung của EU, vừa bảo vệ quyền lợi của mỗi địa phương, mỗi khu vực và mỗi quốc gia thành viên.

## **1.2. Khái quát về khu vực Đông Bắc Á**

### **1.2.1. Vài nét về các nước Đông Bắc Á:**

Đông Bắc Á là một khu vực rộng lớn nằm tiếp giáp với Thái Bình Dương, có điều kiện tự nhiên rất đa dạng. Nửa phía tây phần đất liền có nhiều núi, sơn nguyên cao, hiểm trở và các bồn địa rộng có khí hậu và cảnh quan thuộc miền khô hạn. Nửa phía đông phần đất liền là vùng đồi, núi thấp xen vào các đồng bằng rộng. Phần hải đảo là vùng núi trẻ. Cả hai vùng này thuộc khí hậu ẩm với cảnh quan rừng là chủ yếu.



Ba nước Đông Bắc Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nhờ có phía Đông giáp Thái Bình Dương, một trong những vành đai sinh khoáng lớn của thế giới, mà có được nguồn tài nguyên và tiềm năng phát triển nhiều ngành kinh tế; phía Nam của Đông Bắc Á là Đông Nam Á, khu vực có các nước đang phát triển, có nền kinh tế năng động, nên khả năng mở rộng thị trường và xây dựng mối quan hệ đối tác ở khu vực này của Đông Bắc Á là rất lớn. Mặt khác, địa hình của khu vực Đông Bắc Á lại phong phú và đa dạng, vừa có lục địa lớn (như Trung Quốc), vừa có bán đảo (như Triều Tiên), lại vừa có hải đảo (như Nhật Bản); bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh. Đây chính là những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc phát triển cả về kinh tế lẫn quân sự của các nước Đông Bắc Á.

Từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX, Đông Bắc Á trở thành khu vực có tốc độ phát triển kinh tế nhanh và là nơi có nhiều nền kinh tế mạnh của thế giới.

### **1.2.2. Vị trí, vai trò của các nước Đông Bắc Á trong khu vực và thế giới:**

Khu vực Đông Bắc Á vừa có những điểm tương đồng về văn hóa, vừa có nhiều khác biệt về thể chế chính trị – xã hội và trình độ phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật. Đông Bắc Á đã và đang thu hút sự quan tâm rất lớn của thế giới bởi sự phát triển kinh tế rất mạnh mẽ theo hướng mở cửa với bên ngoài.

Bước sang thế kỷ XXI, Đông Bắc Á tiếp tục được coi là khu vực có sự phát triển kinh tế năng động trên thế giới với mức tăng trưởng GDP cao trong nhiều năm liền vì tuy là khu vực gồm những nước có tiềm lực kinh tế lớn như:

Nhật Bản, sau nhiều năm đình trệ, đã bắt đầu quá trình hồi phục và tiếp tục giữ vị trí kinh tế lớn thứ hai thế giới và là một trong ba trung tâm tài chính của thế giới. Sự phát triển kinh tế – thương mại nhanh đến mức “quá nóng” của Trung Quốc đã đưa nước này trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trên thế giới (với tốc độ tăng trưởng liên tục khoảng 9%, có lúc đỉnh điểm lên đến 12%). Mặt khác, trong khoa học – kỹ thuật, Trung Quốc cũng có những bước tiến lớn (như việc trở thành cường quốc thứ ba trên thế giới chinh phục vũ trụ). Vì thế, trong tương lai, Trung Quốc hoàn toàn có thể là một trong những đối thủ đáng gờm của Mỹ. Những thành tựu kinh tế phát triển ngoạn mục nhiều năm qua cũng đã làm cho Hàn Quốc trở thành một cường quốc kinh tế trong khu vực, một trong “bốn con Rồng” ở châu Á và được xếp vào danh sách các nước NIEs của thế giới. Đặc biệt, vai trò “đầu tàu” của các nước Đông Bắc Á cũng đã được thể hiện thông qua việc Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc có mặt trong hàng loạt các tổ chức và diễn đàn quốc tế của khu vực như APEC, ARF, ASEM, ASEAN(+3),...

Về chính trị, Đông Bắc Á với các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, vẫn là những nước có vị trí chính trị và tiếng nói quan trọng trong những vấn đề quốc tế. Với Trung Quốc, do tầm vóc, vị trí chiến lược, tiềm năng chính trị, quân sự và kinh tế, Trung Quốc ngày càng tỏ rõ là một cường quốc có ảnh hưởng sâu rộng ở khu vực và thế giới. Hơn nữa, do Trung Quốc có liên quan mật thiết đến hầu hết các thách thức an ninh ở khu vực như: vấn đề tranh chấp lãnh thổ với Nhật (một số đảo nhỏ và một

vùng lãnh hải – liên quan tới tài nguyên dầu khí và hải sản), vấn đề Đài Loan, vấn đề khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên nên sẽ có những chi phối và tác động đặc biệt đến diễn tiến của cục diện an ninh khu vực nói riêng và thế giới nói chung. Và trên tất cả, đó là vị trí vô cùng quan trọng của Trung Quốc trong tổ chức Liên Hiệp Quốc, với tư cách là một trong số năm thành viên của Hội đồng Bảo an thường trực. Còn với Hàn Quốc, ngoài việc Tổng thống Kim Te Chung với chương trình “Ánh dương” nhằm phấn đấu cho một bán đảo Triều Tiên hòa bình và thịnh vượng đã được trao giải thưởng Nobel vì hòa bình năm 2000, Hàn Quốc còn được thế giới biết đến vì họ đã giành được một thắng lợi đối ngoại quan trọng ở diễn đàn Liên Hiệp Quốc với việc Ngoại trưởng Ban Ki Moon đã trở thành Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc vừa mới nhậm chức trong nhiệm kỳ qua. Nhật Bản tuy vẫn bị nhắc đến như “Người khổng lồ một chân” nhưng họ vẫn đang cố gắng chứng tỏ về tiềm lực kinh tế lẫn chính trị bằng cách đẩy mạnh những hoạt động mang tính đóng góp vào sự phát triển và ổn định của thế giới như: Nhật Bản đã từng là nhà viện trợ hào phóng và nhiệt tình trong công cuộc tái thiết Bosnia, Kosovo, Serbia, Iraq và nhiều nơi khác với khoản viện trợ lên đến hàng chục tỉ đô la. Bên cạnh đó, Nhật Bản đang tiến hành việc sửa đổi Hiến pháp, đặc biệt là điều 9; nhanh chóng hiện đại hóa lực lượng vũ trang, gửi quân sang Iraq... và có khả năng sẽ mở rộng quân đội. Những việc làm trên của Nhật Bản là nhằm tìm kiếm một vị thế chính trị trên trường quốc tế tương xứng với tiềm lực kinh tế của mình. Với những nỗ lực đó, Nhật Bản hy vọng trong tương lai sẽ có được một chỗ trong Hội đồng Bảo an thường trực Liên Hiệp Quốc (nếu Liên Hiệp Quốc tiến hành quá trình cải tổ tổ chức này).

Như vậy, nghiên cứu quan hệ giữa EU và khu vực Đông Bắc Á là nghiên cứu quan hệ giữa hai khu vực có tầm quan trọng bậc nhất thế giới. Vì những động thái và ảnh hưởng của hai khu vực này đều có tác động trực tiếp tới tình hình của thế giới. Chính vì thế, EU đã rất tích cực trong việc xây dựng một chiến lược đối với các nước châu Á nói chung và khu vực Đông Bắc Á nói riêng.

## Chương 2

# CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

### 2.1. Bối cảnh quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh lạnh:

#### 2.1.1. Sự thay đổi trong cục diện thế giới:

Chiến tranh lạnh kết thúc đã mang lại tác động tích cực đối với tiến trình phát triển kinh tế thế giới. Thêm vào đó, sự bùng nổ của Cách mạng khoa học – kỹ thuật đã mở ra một giai đoạn phát triển mới cho quá trình cạnh tranh và hợp tác giữa các nước trên thế giới. Có thể thấy sự biến đổi về tình hình quốc tế sau chiến tranh lạnh thể hiện ở một số mặt sau:

Thứ nhất, Chiến tranh lạnh chấm dứt đã làm cho cuộc chạy đua vũ trang trên toàn thế giới giảm bớt và dịu đi, các nước trên thế giới đều dồn sức vào phát triển kinh tế. Kinh tế dần dần trở thành vấn đề cốt lõi trong các công việc quốc tế. Các quốc gia đều nhận thấy muốn đặt chân vào cộng đồng các dân tộc trên thế giới đều phải đặt phát triển kinh tế lên vị trí hàng đầu. Nhìn từ góc độ phát triển sức sản xuất, sự biến đổi có tính lịch sử này đang làm thay đổi bộ mặt thế giới.

Thứ hai, sự chấm dứt Chiến tranh lạnh đã tạo ra môi trường quốc tế rộng rãi, cởi mở hơn để phát triển quan hệ kinh tế giữa các nước với nhau. Điều này sẽ thúc đẩy tốc độ tăng trưởng buôn bán và đầu tư quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các nước hội nhập vào trật tự kinh tế toàn cầu.

Thứ ba, chiến tranh lạnh chấm dứt làm cho chính sách khoa học – kỹ thuật của các nước, đặc biệt là các nước lớn, có những chuyển biến to lớn, quan trọng. Nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật quân sự trước đây được chuyển sang nghiên cứu ứng dụng cho các lĩnh vực dân sự. Điều này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất.

Thứ tư, sau Chiến tranh lạnh, các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu, Trung Quốc,... cũng như nhiều nước đang phát triển từng chịu ảnh hưởng lớn của chính sách kinh tế kế hoạch tập trung trước đây như một xu thế, đã chuyển sang thực hiện cải cách, phát triển kinh tế thị trường mở làm cho phạm vi cạnh tranh và hợp tác giữa các nước được mở rộng hơn bao giờ hết.

Như vậy, việc kết thúc Chiến tranh lạnh đã mở ra một môi trường mới cho sự phát triển kinh tế thế giới và kinh tế đã trở thành trọng điểm trong quan hệ quốc tế. Cạnh tranh với sức mạnh tổng hợp quốc gia đã thay thế cho chạy đua vũ trang và trở thành hình thức chủ yếu trong quá trình đo sức giữa các cường quốc. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã bị đẩy lùi, song cuộc chạy đua kinh tế đang trở thành thách thức lớn nhất đối với an ninh của mỗi quốc gia. Điều đó đòi hỏi mỗi quốc gia nếu không muốn tự loại mình khỏi cuộc đua thì phải tập trung ưu tiên phát triển kinh tế.

#### 2.1.2. Liên minh châu Âu và châu Á trong thời đại toàn cầu hóa:

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, châu Âu là trọng điểm đối đầu Xô – Mỹ nên EC quan tâm chủ yếu đến các vấn đề an ninh châu Âu, do đó không quan tâm và cũng không có khả năng quan tâm đến các vấn đề của châu Á. Còn chính các nước châu Á, trừ Nhật Bản, còn lại hầu như đều là các nước kinh tế đang phát triển và kém phát triển nên không có vị trí gì đáng kể trong đời sống kinh tế thế giới. Tây Âu nói chung và EC nói riêng tuy vẫn rất cần nguyên liệu và thị trường nhưng do các yếu tố chính trị, tâm lí và địa lí v.v.. nên họ đã chọn Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh chứ không phải châu Á. Trong những năm đầu, sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, dường như ý chí và sức lực của EC dồn hết cho khu vực Trung Đông Âu và SNG (những năm 1988 – 1993 EU đã đàm phán và ký kết với khu vực này hơn 20 hiệp định trong khi với khu vực châu Á không có một hiệp định mới nào được ký kết trừ một hiệp định với Nhật Bản).

Tình hình đã thay đổi bước ngoặt khi sau “sự thần kỳ” Nhật Bản là sự nổi lên của “các con rồng” châu Á. Trước sự phát triển đầy ấn tượng đó dường như EC đã bừng tỉnh để nhận ra rằng mình không thể “bỏ lỡ chuyến tàu châu Á”. Thoạt tiên là CHLB Đức công bố “Kế hoạch ngoại giao châu Á” (10/1993) rồi Pháp với “Hành động chủ động của Pháp tại châu Á” (12/1994). Còn EC thì tháng 7/1994 đã công bố văn kiện “Chiến lược mới đối với châu Á” điều chỉnh quan hệ với các khu vực Nam Á, Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

Về phía châu Á, tại thời điểm này, giữa châu Á và EU vẫn chưa có mối liên hệ chặt chẽ nào. Nhận thức được điều đó, tại Hội nghị Kinh tế Cấp cao EU – Đông Á lần thứ 3 tại Singapore tháng 10/1994, Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong đã đưa ra sáng kiến tổ chức một Hội nghị Thượng đỉnh Á – Âu nhằm tăng cường sự hiểu biết và thúc đẩy hợp tác giữa hai châu lục. Đề nghị này đã được chính thức đặt ra với Thủ tướng Pháp trong chuyến thăm Pháp cuối năm 1994 của Thủ tướng Goh Chok Tong và ngay lập tức được nhiều nước Á – Âu hưởng ứng. Tháng 3/1996, Hội nghị các nguyên thủ quốc gia về hợp tác Á – Âu (Asia Europe Meeting – ASEM) lần đầu tiên được tổ chức tại Bangkok (Thái Lan) với sự tham gia của các nguyên thủ quốc gia 15 nước EU và 10 nước châu Á (bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và 7 nước ASEAN là Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam).

Sau Hội nghị cấp cao ASEM lần thứ nhất, Hợp tác Á – Âu đã chính thức ra đời và lấy tên của Hội nghị cấp cao đầu tiên (ASEM). Thực chất hiện nay ASEM là một diễn đàn hợp tác, cơ chế phối hợp thông qua các nước điều phối viên và chưa có ban thư ký. Các nước vẫn đang tiếp tục nghiên cứu thảo luận hướng phát triển của ASEM trong thời gian tới và ASEM có thể được nâng lên thành một tổ chức kinh tế khu vực giải quyết vấn đề tự do hóa thương mại và đầu tư giữa châu Á và EU.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, Hợp tác Á – Âu có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Các nước EU, thành viên ASEM đã trở thành một trung tâm kinh tế quan trọng trên thế giới. Vai trò EU càng được củng cố với việc hình thành Liên minh tiền tệ EU (EMU) và sử

dụng đồng tiền chung EURO vào tháng 1/1999. Liên minh EU đang đẩy nhanh quá trình nhất thể hóa cả về bề rộng và chiều sâu. Song song với EU, vai trò của châu Á ngày càng được củng cố và khẳng định trong hệ thống kinh tế và chính trị thế giới với tiềm năng to lớn về thương mại và đầu tư. Sự liên kết giữa hai khối kinh tế lớn này thông qua ASEM sẽ tạo ra một động lực mới thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư giữa hai châu lục phát triển trong quan hệ hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp của 3 khối kinh tế lớn là EU, Nhật Bản và các nước châu Á đang phát triển trên trường quốc tế. Hợp tác ASEM còn có một ý nghĩa mang tính chất chiến lược, đó là cầu nối thắt chặt châu Âu và châu Á, tạo đối trọng trong quan hệ giữa các trung tâm kinh tế lớn là EU, Mỹ, Nhật Bản và các nước châu Á đang phát triển.

Châu Á và EU đang đóng vai trò quan trọng cả về kinh tế lẫn chính trị trên thế giới. Vào những năm cuối của thập kỷ 90, tình hình quốc tế tiến tới hòa dịu sau chiến tranh lạnh, cả EU và châu Á đều đã giảm được nguy cơ về đối đầu quân sự, mở ra cho cơ hội phát triển kinh tế. Tuy nhiên cả hai châu lục đang đứng trước những cơ hội và thách thức. Cộng đồng quốc tế cũng đang đứng trước nhiều vấn đề phải khắc phục trong việc xây dựng một khuôn khổ mới sau chiến tranh lạnh: sự gia tăng các cuộc xung đột khu vực, việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, xung đột mang màu sắc tôn giáo, chủng tộc, các vấn đề toàn cầu như: môi trường, buôn lậu ma túy, nạn khủng bố và tội phạm quốc tế. Mỗi sự hợp tác chặt chẽ hơn và hoàn hảo hơn về chính trị và ngoại giao sẽ góp phần ổn định trong khu vực, tạo nên một môi trường ổn định cho hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học công nghệ giữa hai khu vực.

Giữa EU và châu Á có tiềm năng hợp tác to lớn. Cả hai châu lục đều là những cái nôi của các nền văn minh lâu đời và vững chắc. Các nền kinh tế EU đã đạt được sự phát triển cao, trong khi nhiều nền kinh tế châu Á đang trên đà phát triển với tốc độ tăng trưởng cao nhất trên thế giới.

Những mối quan hệ gắn bó hơn giữa hai châu lục này sẽ giúp cho cả hai khu vực có thể tận dụng được sự hỗ trợ lẫn nhau và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế liên tục trên mọi lĩnh vực.

## **2.2. Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông**

### **Bắc Á:**

#### **2.2.1. Mục tiêu của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông Bắc Á:**

Đối với khu vực Đông Bắc Á, EU đã xác định mục tiêu một cụ thể với từng nước như sau:

##### **2.2.1.1. Đối với Trung Quốc:**

Chiến lược châu Á thừa nhận tăng cường quan hệ hợp tác với Trung Quốc vừa là cơ hội vừa là thách thức đáng kể bởi Trung Quốc vừa là đối tác quan trọng vừa là đối thủ cạnh tranh đáng coi trọng. Năm 1998 EU đã công bố văn kiện “Xây dựng quan hệ đối tác toàn diện với Trung Quốc”; sau đó đến năm 2001 tiếp tục chỉnh sửa chiến lược đối với Trung Quốc và công bố văn kiện: “Báo cáo về chiến

lược của EU đối với Trung Quốc: Việc thực hiện văn kiện 1998 và những bước tiếp theo cho một chính sách có hiệu quả hơn của EU”. Chiến lược sửa đổi này đã nhấn mạnh:

- + Một là, tăng cường và tập trung vào đối thoại chính trị,
- + Hai là, ủng hộ Trung Quốc chuyển dịch sang một xã hội mở thông qua đối thoại tập trung hơn và hướng vào kết quả hơn về quyền con người,
- + Ba là, ủng hộ sự liên kết của Trung Quốc với kinh tế thế giới,
- + Bốn là, nâng cao hiệu quả của sự trợ giúp cho Trung Quốc bằng việc tập trung vào 3 lĩnh vực: trợ giúp cho tiến trình cải cách, khuyến khích phát triển bền vững và khuyến khích các sáng kiến cai quản tốt và cai trị bằng luật pháp.

#### **2.2.1.2. Đối với Nhật Bản:**

Quan hệ song phương đã có bước phát triển đáng kể từ sau khi ký Tuyên bố chung năm 1991 và xác lập những đối thoại thường xuyên ở các cấp. Những ưu tiên trong phát triển quan hệ hai bên trong những thập niên trước mắt:

- + Một là, xác định một hệ thống các sáng kiến hợp tác để chuyển từ đối thoại song phương sang phối hợp chính sách gần gũi hơn và có những hoạt động chung cụ thể trong các lĩnh vực chính trị và an ninh, kinh tế, tư pháp và các vấn đề xã hội,
- + Hai là, đối thoại về cải cách nhằm phục hồi kinh tế Nhật Bản thông qua mở cửa các thị trường hơn nữa và kích thích các dòng đầu tư trực tiếp từ EU,
- + Ba là, Đào tạo sâu hợp tác EU – Nhật Bản ở cấp độ đa biên cả trong khuôn khổ WTO với ưu tiên trước mắt là vòng đàm phán Doha và trong lĩnh vực môi trường nhằm phê chuẩn và thực hiện Nghị định thư Kyoto...

#### **2.2.1.3. Đối với Hàn Quốc:**

Từ 1/4/2001, Thỏa thuận khung EU – Nam Triều Tiên (EU – South Korea Framework Agreement) và tuyên bố chính trị kèm theo bắt đầu có hiệu lực. Văn kiện này đã hướng chiến lược đối với Hàn Quốc về những ưu tiên:

- + Một là, khuyến khích Hàn Quốc kiên trì trên con đường cải cách kinh tế,
- + Hai là, tiếp tục ủng hộ tiến trình hòa giải liên Triều,
- + Ba là, thực hiện có hiệu quả Thỏa thuận khung, đặc biệt chú trọng gia tăng quan hệ thương mại và đầu tư hai chiều,
- + Bốn là, tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ WTO.

Những mục tiêu này sẽ được EU cụ thể hóa thành những chính sách đối với các nước Đông Bắc Á.

## **2.2.2. Các chính sách của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông Bắc Á:**

### **2.2.2.1. Đối với Trung Quốc:**

Trong những năm cuối thế kỷ 20, Trung Quốc nổi lên thành một cường quốc khu vực, ngày càng hùng mạnh về kinh tế và quân sự. Trong hai thập kỷ qua, nền kinh Trung Quốc liên tục phát triển với tốc độ cao. Mặc dù sự kiện 11/9/2001 tại Mỹ đã tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế chung toàn cầu, nhiều nền kinh tế bị ảnh hưởng suy thoái khá nặng nề, nhưng nhiều chuyên gia vẫn đánh giá Trung Quốc có thể duy trì tốc độ phát triển 6 – 7% hoặc cao hơn trong nhiều năm nữa. Tỷ lệ phát triển đầy ấn tượng này sẽ tạo nền tảng cho một tiềm lực mạnh về kinh tế và quân sự. Rất nhiều đánh giá hiện nay cho rằng Trung Quốc sẽ tìm cách tránh xung đột trong khu vực để thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo đảm ổn định trong nước. Với quan điểm này, trong đối tác chiến lược của Trung Quốc hiện nay, Liên minh châu Âu (EU) đang là một trong những đối tác giàu tiềm năng và nổi bật nhất. Ngược lại, đối với EU, Trung Quốc cũng là tiêu điểm chú ý mà EU đang hướng tới trong các đối tác chiến lược quan trọng nhất ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Đi sâu nghiên cứu toàn diện quá trình phát triển của chính sách đối ngoại của EU đối với Trung Quốc cho thấy chính sách này liên tục trải qua những bước thăng trầm và hiện đang ở vào thời kỳ phát triển khá tốt đẹp. Trong nửa thế kỷ qua, chính sách của các nước Tây Âu đối với Trung Quốc có nhiều biến động và chịu nhiều sự chi phối của Mỹ trong suốt thập niên 40 đến cuối thập niên 60, khôi phục quan hệ ngoại giao trong niên 70, phát triển dần dần trong thập niên 80 và từ cuối thập niên 90 cho đến nay EU đã đưa ra chính sách đối ngoại toàn diện, độc lập và lâu dài của mình đối với Trung Quốc. Điều này phản ánh sự biến đổi của cả một thời đại cũng như đánh giá mới quan hệ Trung Quốc – EU đã bắt đầu bước vào một giai đoạn phát triển mới. Rõ ràng quá trình này là một sự tịnh tiến.

Nhìn lại lịch sử quá trình phát triển của quan hệ Trung Quốc – EU kể từ khi Trung Quốc mới được thành lập đến nay, có thể chia thành bốn giai đoạn: Giai đoạn đầu từ khi mới thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1949) đến cuối thập niên 60. Đây là giai đoạn mở đầu của việc Trung Quốc phát triển quan hệ với các nước Tây Âu. Trong giai đoạn này, đa số các nước Tây Âu duy trì sự nhất trí với Mỹ không thừa nhận nước Trung Quốc mới. Đến tháng 1-1964, việc Trung Quốc – Pháp chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ là sự kiện gây chấn động. Pháp trở thành nước lớn phương Tây đầu tiên ở Châu Âu thiết lập quan hệ ngoại giao toàn diện với Trung Quốc, một nước lớn xã hội chủ nghĩa ở châu Á do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Bước sang thập niên 70 cùng với sự tan băng sau khi Tổng thống Mỹ Nixon đi thăm Trung Quốc, quan hệ Trung – Mỹ đã dần dần bình thường hoá và lần đầu tiên xuất hiện cục diện mới hoà bình và hợp tác, khôi phục chiếc ghế đại diện hợp pháp của Trung Quốc ở Liên hợp quốc, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển Tây Âu đã tăng cường thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Đến cuối thập kỷ 70, trừ Andorra, Mônacô và Vatităng, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các

nước Tây Âu và thiết lập quan hệ chính thức với Cộng đồng châu Âu (EU) – tiền thân của Liên minh châu Âu (EU) vào giữa năm 1975. Trong giai đoạn này, mối quan hệ giữa Trung Quốc với Tây Âu trên các lĩnh vực chính trị và văn hoá phát triển ổn định, quan hệ kinh tế, thương mại phát triển tương đối nhanh. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cục diện này là do mối đe dọa chung: đối phó với Liên Xô. Ở góc độ sâu xa, điều này cũng phản ánh nguyện vọng chung của cả Trung Quốc và EU mong muốn có sự hoà bình ổn định và có sự trao đổi bình thường giữa hai bên.

Sang thập niên 1980, trong 10 năm Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách mở cửa, quan hệ Trung Quốc – EU bước vào giai đoạn phát triển mới. Hợp tác song phương trên các lĩnh vực phát triển nhanh chóng, đặc biệt là thăm viếng lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao và tăng cường đàm phán chính trị khiến quan hệ song phương đã có bước tiến triển lớn cả về bề rộng và chiều sâu. Trong giai đoạn này, quan hệ Trung Quốc – EU phát triển thuận lợi chủ yếu do hai nguyên nhân: Thứ nhất, do các nước Tây Âu xuất phát từ quan điểm phản đối sự bành trướng toàn cầu và sự đe dọa quân sự của Liên Xô, có sự nhất trí với Trung Quốc từ thập niên 70 trong việc phản đối chủ nghĩa bá quyền Liên Xô. Thứ hai, chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc đã cung cấp một thị trường rộng lớn và mở ra triển vọng hợp tác với tiềm lực rất lớn cho các nước EU. Đồng thời EU cũng hy vọng Trung Quốc sẽ phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Đến giữa thập kỷ 80, ở mức độ nào đó ở Tây Âu xuất hiện “con sốt Trung Quốc.”

Từ cuối thập niên 80, sau cơn sóng gió chính trị ở Bắc Kinh mà điển hình là “sự kiện Thiên An Môn”, các nước Tây Âu cùng Mỹ tiến hành trừng phạt đối với Trung Quốc, quan hệ Trung Quốc – EU xấu đi nhanh chóng do ba nguyên nhân chủ yếu sau: Thứ nhất, cùng với việc tổ chức Hiệp ước Vacsava giải tán và mất đi mối đe dọa của Liên Xô, các nước phương Tây cho rằng địa vị chiến lược của Trung Quốc không còn quan trọng nữa, không còn sử dụng con bài Trung Quốc để đối phó với mối đe dọa chủ nghĩa bá quyền của Liên Xô. Thứ hai, Nga và Đông Âu bắt đầu chiều hướng tiếp thu giá trị và chế độ kinh tế – chính trị của phương Tây, còn Trung Quốc lại trở thành trở ngại cho việc phương Tây dùng chế độ tư bản chủ nghĩa để “thống nhất thế giới”. Thứ ba, các nước phương Tây đánh giá sai về những diễn biến ở Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc cũng giống như Liên Xô – Đông Âu, chỉ cần phương Tây “đánh đòn” là sụp đổ. Dựa trên những đánh giá như vậy, các nước phương Tây do Mỹ đứng đầu đã thực hiện chiến lược “dùng sức ép để thay đổi Trung Quốc” và “phương Tây hoá”, đưa Trung Quốc vào hệ thống chính trị – kinh tế phương Tây do Mỹ đứng đầu, từ đó khiến quan hệ Trung Quốc – EU suy giảm đến mức thấp nhất.

Nhưng sau một thời gian không dài, các nước Tây Âu buộc phải thay đổi lại chính sách của mình. Từ năm 1992, EU và các nước thành viên xuất phát từ lợi ích bản thân, đứng trước bối cảnh phát triển mới của thế giới và sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới ở châu Á như các nước NIEs, ASEAN với hình thái phát triển liên tiếp đã phá vỡ “luận thuyết chỉ có một mô hình phương Tây”, đã phải điều



chính lại chính sách đối ngoại mới với Trung Quốc phải tùy thuộc vào điều kiện tiên quyết là Trung Quốc cần cải thiện tình trạng nhân quyền, nhưng vẫn duy trì ép về vấn đề nhân quyền; thứ hai, điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc không lấy việc thúc đẩy chế độ cộng sản Trung Quốc sụp đổ làm mục tiêu, vì điều này không thể thực hiện được, mà thông qua những bước nhỏ tạo sự uyển chuyển trong quan hệ đối ngoại như tiếp xúc và hợp tác mật dịch kinh tế để thay đổi Trung Quốc, khiến Trung Quốc dần từng bước hoà nhập vào xã hội “quốc tế hoá”

Đến cuối năm 1994, EU chính thức tuyên bố hủy bỏ trừng phạt đối với Trung Quốc, trừ buôn bán vũ khí. Quan hệ Trung Quốc và EU lại bước vào quỹ đạo phát triển bình thường. Tháng 7/1995, lần đầu tiên trong lịch sử EU công bố văn kiện về chính sách đối ngoại lâu dài đối với Trung Quốc với chủ trương tăng cường toàn diện mối quan hệ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá; đồng thời tuyên bố phải thông qua việc thực hiện chiến lược “tiếp xúc có tính xây dựng”, lấy nhân quyền làm hạt nhân, đưa Trung Quốc hoà nhập vào “dòng chảy chính của xã hội quốc tế”. Tháng 11/1996, EU lại đưa ra chiến lược mới hợp tác với Trung Quốc, nhấn mạnh đến tính chất toàn diện lâu dài và độc lập trong chính sách đối ngoại với Trung Quốc. Tuy nhiên cho đến năm 1997, nội bộ EU bắt đầu có hiện tượng phân hoá, các nước Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha không còn tham gia quyết nghị phản đối Trung Quốc về vấn đề nhân quyền nữa. Tháng 3/1998, EU chính thức thông qua văn kiện “Xây dựng mối quan hệ bè bạn toàn diện với Trung Quốc”, từ đó quan hệ Trung Quốc – EU bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển mới mang tính bền vững hơn.

Từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, cùng với việc kết thúc chiến tranh lạnh và sự phát triển mạnh mẽ của hai bên, quan hệ Trung Quốc – EU đã có bước tiến triển lớn. Năm 1998 hai bên đã xây dựng mối quan hệ đối tác mang tính xây dựng ; năm 2001 hai bên đã nâng lên thành quan hệ đối tác toàn diện; năm 2003 lại nâng lên thành đối tác chiến lược toàn diện. Hiện nay Trung Quốc – EU đã chế định chính sách phát triển quan hệ song phương lâu dài ổn định, đối thoại và hiệp thương các cấp đã có hiệu quả rõ rệt, cơ chế hợp tác từng bước hoàn thiện, mối quan hệ tương hỗ đã hình thành cục diện tốt đẹp, phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều cấp.

### **Về chính trị**

Hai bên đã thiết lập cơ chế đối thoại cấp cao. Cuộc gặp gỡ hàng năm giữa lãnh đạo cấp cao hai bên cho đến nay đã thực hiện được 8 lần, đã có tác dụng quan trọng đối với việc thúc đẩy sự tin tưởng nhau về chính trị giữa hai bên . Hai bên còn tiến hành định kỳ hiệp thương ở 7 cấp khác nhau như ngoại trưởng, vụ trưởng... để duy trì trao đổi và hợp tác mật thiết về tình hình quốc tế và khu vực, an ninh, chống khủng bố, ngăn ngừa phổ biến vũ khí hủy diệt, nhân quyền, di cư bất hợp pháp... Quốc hội Trung Quốc và Quốc hội châu Âu cho đến nay đã tiến hành 21 lần gặp gỡ công tác, đã hình thành chế độ giao lưu định kỳ thăm viếng nhau hai năm một lần. Đảng cộng sản Trung Quốc và các đảng phái

Châu Âu đã thiết lập mối liên hệ và giao lưu với nhiều hình thức khác nhau. Những hoạt động này đã thúc đẩy mạnh mẽ sự hiểu biết và hữu nghị giữa hai bên.

Thượng tuần tháng 9 năm 2005, Chủ tịch luân phiên EU, Thủ tướng Anh T. Blair và Chủ tịch Ủy ban châu Âu R.Prodi đã thăm Trung Quốc, tiến hành cuộc gặp cấp cao lần thứ 8 giữa Trung Quốc – EU, đã đạt được nhận thức chung rộng rãi và nhiều thành quả về việc đi sâu phát triển toàn diện mối quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc – EU cũng như những vấn đề quốc tế lớn hiện nay. Hai bên đã ký “Tuyên bố chung về cuộc gặp các nhà lãnh đạo Trung Quốc – EU lần thứ 8” và “Tuyên bố liên hợp về sự thay đổi bầu không khí quan hệ Trung Quốc – EU” đạt được hiệp định về việc giải quyết vấn đề hàng dệt may của Trung Quốc sang Châu Âu, từ đó đã nâng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc – EU lên tầm cao mới.

### **Về kinh tế**

Mối quan hệ kinh tế song phương phát triển nhanh đã trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy quan hệ song phương. Sự giao lưu giữa hai bên trong lĩnh vực mậu dịch, đầu tư, tiền tệ và chuyển nhượng kỹ thuật đã bước sang giai đoạn mới, hợp tác đã giành được thành quả rõ rệt. Trong 6 tháng đầu năm 2004, tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đạt 523 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kì năm 2003, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 258,1 tỷ USD, tăng 35,7%, kim ngạch nhập khẩu đạt 264,9 tỷ USD tăng 42,6%, nhập siêu 6,8 tỷ USD. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2001 kim ngạch xuất nhập khẩu nước này 6 tháng đầu năm vượt ngưỡng 500 tỷ USD.

Quan hệ thương mại, kinh tế giữa Trung Quốc và EU mở rộng trong mấy năm gần đây. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo thăm 5 nước Đức, Bỉ, Italia, Anh, Ailen đã mở ra thời kỳ hợp tác mới giữa Trung Quốc và EU. Thương mại Trung Quốc – EU đã tăng 40 lần kể từ năm 1978 tới nay. Năm 2003, kim ngạch thương mại song phương đạt 125 tỷ USD, đưa Trung Quốc thành đối tác thương mại lớn thứ 2 của EU.

Tại Đức, Thủ tướng Ôn Gia Bảo và Thủ tướng Gerhard Schroeder đã nhất trí nâng gấp đôi giá trị thương mại hai nước lên 90 tỷ USD vào năm 2010. Tại Châu Á. Trung Quốc đang là đối tác thương mại lớn nhất của Đức và tại châu Âu, Đức là đối tác thương mại lớn của Trung Quốc. Tại Italia, nguyên Thủ tướng Silvio Berlusconi đã khẳng định nước này rất quan tâm tới hàng hoá của Trung Quốc, vì nó mang đậm màu sắc truyền thống Á Đông.

Trung Quốc mong muốn không ngừng mở rộng quan hệ thương mại với Pháp. Các doanh nghiệp của Pháp hy vọng quan hệ đối tác thương mại với Trung Quốc sẽ phát triển mở ra những triển vọng mới trong nhiều lĩnh vực. Hiện nay các doanh nghiệp Pháp rất quan tâm tới thị trường năng lượng, hàng không và giao thông vận tải của Trung Quốc. Năm 2003, xuất khẩu hàng hoá của Pháp sang thị trường Trung Quốc chiếm 1,6% tổng sản lượng hàng hoá xuất khẩu.

Trong chuyến thăm Pháp mới đây của Phó Thủ tướng Trung Quốc Tăng Bồi Viêm, hai bên đã ký hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại, trong đó có hợp đồng Trung Quốc mua 20 máy bay A330 – 300, trị giá hơn 2 tỷ USD giữa hãng hàng không quốc gia Trung Quốc và tập đoàn Airbus. Một hợp đồng khác cũng được ký giữa tập đoàn viễn thông Alcatel của Pháp với Công ty ChinaSat của Trung Quốc, theo đó Pháp sẽ cung cấp cho nước này một vệ tinh truyền hình trị giá khoảng 120 triệu USD.

Năm 2004, kim ngạch mậu dịch song phương giữa Trung Quốc và EU đạt 177,28 tỷ USD, tăng 47 lần so với khi hai bên thiết lập mối quan hệ ngoại giao, hiện nay, EU đã vượt Mỹ và Nhật Bản trở thành bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc, còn Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ hai của EU. Lâu nay, EU vẫn là nguồn đầu tư quan trọng và là bên cung ứng kỹ thuật và thiết bị lớn nhất cho Trung Quốc. Đến cuối năm 2004, Trung Quốc đã nhập từ EU 19.008 hạng mục kỹ thuật, EU có 19.738 Công ty đầu tư vào Trung Quốc với kim ngạch đầu tư theo hợp đồng đạt 75,38 tỷ USD, kim ngạch đầu tư thực tế đạt 42,52 tỷ USD.

Hợp tác kinh tế mậu dịch Trung Quốc – EU không chỉ có sự tiến triển lớn về quy mô, mà kết cấu mậu dịch song phương cũng có sự cải thiện rõ rệt. Mậu dịch song phương từ sản phẩm sơ cấp dần dần quá độ sang sản phẩm kỹ thuật cao. Từ năm 2000 đến nay, mậu dịch sản phẩm kỹ thuật cao song phương đã tăng gấp đôi, trong đó xuất khẩu của Trung Quốc sang EU đạt 11,95 tỷ USD, tăng 39,7% EU lần đầu tiên vượt Mỹ trở thành thị trường lớn nhất nhập khẩu sản phẩm cơ điện của Trung Quốc[21, tr.22-23].

Tiến trình cơ giới hoá hợp tác kinh tế mậu dịch Trung Quốc – EU đang phát triển theo chiều sâu. Ngoài Ủy ban hỗn hợp kinh tế mậu dịch Trung Quốc - EU cấp Bộ ra, Trung Quốc và EU điều thành lập cơ chế đối thoại về chính sách công nghiệp, mậu dịch cạnh tranh, môi trường, quyền sở hữu trí tuệ. Hai bên còn ký Hiệp định hợp tác hải quan, khởi động đối thoại trên lĩnh vực tiền tệ. Tại hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc – EU năm 2005, hai bên đã ký nghị định thư hợp tác về dịch vụ lao động, phát triển hàng không vũ trụ, sinh học, giao thông đường thủy... Hợp tác kinh tế – mậu dịch Trung Quốc – EU đang không ngừng phát triển theo chiều sâu trên cơ sở hoàn thiện cơ chế hợp tác .

### **Về khoa học kỹ thuật**

Liên minh châu Âu và Trung Quốc dự kiến sẽ ký bản ghi nhớ (MOU) về hợp tác phát triển công nghệ than sạch, khi cộng đồng thế giới đang nỗ lực ứng phó và ngăn chặn hiện tượng biến đổi khí hậu trên trái đất. Thỏa thuận này sẽ giúp xây dựng và tăng cường các chương trình về phát triển quan hệ đối tác, như các kế hoạch hành động về công nghệ than sạch, sử dụng hiệu quả năng lượng và năng lượng tái sinh. Nó cũng thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu đã được nêu trong đối thoại Trung Quốc – EU về chiến lược năng lượng và môi trường Trung Quốc – EU. Đối với EU, năng lượng là một trong những mối quan tâm hàng đầu và Khối sẵn sàng hợp tác với Trung Quốc trong lĩnh vực phát triển công

nghe sạch, trong đó có chương trình sản xuất điện bằng than nhưng không thải ra khí ô nhiễm. Việc này sẽ thúc đẩy quan hệ đối tác giữa hai bên trong lĩnh vực khoa học và nghiên cứu.

Giao lưu khoa học kỹ thuật Trung Quốc – EU ngày càng mật thiết. Từ ngày 6 đến ngày 11/4/2004, ông Philippe Busquin, Ủy viên Ủy ban châu Âu phụ trách nghiên cứu, dẫn đầu một đoàn gồm những doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực không gian vũ trụ của Liên minh châu Âu đi thăm Trung Quốc, nhằm mở rộng các mối quan hệ hợp tác giữa EU và Trung Quốc, nhất là trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Mục tiêu chính của EU trong việc tăng cường hợp tác với Trung Quốc trên lĩnh vực khoa học và công nghệ là tìm ra một giải pháp chung về phân tích và giải quyết các vấn đề trên thế giới liên quan đến an toàn thực phẩm, quản lý tài nguyên thiên nhiên, dịch bệnh lây nhiễm, an toàn môi trường.

Năm 2005 hai bên đã tổ chức thành công diễn đàn khoa học kỹ thuật cấp cao đầu tiên, ký kết hàng mục hợp tác quốc tế về lò thử nghiệm phản ứng nhiệt hạch (ITER), tổ chức hội thảo về hàng không vũ trụ. Điều đặc biệt quan trọng là Trung Quốc và EU đã tiến hành hợp tác hàng mục kỹ thuật không gian “Kế hoạch Galilê”. Kế hoạch này bố trí hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu, sau khi xây dựng xong vào năm 2008 sẽ trở thành hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu tiên tiến nhất thế giới. Hàng mục này là hàng mục hợp tác khoa học kỹ thuật cao lớn nhất và quan trọng nhất của Trung Quốc với nước ngoài.

### **Về văn hoá**

Giao lưu văn hoá Trung Quốc - EU được triển khai sâu rộng. Điều này được biểu hiện nổi bật trong hoạt động “năm văn hoá” mà hai bên tổ chức. Từ tháng 10/2003 đến tháng 7/2005, Trung Quốc và Pháp lần lượt tổ chức tại nước mình “năm văn hoá Pháp” và “năm văn hoá Trung Quốc”. Đây là hoạt động giao lưu văn hoá đầu tiên giữa Trung Quốc và EU có quy mô lớn nhất cả về thời gian, không gian và hàng mục. Trung Quốc sẽ còn cùng với các nước Đức, Tây Ban Nha... tổ chức hoạt động giao lưu “năm văn hoá” tương tự. Việc giao lưu với quy mô lớn trên lĩnh vực văn hoá này có ý nghĩa và tác dụng đặc biệt đối với việc tăng thêm sự hiểu biết và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu hảo song phương. Trung Quốc còn xây dựng Trung Tâm văn hoá Trung Quốc tại Pháp, Manta và sẽ tiếp tục xây dựng các Trung Tâm văn hoá ở Đức, Anh, Italia... điều này sẽ đem lại cơ hội mới cho việc tăng cường giao lưu và hữu nghị giữa nhân dân Trung Quốc và châu Âu.

### **2.2.2.2. Đối với Nhật Bản:**

Vào cuối thế kỷ XX, cả EU và Nhật Bản đều là những điểm thu hút sự chú ý của cả thế giới. Khủng hoảng tài chính cùng những khó khăn về cơ sở hạ tầng ảnh hưởng đến uy thế của nền kinh tế Nhật Bản. Trong khi đó, ở châu Âu, một hệ thống tiền tệ chung hướng EU tới việc giữ một vai trò quốc tế lớn hơn. Cùng một lúc, cả EU và Nhật Bản bước vào thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh lạnh cùng với những thay đổi trong mối quan hệ với Mỹ và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trong điều kiện

toàn cầu. Đồng thời hai nước còn tham gia vào các cuộc tranh luận để quyết định xem vấn đề nào hiện nay nên là vấn đề chi phối chương trình nghị sự quốc tế chính xác nên tiến hành bằng cách nào và ở mức độ nào.

Với mục đích chú trọng vào những vấn đề như thế và xác lập vị trí của mình trong trật tự thế giới mới, cả EU và Nhật Bản đều đang từng bước thắt chặt quan hệ. Các cuộc đối thoại song phương giữa hai bên hiện nay chịu tác động bởi hàng loạt các vấn đề nảy sinh trên thế giới như nội chiến, chạy đua vũ trang và vũ khí hạt nhân, thiên tai .... Cũng như những vấn đề nảy sinh trong lòng chính EU và Nhật Bản. Hơn nữa, cũng với việc tiếp tục mở rộng và đánh giá lại các thông số trong mối quan hệ song phương, EU và Nhật Bản hiểu được rằng những bất đồng trong quan hệ kinh tế song phương và trong văn hoá sẽ được thu hẹp lại nếu được đặt trong một tập hợp các mối quan hệ mang tính khu vực toàn cầu rộng rãi.

Những năm 90 thế kỷ XX đã gieo những hạt giống cho một mối quan hệ mới giữa EU và Nhật Bản. Môi trường quốc tế thay đổi một cách nhanh chóng, Nhật Bản đã cố gắng thiết lập một vị trí mới trên chính trường quốc tế và quá trình hợp nhất Cộng đồng châu Âu (EC) vẫn tiếp tục được xúc tiến. Kể từ những năm 60, quan hệ EU – Nhật Bản được duy trì bởi hàng loạt các cuộc tiếp xúc không định trước và được phát triển thành những quan hệ khung có tính chất lâu dài kể từ ngày Tuyên bố Hague giữa hai bên được ký kết vào tháng 7 năm 1991. Cũng trong năm 1991, EU và Nhật Bản ký Tuyên Bó chung với tham vọng tạo ra một “mối quan hệ hữu hảo” giữa hai bên, tuy vậy những thách thức trong tương lai cũng hiển hiện. Đây là bước tiến quan trọng của mối quan hệ song phương mà trước đây hai bên từng không quan tâm và có những tranh chấp thương mại. Tuyên bố này đưa ra để xác nhận và đánh dấu cơ sở cho sự hợp tác hữu hảo giữa hai bên trở thành hiện thực.

### **Quan hệ chính trị**

Việc tăng cường quan hệ chính trị EU – Nhật Bản bao gồm cả những mục tiêu được ưu tiên. Đối thoại chính trị song phương hiện nay đang rất phổ biến. Mỗi bên đều tham gia một cách chủ động vào việc hợp tác trong khu vực bên kia. Chẳng hạn, Nhật Bản là nhà viện trợ hào phóng và nhiệt tình trong cuộc tái thiết và phục hồi Bosnia, Kosovo và Serbia. Còn phía EU cũng tham gia vào công việc trên bán đảo Triều Tiên thông qua kế hoạch “KEDO” và trong lĩnh vực nhân đạo cũng như các sự giúp đỡ khác cho Bắc Triều Tiên. Nhật Bản cũng thông báo ý định muốn tăng cường quan hệ chính trị với EU, một bước phát triển được châu Âu xem như động thái hết sức tích cực của phía Nhật Bản. Cả EU và Nhật Bản đều là cường quốc về kinh tế, hai bên đang tìm kiếm một vị thế chính trị trên trường quốc tế cho tương xứng với tiềm lực kinh tế của mình. Và chắc sẽ rất nhiều cơ hội thuận lợi để hai bên phát triển xa hơn nữa hợp tác về chính trị, cùng sát cánh bên nhau trong việc giải quyết các vấn đề trên trường quốc tế.

Đối thoại chính trị đóng vai trò là nhân tố chủ chốt trong quan hệ EU – Nhật Bản, bởi yếu tố đó cả EU và Nhật Bản sẽ thu được rất nhiều thành quả, cùng nhau sẽ chia lợi ích. Kể từ sau chiến tranh lạnh, bối cảnh chính trị thế giới đã và đang liên tục thay đổi một cách nhanh chóng. Chính điều đó đã dẫn đến nhu cầu cấp thiết cần phải thiết lập những cuộc hội đàm chính trị và hợp tác giữa các đối tác trên toàn thế giới. Dựa trên nhu cầu đó, bản Tuyên bố chung về “ Quan hệ giữa cộng đồng châu Âu và các quốc gia thành viên với Nhật Bản” đã ra đời năm 1991, thiết lập mục tiêu và nền tảng cho các cuộc đối thoại chính trị giữa EU và Nhật Bản, ở tất cả các cấp mà tiêu biểu nhất là các cuộc gặp thượng đỉnh giữa những người đứng đầu chính phủ hai bên được tổ chức thường niên kể từ năm 1991. Tuyên bố chung năm 1991 đã đề ra các mục tiêu chính trị dựa trên hàng loạt các nguyên tắc cùng có lợi, trong đó bao gồm nhu cầu thúc đẩy tự do, dân chủ, pháp luật, nhân quyền và sự chấp hành các nguyên tắc chung của nền kinh tế thị trường. Những mục tiêu này là sự phản ánh nguyện vọng của hai bên vì sự ổn định và thịnh vượng của thế giới.

EU và Nhật Bản cùng nhau sẽ chia mong muốn về một thế giới hoà bình và ổn định bằng việc tham gia giải quyết những rắc rối trong khu vực của nhau. EU và các quốc gia thành viên cũng như Nhật Bản đều là những quốc gia phát triển, đề cao quyền tự do và dân chủ với mục tiêu chính là ngăn chặn và giảm thiểu tội ác, nên người dân có thể sống một cách hoà bình và an toàn. EU và Nhật Bản hướng tới việc phát triển hợp tác trong vấn đề xúc tiến giải quyết các xung đột khu vực và quốc tế bằng biện pháp hoà bình, tăng cường mở rộng hệ thống thương mại đa phương và giúp cho các quốc gia đang phát triển có thể hoà nhập vào hệ thống thế giới. Nhật Bản cũng được coi như một nhà tài trợ hào phóng trong công cuộc tái thiết và phục hồi ở Bosnia, Kosovo và các khu vực xung quanh, góp phần vào Hiệp ước về sự ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Nhật Bản cũng đã đầu tư hơn 1 tỷ Euro cho khu vực này. Nhật Bản nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia vào các nỗ lực của thế giới nhằm duy trì hòa bình và ổn định ở một phần của thế giới, cho dù nơi đó không đe dọa trực tiếp đến an ninh của Nhật Bản, nhưng có thể gây mất ổn định lục địa châu Âu, nơi rõ ràng là Nhật Bản có rất nhiều lợi ích ở đó. Về phía mình, EU cũng đóng góp rất nhiều trong nỗ lực nhằm xây dựng một nền hoà bình và ổn định trên bán đảo Triều Tiên. Trong quan hệ với Mỹ, Nhật bản và Hàn Quốc, EU là thành viên của tổ chức phát triển năng lượng trên bán đảo Triều Tiên – KEDO. EU cũng viện trợ lương thực và các tổ chức nhân đạo cho Bắc Triều Tiên (180 triệu Euro kể từ năm 1996) để giúp nước này vượt qua nạn đói. Bằng cách này, cũng như hợp tác chặt chẽ với Mỹ và Nhật Bản, EU có thể góp phần đề ra các chính sách để khuyến khích Bắc Triều Tiên gia nhập vào cộng đồng các quốc gia thế giới.

Tập trung đối thoại vào kế hoạch hành động chung và các dự án. Hướng tới việc củng cố hợp tác chính trị dựa trên Tuyên bố chung năm 1991, thiết lập một nền tảng vững chắc cho sự phát triển đối thoại chính trị giữa EU – Nhật Bản ở tất cả các cấp. Mọi quan hệ chính trị giữa EU và Nhật Bản đã trải qua một quãng đường dài kể từ năm 1991, cả hai bên đều nhận thấy

rằng mối quan hệ này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Mục tiêu quan trọng hiện nay chính là đưa quan hệ chính trị EU – Nhật Bản lên ngang tầm với nền kinh tế của hai bên. Mỗi bên cũng biết rằng điều này sẽ phụ thuộc vào việc sửa đổi các cam kết chính trị và vấn đề năng lượng. EU và Nhật Bản dường như đã sẵn sàng cho mối quan hệ đối tác trong tương lai, sẽ là một mối quan hệ cân bằng, mang một tâm vóc chính trị mạnh mẽ hơn, và sẽ ít phụ thuộc vào nền kinh tế và quan hệ thương mại.

### **Quan hệ thương mại**

Từ trước đến nay, thương mại luôn được bàn đến nhiều nhất trong mối quan hệ song phương EU – Nhật Bản. Những năm gần đây, tình hình đã có những thay đổi lớn lao ảnh hưởng tích cực đến giao dịch thương mại giữa hai bên. Giai đoạn 1995- 1999, xuất khẩu của Nhật Bản tới các nước EU tăng gần một nửa và của EU là gần 1/3 . Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ năm của EU sau Mỹ, Thụy Sĩ, Nga và Trung Quốc; còn EU là thị trường lớn thứ hai cho hàng hóa từ Nhật Bản. Việc Hiệp định Công nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Agreement – MRA ) được ký kết đã mang lại lợi ích cho cả hai bên. Hàng năm MRA giúp hai bên cắt giảm chi phí ngoại thương gần 21,4 tỷ Euro. Hiệp định này cho phép xác nhận hàng hóa hiển nhiên của bên này với bên kia, đánh dấu một bước tiến quan trọng giúp hàng hoá dễ tiếp cận với thị trường hơn. Hiệp định về Hợp tác và Các vấn đề cho các trường hợp mua bán và sáp nhập các doanh nghiệp nhằm tăng tính cạnh tranh. Một vấn đề khác cũng rất được quan tâm là việc Nhật Bản mở thị trường cho các loại hàng hóa như da và thịt lợn.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng linh động hơn .Trước đây, FDI từ EU vào Nhật Bản rất nhỏ so với dòng FDI ngược lại, nhưng giai đoạn 1995-1999, dòng vốn FDI từ EU vào Nhật Bản tăng rất mạnh và dòng vốn hai chiều đã gần cân bằng . Mặc dù lượng vốn FDI lũy kế vào Nhật Bản so với GDP là rất nhỏ, chỉ khoảng 1% (EU là 15% và Mỹ là 12%), nhưng từ năm 1998 từ lượng FDI từ EU vào Nhật tăng đột biến. Năm 1999, tăng 27% và giữ nguyên mức ấn tượng này đến nay. Vụ Vodafone rót 11 tỷ USD vào Nhật Bản là lớn nhất trong lịch sử FDI của Nhật Bản. Suốt 3 năm qua, EU đã bắt kịp Mỹ, trở thành nguồn vốn FDI rất quan trọng của Nhật Bản, ngược lại EU là thị trường lớn nhất cho FDI từ Nhật Bản.

Trong 8 năm, giai đoạn 1993 – 2004, giá trị xuất khẩu của Nhật Bản vào EU tăng hơn 40% ( từ 50,1 tỷ Euro lên 73,5 tỷ Euro), trong khi đó EU cũng xuất sang Nhật Bản lượng hàng hóa tăng vọt từ 28,8 tỷ Euro lên 43,1 tỷ Euro. Các doanh nghiệp EU có rất nhiều cơ hội kinh doanh đầy triển vọng ở Nhật Bản, từ năm 2000 đến 2004, xuất khẩu hàng hoá của EU vào Nhật Bản trung bình giảm khoảng 1,3% mỗi năm. Tuy nhiên, giữa năm 2003 và 2004, xuất khẩu của EU lại tăng khoảng 5,2%. Hiện tại, xu hướng xuất khẩu của EU có vẻ đã ổn định hơn, vào khoảng 0,7% năm 2005. Nhật Bản chiếm 4,1% trong tổng số hàng xuất khẩu của EU (2005), cụ thể là 7,36% hàng nông sản; 5,46% hàng dệt may; 5,39% hoá chất và 4,21% phương tiện giao thông. Năm 2005, Nhật Bản chiếm 6,2% thị trường nhập

khẩu của EU và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 4 của EU sau Mỹ, Trung Quốc và Nga. EU nhập từ Nhật bản chủ yếu là máy móc và phương tiện giao thông (45,1%), hoá chất (15,4%) [30, tr.71].

### **Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp**

Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp giữa EU và Nhật Bản được mở rộng theo từng năm. Đây là một lĩnh vực quan trọng trong đối thoại kinh tế song phương. Kể từ tháng 5 năm 1993, các cuộc hội đàm về chính sách và hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp giữa EU và Nhật Bản được tổ chức đều đặn hàng năm. Mục đích là nhằm cổ vũ hợp tác công nghiệp và thúc đẩy việc thông qua các chính sách công nghiệp, qua đó giúp tăng cường và cải thiện mối quan hệ kinh tế giữa EU và Nhật Bản. Trong suốt vòng 4 của cuộc hội đàm tháng 5 năm 1996, nội dung thảo luận chủ yếu là việc thừa nhận và đào tạo sinh viên và các nhà kinh doanh trẻ, xem xét tình trạng và triển vọng trong tương lai việc hợp tác giữa các ngành công nghiệp riêng lẻ. Hội nghị bàn tròn tập trung những nhà quản lý của các công ty hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau được tổ chức lần đầu tiên vào tháng 2 năm 1995 ở Tokyo, thảo luận về khu vực công nghiệp tư nhân cũng như các chương trình hợp tác riêng lẻ giữa EU và Nhật Bản. Trong cuộc họp lần 2 được tổ chức ở Brussels vào tháng 11 năm đó, chương trình nghị sự chủ yếu tập trung vào tính cạnh tranh và hợp tác của công nghiệp giữa EU và Nhật Bản ở các nước thế giới thứ ba và những lĩnh vực hợp tác mới ra đời từ cuộc cách mạng thông tin xã hội. Cũng có rất nhiều các cuộc hội thảo về kinh doanh khác, các cuộc thương lượng mua bán (trong ngành công nghiệp ô tô) trong các lĩnh vực riêng lẻ và qua đó giúp phát triển sự hợp tác công nghiệp. Vào tháng 5 năm 1987, Trung tâm hợp tác công nghiệp EU – Nhật Bản đã được thành lập nhằm thúc đẩy sự phát triển hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp và quan hệ kinh doanh giữa EU và Nhật Bản. Kinh phí hoạt động của trung tâm do cả hai phía EU và Nhật Bản tài trợ. Hoạt động chính của trung tâm là: Cung cấp các chương trình đào tạo cho các nhà quản lý lâu năm và các kỹ sư châu Âu; Cung cấp thông tin giúp xúc tiến hoạt động xuất khẩu EU vào Nhật Bản và tháo gỡ những rào cản về đầu tư.

### **Chính sách cạnh tranh.**

Kể năm 1980, hằng năm, EU và Nhật Bản đã có sự trao đổi thông tin trong lĩnh vực này thông qua Ủy ban thương mại bình đẳng Nhật Bản và Ủy ban châu Âu. Trong lần trao đổi thứ 15 được tổ chức ở Tokyo tháng 11 năm 1995, Nhật Bản đã đưa ra một báo cáo hệ thống giảm trừ giá hàng tái xuất, còn EU đưa ra báo cáo về thúc đẩy tự do hóa trong viễn thông và vận tải đường biển. Cả hai bên đã thảo luận hai bản báo cáo này một cách sôi nổi. Kể từ năm 1993, Nhật Bản và EU tổ chức hội thảo về chính sách cạnh tranh thường niên trên rất nhiều lĩnh vực: công nghiệp, các vấn đề học thuật và những nhóm người tiêu dùng...

### **Giao thông.**

Kể từ năm 1992, hằng năm, các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực này của EU và Nhật Bản đã tổ chức các cuộc hội thảo cấp cao. Các cuộc hội thảo chính là một diễn đàn để trao đổi quan



điểm cũng như những thông tin về các chính sách trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường biển và hàng không, trong cam kết cùng giải quyết các vấn đề quốc tế và trong việc phối hợp đề ra các chính sách về giao thông giữa EU và Nhật Bản. Trong cuộc hội thảo lần thứ 5 được tổ chức ở Tokyo tháng 4 năm 1996, chương trình nghị sự bao gồm việc sử dụng vệ tinh nhân tạo trong lĩnh vực giao thông, các biện pháp an toàn giao thông đường biển, các vấn đề về môi trường và công nghệ giao thông. Các cuộc hội thảo cũng xác nhận việc EU và Nhật Bản sẽ hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và các vấn đề quốc tế khác.

### **Thông tin và viễn thông.**

Công nghệ và cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực viễn thông phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới đã đặt ra những yêu cầu cấp bách. Nhận thức được vấn đề này, hai bên đã tổ chức Diễn đàn về Thông tin ở Paris tháng 6 năm 1994 với sự tham gia của chính phủ, doanh nghiệp và các học học giả. Hai bên đã trao đổi rất nhiều thông tin quan trọng và sự thành công này đã khiến họ tổ chức một diễn đàn thứ 2 ở Tokyo vào tháng 9 năm 1995. Kể từ năm 1997, các nhà làm chính sách của hai bên đã tổ chức các diễn đàn tư vấn song phương thường niên về chính sách viễn thông và phát thanh truyền hình, tập trung vào vấn đề làm thế nào để đưa ra chính sách phù hợp cho ngành mà sự tự do rất được đề cao. Nhân dịp này, hai bên thúc đẩy sự hợp tác để xác nhận một xã hội thông tin toàn cầu, khuyến khích chương trình nghị sự giữa hai bên và mở rộng kênh giao tiếp giữa con người.

### **Khoa học và công nghệ**

Nhật Bản và châu Âu hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề khoa học quốc tế và các dự án phát triển công nghệ như Trung tâm Khoa học và Công nghệ Quốc tế (ISTC), tổ chức nghiên cứu hạt nhân Châu Á (CERN) và một kế hoạch chung về trạm vũ trụ không gian. Hai bên cũng có những hợp tác cụ thể về nghiên cứu chính sách khoa học công nghệ và nghiên cứu địa chấn. Hơn nữa, những trao đổi tích cực giữa những nhà nghiên cứu hai bên thường xuyên được cơ quan Khoa học Công nghệ và các cơ quan khác của Nhật Bản tổ chức. Tháng 6 năm 1994, Nhật Bản và châu Âu đã tổ chức Diễn đàn Khoa học và Công nghệ lần đầu tiên ở Tokyo để thảo luận đường hướng cụ thể về hợp tác khoa học sâu hơn nữa trong tương lai. Diễn đàn đã so sánh về hệ thống nghiên cứu và phát triển ở Nhật Bản và châu Âu và thảo luận về các vấn đề liên quan. Tháng 12 năm 1994, hai bên đã thông qua thỏa thuận về tổ chức Hội thảo về nguồn nhân lực Nhật Bản/châu Âu. Tháng 7 năm 1996 một diễn đàn thứ hai được tổ chức ở Ispra (Italia), tập trung thảo luận về tình hình hiện tại và tương lai của hệ thống nghiên cứu và phát triển, nhất là nghiên cứu về địa chấn, hợp tác về khoa học và công nghệ giữa hai bên được trông đợi là rất mạnh trong tương lai.

### **Chính sách xã hội và lao động**

Những nỗ lực thúc đẩy sự hiểu biết, trao đổi và chương trình nghị sự trong lĩnh vực lao động đã khiến cho Nhật Bản và châu Âu ngồi lại cùng nhau để bàn về giải pháp cho nhiều vấn đề chung. Kể từ

năm 1990 hai bên đã tổ chức hàng loạt cuộc họp về các vấn đề lao động với sự tham gia của Bộ lao động Nhật Bản và Ban Tổng giám đốc V (thuộc Ủy ban châu Âu phụ trách vấn đề lao động, quan hệ công nghiệp và xã hội) và hàng loạt các nhà khoa học giả, lãnh đạo công đoàn, các tổng giám đốc tập đoàn, các chủ đề được thảo luận đến nay là mối quan hệ giữa giới chủ và lao động của Nhật Bản và châu Âu công việc và phát triển kỹ năng làm việc của lao động, sự thay đổi linh hoạt của thị trường lao động, những thay đổi về cấu trúc công nghiệp và ảnh hưởng của nó đến người lao động. Những trao đổi của các chuyên gia hai bên về các chủ đề chính trị, lao động và quản lý vẫn tiếp tục được tổ chức.

### **Hỗ trợ phát triển**

Các nhà làm chính sách của hai bên đã tổ chức các buổi hội thảo thường niên về chính sách hỗ trợ phát triển và trao đổi quan điểm, thông tin về hiện trạng và tương lai của viện trợ phát triển. Thông qua các cuộc hội thảo này, hai bên đang cố gắng tìm ra một cách thức hợp tác viện trợ phát triển mang lại hiệu quả cao nhất. Tại hội thảo được tổ chức ở Brussels vào tháng 1 năm 1996, hai bên đã thảo luận về chính sách hỗ trợ phát triển và hiện trạng của nó ở châu Á, châu Phi, Palestine và các nước thuộc Liên bang Nam Tư cũ. Các đại biểu tham dự cam kết sẽ trao đổi thông tin cụ thể hơn nữa trong tương lai. Mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhật Bản và EU giúp họ làm tốt hơn công tác viện trợ phát triển đang ngày càng đa dạng và phức tạp.

### **Văn hóa và giáo dục.**

Trong quá khứ, hợp tác giữa Nhật Bản và EU về văn hóa và giáo dục chỉ sơ khai, dựa trên những trao đổi giữa Nhật Bản và các thành viên riêng rẽ của EU, nhưng những năm gần đây, hợp tác giữa Nhật Bản và EU trong lĩnh vực này rất mạnh. Thông qua Bộ Ngoại giao và tổ chức Japan Foundation, Nhật Bản đã đưa ra nhiều ủng hộ cho các thành phố văn hoá được chỉ định là “thành phố văn hoá châu Âu”. Các chương trình của chính phủ Nhật Bản cũng hứa đưa nhiều thanh niên châu Âu sang Nhật Bản nghiên cứu và học tập. Một đàm phán bàn tròn về giáo dục đã được Nhật Bản và EU tổ chức ở Bỉ năm 1996.

### **Môi trường**

Khi các vấn đề môi trường toàn cầu đang ngày càng bức xúc, mỗi thành viên của cộng đồng quốc tế cần phải hợp tác với nhau. Từ lâu, các nước EU đã đưa ra chính sách chung về các vấn đề như : sự nóng lên của trái đất, bảo vệ tầng ozone, quản lý rác thải và vấn đề nước sạch. Hưởng ứng lời kêu gọi của UNCED, Nhật Bản và EU đã tổ chức cuộc gặp cấp cao hàng năm bàn về chính sách môi trường. Tháng 5 năm 1996, chương trình nghị sự lần thứ 5 được tổ chức, hai bên đã bàn về chính sách tái xử lý rác thải, các vấn đề chất lượng không khí... Nhật Bản và EU cũng tổ chức các cuộc hội thảo để các chuyên gia bàn về các vấn đề như: giảm lượng carbon dioxide, mưa axit và rác thải hoá học.

### **An ninh**

Các cuộc thảo luận song phương cũng đã bắt đầu bàn đến các vấn đề liên quan đến an ninh quốc tế như: Nước Nga; Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và tăng cường chạy đua vũ trang ở châu Á. Hai bên cũng phân tích và trao đổi thông tin về Châu Á – Thái Bình Dương, tiến trình hòa bình Trung Đông, Đông Âu, Trung Á và các nước thuộc Nam Tư cũ, các chủ đề được thảo luận cũng bao gồm việc thúc đẩy không phổ biến và khí hạt nhân, hoá học và sinh học, không phổ biến công nghệ tên lửa và việc chuyển giao vũ khí quy ước trên phạm vi quốc tế.

### **2.2.2.3. Đối với Hàn Quốc:**

Đến thập kỷ 70 của thế kỷ XX, quan hệ kinh tế thương mại giữa Cộng đồng châu Âu và Hàn Quốc còn ở mức thấp, EC chỉ chiếm 7,8% lượng hàng xuất khẩu của nước này, trong khi Mỹ chiếm hơn 70% thương mại của Hàn Quốc. Đến năm 1977 EC ký kết hiệp định dệt may với Hàn Quốc. Có thể thấy rằng Cộng đồng châu Âu xác lập quan hệ chính thức với Hàn Quốc muộn nhất trong các nước Đông Bắc Á, tận cuối những năm 80 của thế kỷ trước. EC mở văn phòng thương mại tại Seoul năm 1986, tiếp đó là năm 1989 mở văn phòng Phái đoàn châu Âu tại Hàn Quốc. Cộng đồng châu Âu và Hàn Quốc ký hiệp định hợp tác và thương mại vào tháng 11 năm 1993.

Cộng đồng Châu Âu (EU) đang thay đổi chủ trương của họ đối với Nam Triều Tiên. Nhóm này đã mất nhiều năm vận động để được vào thị trường Nam Triều Tiên thuận lợi hơn, và đã ký kết những hiệp định trong năm 1991 – 1992 về việc bảo vệ quyền sở hữu tri thức châu Âu cũng như việc mở rộng thị trường cho rượu bia, hàng không và dịch vụ tài chính châu Âu.

Hiện nay, Bruxen mời chào Xoun hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn để đổi lại có nhiều công ty châu Âu vào Nam Triều Tiên hơn. Ủy ban EC nói rằng họ “đang chuẩn bị xem xét lại kỹ lưỡng” mối quan hệ với Xoun. Các nhà vạch chính sách châu Âu nói rằng đã đến lúc EC thay đổi “quan hệ buôn bán để xung đột trước đây” với Nam Triều Tiên để có các quan hệ kinh tế “cân bằng hơn”.

EC bắt đầu nâng cấp các cuộc tiếp xúc với Xoun sau hiệp nghị năm 1991 về sở hữu tri thức, khiến cho Bruxen phục hồi thuế ưu đãi cho các hàng hoá của Nam Triều Tiên. Simon Nuttall giám đốc phụ trách các vấn đề Đông Á của EC, nói: “Nam Triều Tiên đã và đang mở thị trường cho hàng hoá châu Âu. Chúng tôi bây giờ có thể bắt đầu xem xét việc hợp tác công nghệ và kỹ thuật, trong khi vẫn duy trì sức ép để được vào thị trường”.

Chủ trương của EC giống như các nhà kinh doanh Mỹ, đề nghị chuyển giao kỹ thuật cho Nam Triều Tiên để Nam Triều Tiên mở cửa hơn nữa thị trường của họ. Nhưng châu Âu đang đề nghị điều mà Mỹ không thể làm – một số công nghệ mới nhất trong các ngành công nghiệp mà châu Âu đứng đầu, như hoá chất, dược phẩm và thiết bị vận tải.

Nhưng giống như các nhà kinh doanh Mỹ, các thương gia châu Âu ở Xoun lo ngại về việc chuyển giao kỹ thuật cho Nam Triều Tiên. Một nhà sản xuất hoá chất Đức nói rằng quyền sở hữu tri thức vẫn là sự quan tâm, và các công ty châu Âu “đang bắt đầu tỉnh ngộ và nhận ra rằng có một đối thủ

kinh doanh ở ngay châu Á đó là Triều Tiên”. Kim ngạch xuất khẩu của Nam Triều Tiên cho EC tăng từ 2,8 tỉ đô la năm 1982 lên tới 9,3 tỉ đô la năm 1991, trong đó kim ngạch xuất khẩu của EC sang Nam Triều Tiên trong thời kỳ này tăng từ 1,5 tỉ đô la lên 8,5 tỉ đô la. EC nói: “Thâm hụt buôn bán với Nam Triều Tiên không bao giờ đạt đến mức nguy hiểm”. Nhưng nơi một thời là nước cung cấp lớn về hàng hoá sử dụng nhiều lao động của EC, Nam Triều Tiên hiện nay là một đối thủ hàng hoá kỹ thuật cao.

Để đối lấy kiến thức kỹ thuật, EC cảnh báo rằng quan hệ tay đôi được cải thiện, đòi hỏi chấm dứt những hoạt động buôn bán “phân biệt” của Xoun và nói rằng sự tăng cường hợp tác sẽ “có điều kiện trên cơ sở phát triển quan hệ buôn bán tích cực”, Brúcxen đặc biệt cương quyết rằng Nam Triều Tiên cần mở cửa thị trường viễn thông của họ cho công ty châu Âu đấu thầu. Đây là một đặc quyền mà hiện nay Nam Triều Tiên dành cho các nước như Mỹ – bằng những hiệp định tay đôi.

Thị trường ô tô là một khu vực nghiệt ngã. Hiệp Hội các nhà sản xuất ô tô châu Âu nói rằng thuế nhập khẩu 17% và những trở ngại khác không phải thuế làm cho thị trường ô tô Nam Triều Tiên “thực sự không thể thâm nhập vào được”. Hiệp hội này nói rằng số xe ô tô châu Âu bán ở Nam Triều Tiên tổng cộng được 593 chiếc năm 1992, trong khi đó số lượng xe ô tô của Nam Triều Tiên bán ở EC lên đến khoảng 100.000 chiếc.

Các nhà xuất khẩu châu Âu khác phàn nàn về hàng rào không thuế quan là những luật lệ tự đặt ra để giữ không cho hàng tiêu dùng EC thâm nhập vào, và sự sẵn sàng nhắm mắt làm ngơ của Xoun về những nguyên tắc cạnh tranh của của Chaehol, tổ hợp lớn nhất Nam Triều Tiên. Họ phàn nàn rằng Xoun cũng rất muốn “nhượng bộ đặt biệt về buôn bán” với Oasinhton.

Mặc dù Brúcxen thừa nhận sự tiến bộ “đáng khích lệ” của Xoun trong việc bảo vệ quyền sở hữu tri thức song họ muốn phạt nặng đối với sự giả mạo. Họ sẽ còn tiếp tục gây sức ép với Xoun để nói lỏng nguyên tắc đầu tư nước ngoài của họ.

Số tiền đầu tư tích lũy của EC vào Nam Triều Tiên tổng cộng lên tới 1,4 tỉ đô la Mỹ tính đến tháng 12/1992, vượt xa 228 triệu đôla mà Nam Triều Tiên nhằm góp phần giúp đỡ các ngành công nghiệp theo hướng xuất nhập khẩu và bảo hộ những nhà sản xuất địa phương. Những nguyên tắc này phiền hà hơn nhiều so với những nguyên tắc tương tự của EC. Ủy ban này nói: “Nhiều khu vực, như dịch vụ, vẫn hoàn toàn hoặc một phần đóng cửa đối với các nhà đầu tư nước ngoài”.

Phần lớn đầu tư của Nam Triều Tiên vào EC là các dự án hợp doanh hàng tiêu dùng điện tử được thành lập sau năm 1989 trong khi chờ đợi một thị trường duy nhất vào năm 1993. không có gì ngạc nhiên, các công ty điện tử EC rất lo ngại. Eckhard Runge, thuộc Hiệp hội các nhà sản xuất linh kiện điện tử châu Âu nói: “Kế hoạch của hãng Samsung sản xuất đèn hình màu cho vô tuyến tại cơ sở mới ở Béclin có thể gây ra một “cuộc cạnh tranh quyết liệt” với các đối thủ châu Âu”.

Ngoài những quan hệ của EC với Nam Triều Tiên, các quan chức châu Âu đang tiến hành xem xét lại những quan hệ với Trung Quốc, nhưng cho đến nay, chỉ có Nhật Bản, Đông và Trung Âu và Mỹ

nhận được sự quan tâm ở mức độ vừa phải. Hy vọng của Brúcxen về việc mở rộng quan hệ với ASEAN chưa được thực hiện bởi vì Bồ Đào Nha đang lên án chính sách của Indônêxia ở Đông Timor.

Cộng đồng châu Âu và Hàn Quốc ký hiệp định hợp tác và thương mại vào tháng 11 năm 1993.

## Chương 3

# NHỮNG NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VÀ TRIỂN VỌNG CỦA QUAN HỆ GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

### 3.1. Nhận xét và đánh giá về chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu đối với các nước Đông Bắc Á:

#### 3.1.1. Trung Quốc:

Chính sách của EU đối với Trung Quốc bắt đầu từ “Hiệp ước Roma” năm 1957 khi xây dựng Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) đã luôn tồn tại mối “quan hệ kép”, tức là vừa có chính sách đối ngoại của cả khối EU, vừa có chính sách đối ngoại của các nước thành viên đối với Trung Quốc. Cùng với việc Trung Quốc và EU xây dựng mối quan hệ ngoại giao chính thức năm 1975, đến năm 1988 Ủy ban châu Âu đã đặt văn phòng đại diện ở Bắc Kinh, năm 1994 với sáng kiến của Đức, Ủy ban châu Âu đưa ra “Chiến lược châu Á mới”, năm 1995 lại thông qua “Chính sách đối ngoại lâu dài trong quan hệ Trung Quốc – châu Âu”, năm 1996 công bố “Chiến lược mới của EU hợp tác với Trung Quốc”. Tầm quan trọng và vị thế của EU với tư cách là một chính thể thống nhất trong chính sách đối ngoại với Trung Quốc ngày càng được nâng cao. Đồng thời, mối quan hệ song phương giữa các nước thành viên trong khối EU với Trung Quốc cũng đang tiến triển mạnh. “Mối quan hệ kép” này tuy có làm tăng thêm tính phức tạp cho quá trình phát triển quan hệ giữa Trung Quốc với EU, nhưng các nước thành viên ngày càng tăng cường điều chỉnh và phối hợp với nhau để có thể chuyển “những việc khó làm” thì thông qua mối quan hệ song phương để xử lý. Tuy nhiên cho đến nay, trong quan hệ Trung Quốc – EU, quan hệ song phương giữa Trung Quốc với các nước thành viên vẫn là kênh chủ yếu nhất, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, mối quan hệ giữa Trung Quốc với EU ngày càng tăng cường, nhất là khi Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên của WTO trong tháng 11 vừa qua.

Bối cảnh cơ bản để EU điều chỉnh chính sách đối ngoại với Trung Quốc những năm gần đây là do cả EU lẫn Trung Quốc đều phát sinh những thay đổi to lớn trong chiến lược phát triển của mình. Đặc biệt sau khi bước vào thập kỷ 90, Trung Quốc đạt được những thành tựu trong cải cách mở cửa; sự hình thành, phát triển của EU và đồng euro, khiến địa vị tác dụng ảnh hưởng của Trung Quốc và EU trong quan hệ quốc tế và kinh tế thế giới đều được nâng cao rõ rệt. Hiển nhiên, sự phát triển quan trọng của quan hệ Trung Quốc và EU có cơ sở, chỗ dựa chiến lược đáng tin cậy, đồng thời, trên lĩnh vực kinh tế, thương mại, quan hệ Trung Quốc – EU mang lại những lợi ích vật chất lớn. Không chỉ là lợi ích trước mắt, mà có ý nghĩa lâu dài mang tính chiến lược. EU muốn phát triển, mở rộng và tăng cường vai trò ảnh hưởng của mình trên toàn thế giới, nhất là khu vực châu Á – Thái Bình Dương – khu vực tập trung nhất lực lượng của các nước lớn trên thế giới, khu vực mà theo như lời Đặng Tiểu Bình: “Thế kỷ châu Á hoặc thế kỷ châu Á – Thái Bình Dương đích thực phải chờ đến khi Trung Quốc, Ấn Độ và các nước láng giềng khác phát triển lên mới được coi là có thật”. Ngoài ra, sau khi Hồng Kông và Ma

Cao trở về với Trung Quốc quan hệ Trung Quốc – EU không tồn tại những xung đột mang tính lợi ích nghiêm trọng, vì vậy quan hệ Trung Quốc – EU khác với quan hệ Trung Quốc – Mỹ, quan hệ Trung Quốc – Nhật, nó có tính ổn định tương đối.

Mặc dù chính sách đối ngoại lâu dài của EU đối với Trung Quốc có tính ổn định tương đối, nhưng vẫn tồn tại tính hai mặt, điều đó có nghĩa hai bên vừa có nhiều lợi ích chung, nhưng cũng tồn tại sự chia rẽ cơ bản. Có thể thấy rõ điều này trong văn kiện chính sách có tính chiến lược về “Xây dựng mối quan hệ bạn bè toàn diện với Trung Quốc” ngày 25/03/1998 được EU thông qua. Văn kiện này là cơ sở để EU đưa ra những sửa đổi và bổ sung đối với văn kiện chính sách đối ngoại lâu dài đối với Trung Quốc định ra từ năm 1995. nội dung chủ yếu của văn kiện gồm: Thừa nhận địa vị nước lớn của Trung Quốc trên thế giới, nâng cấp đối thoại chính trị, xây dựng cơ chế gặp gỡ thượng đỉnh Trung Quốc – EU hàng năm, định kỳ tiến hành đàm phán về một loạt các vấn đề mang tính toàn cầu, nâng quan hệ Trung Quốc – EU lên ngang tầm quan hệ Trung – Mỹ, Trung – Nhật, Trung – Nga, ủng hộ tiến trình cải cách kinh tế – xã hội của Trung Quốc, để Trung Quốc hội nhập tốt hơn vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO) mà Trung Quốc là thành viên mới, hoà nhập vào hệ thống kinh tế và xã hội quốc tế, ủng hộ Trung Quốc xây dựng xã hội pháp trị .... Nhưng văn kiện này cũng có ý đồ thông qua chiến lược tiếp xúc để tiến hành “phương Tây hoá” đối với Trung Quốc. Về vấn đề nhân quyền, quan điểm của EU vẫn cho rằng Trung Quốc còn lâu mới đạt được tiêu chuẩn quốc tế, vì vậy sẽ tiếp tục đưa ra vấn đề này... Thực ra, không chỉ EU mới có tính hai mặt trong chính sách đối với Trung Quốc, mà Mỹ và Nhật Bản cũng có tính chất hai mặt như vậy. Giữa những nước lớn có ảnh hưởng toàn cầu với chế độ xã hội, ý thức hệ và giá trị quan niệm khác nhau, việc luôn tồn tại mâu thuẫn và chia rẽ là điều không thể tránh khỏi, tất yếu dẫn tới nhiều vấn đề.

Tuy tồn tại tính hai mặt trong chính sách đối với Trung Quốc, nhưng việc EU đưa ra văn kiện “Xây dựng mối quan hệ bạn bè toàn diện với Trung Quốc” đã cho thấy nhân tố tích cực trong chính sách của EU hiện nay đối với Trung Quốc đã chiếm ưu thế, không có tính kiểm chế như của Mỹ và Nhật. Quan hệ Trung Quốc – EU đang ở giai đoạn phát triển tốt đẹp. Điều đó lý giải tại sao vào thời điểm hiện nay EU đã đưa ra ba kết luận về quá trình phát triển 20 năm của Trung Quốc kể từ năm 1979 đến nay: Thứ nhất, địa vị của Trung Quốc trên trường quốc tế ngày càng nâng cao, xu thế Trung Quốc trở thành cường quốc thế giới và từ đó trở thành cường quốc thế giới là không thể ngăn cản. Vì hoà bình và phát triển của thế giới, của châu Âu và Trung Quốc, EU cần phát triển mối quan hệ hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế và chính trị với Trung Quốc. Thứ hai, trào lưu cải cách và mở cửa của Trung Quốc sẽ giúp Trung Quốc từng bước “cải thiện thể chế hiện nay”. Thứ ba, người châu Âu cũng cho rằng cải cách và mở cửa của Trung Quốc đứng trước một loạt vấn đề phức tạp và khó khăn, tuy vậy người châu Âu vẫn xác định Trung Quốc đang đi theo con đường đúng đắn, vì thế yêu cầu EU nên chú ý nhiều hơn đến sự nghiệp cải cách với tiến trình cải cách mở cửa của Trung Quốc. Một quan chức của EU nói: “Văn kiện mới – xây dựng mối quan hệ bạn bè toàn diện với Trung Quốc, đã xét đến

tầm quan trọng của Trung Quốc ở châu Á và thế giới. Chính sách mới của châu Âu là nhằm ủng hộ Trung Quốc phát triển thị trường tự do, giúp Trung Quốc ngăn ngừa những biến động tiền tệ mà các nước châu Á khác đã trải qua”. Rõ ràng, ba kết luận trên đây có sự đánh giá sâu sắc về chiến lược lâu dài và phân nào lý giải việc EU trong mấy năm gần đây liên tục có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại với Trung Quốc. Nhìn tổng quan thì điểm nổi bật nhất vẫn là tính chất xây dựng tích cực trong quan hệ đối ngoại giữa hai bên trong những năm gần đây.

### **3.1.2. Nhật Bản:**

Chúng ta đều biết, bước sang thập niên 1990 Nhật Bản đã có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình từ “thoát Á, nhập Âu” sang trở lại “nhập Á” nhằm cải thiện hình ảnh của Nhật trong khu vực, phục vụ cho mục đích trở thành “người khổng lồ về chính trị”. Tuy nhiên không phải vì thế mà Nhật coi nhẹ mối quan hệ truyền thống với các nước phương Tây và Mỹ bởi những lợi ích to lớn mà Nhật đạt được trong quan hệ với các nước này. Ngoại trưởng Nhật Masahiko Koumura đã từng nói: “Nhật Bản và EU cùng với Mỹ tạo thành ba trụ cột của cộng đồng quốc tế và đóng một vai trò thiết yếu trong thế giới với tư cách là những đối tác toàn cầu. Trong bối cảnh này, Nhật Bản và EU cần thúc đẩy mối quan hệ gần gũi và hợp tác trên nhiều lĩnh vực trên tinh thần đối thoại và hợp tác đã nêu ra trong Tuyên bố chung Nhật Bản – EU năm 1991”.

### **3.1.3. Hàn Quốc:**

Tuy hai bên có quan hệ hợp tác và thương mại muộn mằn như vậy, nhưng sự nhìn nhận và đánh giá của Hàn Quốc về tiến trình hợp tác này là rất tích cực. Để đối phó với những chính sách của Liên minh châu Âu, Hàn Quốc đang có sự điều chỉnh tích cực nền kinh tế quốc nội của mình. Liên minh châu Âu và Hàn Quốc dự tính sẽ tiến hành cuộc đàm phán vòng đầu tiên về việc ký kết Hiệp định mậu dịch tự do (FTA) tại Seoul trong một vài năm tới. Cả Liên minh châu Âu và Hàn Quốc đều hy vọng tốc độ đàm phán sẽ được xúc tiến hết sức nhanh chóng vì hai bên đều thể hiện sự thiện chí của mình, đặc biệt là về phía Hàn Quốc.

## **3.2. Thách thức và triển vọng của mối quan hệ Liên minh châu Âu – Đông Bắc Á**

### **3.2.1. Nhưng khó khăn và trở ngại nội tại của Liên minh châu Âu**

Liên minh Châu Âu (EU), một trong ba trụ cột của nền kinh tế thế giới, địa chỉ đáng tin cậy của thế giới về xu thế nhất thể hóa cả về kinh tế và chính trị, trong những tháng gần đây “Không phải đang trong tình trạng khủng hoảng mà đang bị khủng hoảng sâu sắc”. Đó là lời phát biểu của chính vị Chủ tịch luân phiên EU, Thủ tướng Luxembua J.Juneker ngày 18/06/2005. Có hai sự kiện tạo nên sự khủng hoảng sâu sắc này, đó là:

-*Thứ nhất*, trong cuộc trưng cầu dân ý đối với bản dự thảo Hiến pháp chung đầu tiên của 25 nước EU, 54,87% cử tri Pháp đã không đồng ý thông qua dự thảo Hiến pháp này. Và tiếp theo, 61,6% cử tri



Hà Lan cũng nói “không” với bộ luật cơ bản của Châu Âu thống nhất này. Việc Pháp và Hà Lan, hai trong sáu nước thành viên sáng lập nên EU bác bỏ dự thảo Hiến pháp chung EU đã mở ra một thời kỳ không chắc chắn về chính trị sâu sắc trong nội bộ EU, bởi Hiến pháp cần phải được toàn bộ 25 thành viên phê chuẩn để có thể có hiệu lực theo kế hoạch dự kiến vào ngày 01/11/2006.

*-Thứ hai*, Hội nghị Thượng đỉnh EU họp vào ngày 16 và 17/06/2005 tại Bruccen (Bi) đã thất bại hoàn toàn khi không thông qua được khoản ngân sách 120 tỷ Euro/năm cho giai đoạn 2007-2013. Cuộc tranh cãi giữa các nước thành viên EU về vấn đề ngân sách dài hạn cho EU thật dai dẳng. Mặc dù, để chuẩn bị cho thành công của Hội nghị này, trước đó nguyên thủ hai nước Pháp và Anh đã có cuộc gặp gỡ trước tại Paris nhưng đã không đạt được bất cứ một sự thỏa thuận nào.

Cuộc khủng hoảng lần này ngày càng trầm trọng thêm khi mâu thuẫn nội bộ các nước thành viên ngày càng rộng lớn, sâu sắc. Đã có ý kiến cho rằng: Khủng hoảng sẽ lan rộng đến mọi mặt, động đến tất cả các vấn đề: từ sự tồn tại chắc chắn của đồng Euro đến những bất cập của cơ cấu, thể chế của EU, và “bàn tiệc” châu Âu đang tan dần. Liệu vấn đề có sâu sắc như vậy không?

Sau thế chiến II (1945), 6 nước châu Âu là Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, Italia và Luxembua hợp tác với nhau, cho ra đời Cộng đồng Than Thép châu Âu (ECSC) vào tháng 7 năm 1952. Ngày 25/3/1957, 6 nước này quyết định thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) và Cộng đồng Năng lượng Nguyên tử châu Âu (Euratom). Tháng 7/1967, 3 cộng đồng trên hợp nhất lại thành Cộng đồng châu Âu (EC). Kể từ đó đến nay, Cộng đồng châu Âu (EC) đã trở thành Liên minh châu Âu (EU) với 5 lần mở rộng, đưa số thành viên từ 6 lên 25. Liên minh Châu Âu có quá trình liên kết chặt chẽ cả bề rộng và chiều sâu. Trước hết là quá trình liên kết, nhất thể hóa về mặt kinh tế: EU đã hình thành thị trường thống nhất với biểu thuế quan chung (TDC) từ 7/1968, với chính sách ngoại thương thống nhất từ tháng 1/1970, với chính sách nông nghiệp chung từ 1/1962 và một đồng tiền chung (đồng Euro) từ 01/01/1999. Về quá trình nhất thể hóa chính trị, EU đã xây dựng một liên minh gắn bó hơn bao giờ hết với ba cột trụ trong cấu trúc EU, đó là: Cột trụ thứ nhất, Cộng đồng châu Âu; Cột trụ thứ hai, Chính sách an ninh và đối ngoại; Cột trụ thứ ba, Hợp tác tư pháp và đối nội.

Đặc biệt từ ngày 29/10/2004, Hiến pháp mới của EU đã được 25 vị nguyên thủ quốc gia ký tại Rome là bước tiến quan trọng với 3 mục tiêu: minh bạch hơn, dân chủ hơn và hiệu quả hơn. Sau khi kết nạp 10 nước vào tháng 5/2004, EU 25 với dân số 456 triệu người, diện tích 3.976.372 km<sup>2</sup>, GDP 10.970 tỷ USD chiếm 27,8% GDP của thế giới (Mỹ là 10.881 tỷ USD, Nhật là 4.326 tỷ USD năm 2003), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 1.296 tỷ USD, chiếm 17,3% thị phần thế giới (Mỹ là 720 tỷ USD chiếm 9,7% và Nhật là 471,9 tỷ USD chiếm 6,3% - năm 2003). EU đang tiếp tục phát triển. Cùng với Mỹ và Nhật, EU vẫn sẽ là trụ cột và là đầu tàu tăng trưởng cho nền kinh tế thế giới. Nhưng trên con đường hơn 50 năm ra đời và phát triển, chưa bao giờ con tàu EU lại gặp phải thách thức lớn

nhu hiện nay. Nó đang trông trành có vẻ như chệnh hướng trong giông bão, những đợt sóng ngầm từ chính trong lòng đại dương Âu Châu đang gầm thét, cuộn sóng muốn nhấn chìm con tàu EU, ngăn cản bước đường trường chinh đầy gian khổ trong cuộc hành trình tiến đến bến bờ của sự nhất thể hóa, khu vực hóa...[55, tr.2]

Như mọi người đều rõ, năm 2004 là năm để lại dấu ấn đặc biệt trong quá trình liên kết, và nhất thể hóa của EU. Sau sự kiện 01/05/2004, lần mở rộng thứ 5. EU kết nạp 10 thành viên mới, đưa số thành viên EU lên 25 nước. EU 25 đã trở thành khối liên minh kinh tế – chính trị hàng đầu thế giới, đứng ngang và là đối trọng lớn nhất của Mỹ. Ngày 29/10/2004 tại Capital Hill, Rome, Italy, các nguyên thủ 25 nước EU đã ký kết chính thức bản Hiến pháp mới của EU. Bản Hiến pháp của Liên minh châu Âu lần này có 488 điều được chia thành 4 phần.

Nhận xét về nội dung bản Hiến pháp mới của EU, các học giả ở châu Âu cho rằng: Bên cạnh những ưu điểm, nó còn tồn tại một số vấn đề như việc đảm bảo tính dân chủ, các quyền con người, các chính sách xã hội, chính sách an ninh, ngoại giao, quốc phòng, cơ chế đại diện, kiểm soát, bỏ phiếu quyết định ở cấp Liên minh còn gây nhiều tranh cãi ...

Trong tiến trình nhất thể hóa, sau khi xây dựng được thị trường chung thống nhất, hải quan chung, chính sách ngoại thương thống nhất, chính sách nông nghiệp chung, đồng tiền chung ... các nhà lãnh đạo EU cần thấy phải xây dựng một bản Hiến pháp chung. Vậy là tháng 12/2001, nguyên thủ các quốc gia thành viên EU đã tuyên bố lập một công ước về tương lai châu Âu nhằm xác định để EU trở nên dân chủ hơn, minh bạch và hiệu quả hơn. Tháng 6/2003, sau 18 tháng soạn thảo dưới sự điều khiển của Cựu Tổng thống Pháp V. Giscard d'Estaing, Hiệp ước thành lập Hiến pháp mới EU đã ra đời và được nguyên thủ EU 25 thông qua vào tháng 10/2004. Bản dự thảo Hiến pháp đã được gửi tới 25 nước thành viên để thông qua bằng việc bỏ phiếu ở Quốc hội, hoặc trưng cầu dân ý. Văn bản Hiến pháp EU được dự tính có hiệu lực vào ngày 01/11/2006 nếu được 25 nước thành viên thông qua. Cho đến nay đã có 11 nước thành viên của EU thông qua dự thảo Hiến pháp EU gồm: Áo, Italia, Đức, Hy Lạp, Litva, Latvia, Xlovakia, Xlovenia, Hungari, Tây Ban Nha (qua trưng cầu dân ý) và Luxembua (qua trưng cầu dân ý ngày 10/07/2005 vừa qua). Như vậy sẽ còn 6 nước nữa sẽ thông qua bản Hiến pháp mới bằng trưng cầu dân ý. Anh (đã tuyên bố hoãn trưng cầu dân ý ngày 06/06/2005), Ba Lan (dự kiến trưng cầu vào ngày 25/09), Đan Mạch (ngày 27/9), Bồ Đào Nha (tháng 10) và hai nước Ailen và CH Séc chưa ấn định ngày trưng cầu dân ý. Số nước thành viên còn lại sẽ thông qua Hiến pháp EU bằng con đường bỏ phiếu tại Quốc hội. Thất bại của hai cuộc trưng cầu dân ý về Hiến pháp châu Âu ở Pháp và Hà Lan và quyết định hoãn trưng cầu dân ý ở Anh đã tạo ra một cú sốc làm tổn hại cho quyết định sáng suốt về tương lai Hiến pháp châu Âu. Sẽ không chỉ tổn hại đến sự đoàn kết và nỗ lực của các nhà lãnh đạo EU, mà còn làm tổn hại đến nguyện vọng của 456 triệu công dân EU đang muốn được bước trên con đường nhất thể hóa châu Âu trong tương lai. Nhiều nhà phân tích cho rằng: Sự kiện này đã mở ra

một thời kỳ không chắc chắn về chính trị sâu sắc trong nội bộ EU. Các nhà lãnh đạo EU lo lắng về “hiệu ứng domino” từ Pháp, Hà Lan sẽ lan sang các nước khác, như Ngoại trưởng Anh Jack Straw đã nói: “Kết quả trên làm tăng thêm những câu hỏi sâu sắc về đường hướng tương lai cho châu Âu”. Thậm chí các nhà phân tích còn bi quan khi nhận định “đây có thể coi là bước lùi định mệnh, có khả năng nhân chìm kế hoạch đầy tham vọng của Châu lục này về một liên minh thống nhất sâu sắc hơn về mặt chính trị”. Vậy lực lượng phản đối là ai? Vì sao họ phản đối? Hãy lấy nước Pháp làm ví dụ. Trong số 54,87% cử tri Pháp phản đối thông qua Hiến pháp châu Âu mới bao gồm nhiều lực lượng từ phái cực hữu của ông Jean-Marie LePen, những người theo đường lối dân tộc hoài nghi của châu Âu, phái cộng sản và Trotskyist, phái bất đồng chính kiến dưới thời cựu Thủ tướng Laurent Fabius, cùng các nhóm chống toàn cầu hóa ... Họ phản đối bản Hiến pháp vì họ cho rằng, bản Hiến pháp này là bản Hiến chương cho chủ nghĩa tư bản bị buông thả và có thể xây thành đắp lũy cho các nền kinh tế “tự do” kiểu Mỹ ngay tại trái tim châu Âu. Còn các cử tri bình dân Pháp thì chỉ đơn giản giải nghĩa thông điệp về Hiến pháp rằng, thị trường Pháp sẽ bị bỏ ngỏ cho hàng hóa và sức lao động rẻ hơn từ khu vực Đông Âu tràn vào, dẫn tới kết cục “phá giá” các tiêu chuẩn phúc lợi xã hội vốn đang bị suy giảm và mất thêm việc làm cho người dân Pháp”. Những bất đồng giữa các nước thành viên EU về nhiều vấn đề trong bối cảnh cuộc khủng hoảng chính trị liên quan đến Hiệp ước thành lập Hiến pháp châu Âu có nguy cơ lan rộng chắc chắn sẽ khiến lãnh đạo các quốc gia EU phải cố gắng hết mình nhằm tìm ra lối thoát. Tương lai của một châu Âu nhất thể hóa có lẽ còn xa vời hoặc phải đi theo những đường hướng trái với mong muốn của nhiều nhà lãnh đạo EU. Đứng trước khó khăn đó, người dân EU đang trông chờ vào những quyết định của Hội nghị cấp cao EU họp trong hai ngày 16 và 17/06/2005 tại Bruccen (Bi). Chương trình nghị sự của Hội nghị cấp cao lần này đặt ra quá nhiều vấn đề như: Các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường: Việc đánh giá tình hình các nước sau khi thay đổi một số điều khoản của Hiệp định tăng trưởng và ổn định (PSC); vấn đề mở rộng và quy chế của các ứng cử viên EU: Hội đồng châu Âu (EC) sẽ thông qua các nghị quyết về quan hệ với các đối tác chiến lược chính, định hướng quan hệ đối tác chiến lược với khu vực Địa Trung Hải và Trung Đông; Các nước EU còn phải đánh giá lại những hoạt động của mình vì mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và thống nhất lập trường trước khi tham gia Hội nghị cấp cao Liên hợp quốc trong tháng 9/2005. Có hai vấn đề rất quan trọng cần phải được bàn bạc và thông qua. Nó trở thành điểm nóng của Hội nghị cấp cao Bruccen, đó là:

- Đánh giá lại sự thất bại trong hai cuộc trưng cầu dân ý về bản Hiến pháp châu Âu ở Pháp và Hà Lan và tìm ra các giải pháp để cứu vãn tình thế.

- Đặt vấn đề tài chính lên hàng đầu với việc bắt buộc phải đạt thỏa thuận chính trị về ngân sách EU trong giai đoạn 2007 - 2013.

Ở vấn đề thứ nhất, Hội nghị cấp cao Bruccen đã đi đến nhất trí: Tạm ngừng tiến trình phê chuẩn Hiến pháp châu Âu; Kéo dài thời hạn phê chuẩn Hiến pháp châu Âu từ tháng 11/2006 đến giữa năm

2007 để mỗi nước có thêm thời gian xem xét lại; Trước đó họ sẽ gặp lại nhau vào tháng 6/2006 đánh giá tiến trình phê chuẩn Hiến pháp. Trong Hội nghị cấp cao, Thủ tướng Lucsembua (nước đang giữ chức Chủ tịch EU đến tháng 6/2005) Giăng-Clôt Giăng-Cơ khẳng định, sẽ không đàm phán về nội dung bản Hiến pháp EU, rằng Hiến pháp đã giải quyết được nhiều vấn đề mà EU đang phải đối phó, vì vậy các nước EU phải nhận thấy việc phê chuẩn Hiến pháp này phải được tiếp tục. Ông cam kết, Lucsembua sẽ tiến hành trung cầu ý về bản Hiến pháp châu Âu vào ngày 10/7 (Kết quả Lucsembua đã thông qua bản Hiến pháp với đại đa số công chúng bỏ phiếu thuận). Sau thỏa thuận nói rộng thời hạn phê chuẩn Hiến pháp châu Âu, các nước CH Séc, Thụy Điển, Bồ Đào Nha thông báo hoãn các cuộc trung cầu dân ý về Hiến pháp châu Âu. Theo các nhà phân tích, ở châu Âu mục đích kéo dài thời hạn phê chuẩn Hiến pháp là nhằm tránh hiện tượng các nước thành viên EU tiếp tục bác bỏ văn kiện pháp lý này. Ông H.M. Ba-rô-du, Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) trong Hội nghị đã nhấn mạnh: “EU không có “kế hoạch B” hay bất cứ “giải pháp thần kỳ nào” để có thể đưa EU vượt qua cuộc khủng hoảng chính trị về Hiến pháp đang diễn ra hiện nay”.

Theo các cuộc thăm dò ý kiến gần đây, sau thất bại của trung cầu dân ý về Hiến pháp châu Âu, uy tín của các nhà lãnh đạo hàng đầu EU như Tổng thống Pháp, Thủ tướng Đức, Thủ tướng Italia đã giảm sút nghiêm trọng, nhường điểm cho một số nhân vật ủng hộ cải cách kinh tế và thị trường tự do. Tại Pháp, nơi cử tri khởi đầu bỏ phiếu chống, một Chính phủ mới với một Thủ tướng mới được hình thành. Dư luận châu Âu cho rằng, được lợi nhất trong tình hình hiện nay là Thủ tướng Anh Tony Blair khi ông vừa thoát khỏi tình trạng khó xử trong nước bằng cách hoãn kế hoạch trung cầu dân ý về Hiến pháp châu Âu dự kiến vào ngày 06/06/2005. Thật tình cờ Anh lại đảm nhiệm chức Chủ tịch luân phiên vào tháng 01/07/2005, đây là cơ hội để Anh thúc đẩy “Chủ nghĩa hoài nghi châu Âu” và kêu gọi các tư tưởng ủng hộ tự do thương mại, mở cửa thị trường EU. Tuy nhiên trước những mâu thuẫn trường tồn, gai góc với Pháp và Đức, có lẽ Anh không dám bỏ rơi Hiến pháp châu Âu và khó đạt được mục tiêu riêng trong thời gian làm Chủ tịch EU là sáu tháng. Dưới tiêu đề “Châu Âu hai tốc độ đang hiện hình”, các nhà bình luận của hãng AFP tại Brucxen (Bi) cho rằng: “Cuộc quyết đấu sắp xảy ra giữa các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) muốn tăng cường hệ thống phúc lợi với những nước khác cũng thuộc liên minh này, đang tìm kiếm các cuộc cải cách thị trường tự do giữa lúc Khối này suy tính về tương lai của họ sau khi các cử tri Pháp và Hà Lan bác bỏ bản Hiến pháp EU. Những quan điểm bất đồng về việc EU nên đi theo hướng nào có thể sẽ gây ra những tranh cãi khi các nhà lãnh đạo EU họp tại Brucxen trong hai ngày 16-17/06/2005.

Bình luận về sự kiện này, hai nhà kinh tế thuộc tổ chức Goldman Sachs là Jim O'Neill và Mike Buchanan, trong công trình nghiên cứu của mình đã viết: “Trước cuộc họp Thượng đỉnh EU vào ngày 16-17/06, EU dường như đang bị chia thành hai khối, một khối ủng hộ thị trường (do Anh đứng đầu, bao gồm cả Đan Mạch, Ba Lan và các thành viên mới khác thuộc Trung Âu) và một khối yêu cầu giữ nguyên mô hình xã hội (do Pháp đứng đầu và bao gồm cả Đức).

Các nhà phân tích cho rằng, các Chính phủ do Pháp đứng đầu có thể lý giải việc Pháp và Hà Lan phản đối Hiến pháp EU như một lời cảnh báo không nên theo đuổi các cuộc cải cách đầy đau thương như mở cửa thị trường cho cạnh tranh, chính sách thắt lưng buộc bụng và làm cho các thị trường lao động trở nên linh hoạt hơn. Tuy nhiên những người khác có thể coi việc bác bỏ Hiến pháp EU như là lý do để xúc tiến các cuộc cải cách nhằm đem lại những điều đã được cam kết như giảm tình trạng thất nghiệp, kích thích sự tăng trưởng kinh tế hiện đang sụt giảm của EU.

Các nhà kinh tế tin rằng, Pháp có thể muốn đặt ra một chương trình hành động xã hội vững chắc cho châu Âu sau khi các cử tri của họ bác bỏ Hiến pháp châu Âu trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 29/05/2005 do những quan ngại về nạn thất nghiệp và an ninh. Nhà kinh tế Alasdair Murray thuộc Trung tâm Cải cách châu Âu dự đoán: Pháp sẽ hối thúc Ủy ban châu Âu, cơ quan hành pháp của EU, đưa ra chương trình xã hội mới và đi đầu trong việc kêu gọi thành lập một nhóm “nòng cốt” gồm các nước đang tìm các biện pháp cân đối thuế quan và bảo trợ xã hội trong khi hối thúc một kế hoạch gây tranh cãi nhằm tự do hóa khu vực dịch vụ rộng lớn của EU.

Phái thị trường tự do có thể hy vọng ở sự lãnh đạo của Anh, nước tiếp quản chức Chủ tịch luân phiên EU từ 01/07/2005. Trọng tâm tư tưởng của EU đang được chuyển hướng sang khối thị trường tự do tiếp sau đợt mở rộng lịch sử 01/05/2004. Còn Đức là nước do dự giữa hai quan điểm cạnh tranh về việc châu Âu sẽ hướng tới đâu. Người ta đã phân tích rằng: Nếu các cuộc thăm dò dư luận ở Đức được chứng minh là đúng và Đảng SPD của Thủ tướng Gerhard Schroeder thất bại trong cuộc bầu cử Liên bang trước thời hạn vào tháng 9/2005 tới, đảng thắng cử rất có thể là CDU bảo thủ mà các nhà phân tích tin rằng sẽ tán thành các cuộc cải cách thị trường tự do nhiều hơn và kết cục có thể có cuộc bỏ phiếu chống của cả Pháp và Đức và cuộc bầu cử trước thời hạn ở Đức là sự thay đổi lớn về chiều hướng chính sách trước mắt với việc các cuộc cải cách ở Đức được đẩy nhanh sau tháng 9/2005.

Ở vấn đề thứ hai, Hội nghị cấp cao EU tại Bruccen (Bi) trong hai ngày 16-17/06/2005 đã không thông qua được dự thảo ngân sách dài hạn 2007 – 2013 của EU. Như mọi người đã biết, ngày 08/06/2005, Nghị viện châu Âu (EP) đã bỏ phiếu tán thành dự thảo ngân sách dài hạn 2007 – 2013 với tổng trị giá 975 tỷ Euro trong khi các nước đóng góp nhiều nhất là Đức, Pháp, Anh, Italia, Hà Lan, Áo, Thụy Điển chỉ đề xuất mức 815 tỷ Euro, tương đương 1% trích từ GNP của mỗi nước trong Khối. Trong cuộc bỏ phiếu tại Nghị viện châu Âu, số phiếu chống và trắng lên tới 262 phiếu cùng với sự đe dọa dùng quyền phủ quyết của Italia và Anh. Lý do mà Ủy Ban châu Âu (EC) giải trình cho khoản ngân sách dài hạn 975 tỷ Euro là nhằm đáp ứng các nhu cầu phát sinh cho việc kết nạp thêm 10 nước thành viên mới, một điều có lẽ bây giờ mới làm cho các nhà lãnh đạo EU cũ (15 thành viên) giật mình khi xem lại ngân sách. Trong ngân sách EU năm 2005 trị giá 107 tỷ Euro thì Đức đóng góp 21,1%, Pháp 17,4%, Italia 14,2%, Anh 12,5%. Dự thảo ngân sách năm 2006 của EU lại tăng lên 112 tỷ Euro với tỷ lệ đóng góp của các thành viên cũng tương tự như năm 2005. Việc giành phần ngân sách lớn thứ ba trị

giá gần 23 tỷ Euro cho việc phát triển 10 thành viên mới đang khiến cho các nhà lãnh đạo chủ chốt của EU phải xem xét lại tiến trình mở rộng, nhất là khi EU sẽ tăng số thành viên lên tới 27 nước vào 01/01/2007 (Bungari và Rumani đã ký hiệp ước gia nhập EU vào tháng 4/2005 vừa qua). Hàng năm, ngân sách của EU đã chi cho các chính sách nông nghiệp chung 40% cho chính sách khu vực nhằm giúp các nước kém phát triển, các nước mới gia nhập EU để theo kịp trình độ chung của toàn Khối. Đây chính là vấn đề gây thêm chia rẽ giữa các nước thành viên. Bởi vì, khi tiền thuế của các nước thành viên cũ lại chảy sang các nước thành viên mới, người dân Tây Âu sẽ càng bất bình hơn với các nhà lãnh đạo khi chỉ ra quyết định mà không nghĩ tới lợi ích của họ. Tại Hội nghị cấp cao EU lần này, vấn đề gây tranh cãi nhất và là nguyên nhân dẫn đến thất bại, không thông qua được ngân sách dài hạn 2007 – 2013 là cơ chế bồi hoàn cho Anh. Theo cơ này mỗi năm nước Anh sẽ được nhận lại một phần trong khoản đóng góp của nước mình vào ngân sách EU. Hiện nay, mỗi năm Anh đóng góp 14,9 tỷ USD (chiếm khoảng 12,5% ngân sách EU) nhưng được hoàn lại 5,5 tỷ USD. Đây chính là sự ưu đãi mà các nhà lãnh đạo các nước khác trong EU cho rằng đã lỗi thời và không công bằng. Theo quy định của EU, từ trước đến nay, việc đóng góp ngân sách cho EU được tính theo sức mạnh của nền kinh tế cũng như vị trí của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế của nước thành viên. Tuy nhiên cơ chế này đang bộc lộ những hạn chế đáng kể. Vì vậy, tại Hội nghị lần này, nhiều nước đã phê phán và đòi hủy bỏ cơ chế bồi hoàn đã lỗi thời. Nhưng Thủ tướng Anh Tony Blair lại kịch liệt phản đối. Ông cho rằng nước Anh đang chịu thiệt thòi trong vấn đề trợ giá nông sản. Mặc dù đối tượng chỉ trích trong vấn đề này ai cũng hiểu rằng đó là Pháp. Ông Blair tuyên bố chỉ xem xét lại cơ chế bồi hoàn nếu EU đồng ý cải cách chế độ trợ giá nông nghiệp mà Pháp hiện được hưởng nhiều nhất. Theo ông Blair Anh là nước đóng góp lớn thứ hai cho ngân sách, và kể cả khi nhận được số tiền bồi hoàn thì số tiền Anh đóng góp vào ngân sách EU vẫn lớn hơn Pháp là 2,5 lần. Vì vậy, ông coi đề nghị đình chỉ quyền được bồi hoàn ngân sách của Anh là không công bằng. Và ngay lập tức, lập luận của Anh bị Pháp bác bỏ. Tổng thống Pháp Jacques Chirac nêu rõ mọi cố gắng nhằm cắt giảm tiền trợ cấp nông nghiệp của Pháp là không thể chấp nhận vì thoả thuận về vấn đề này được ký năm 2002 và có giá trị đến năm 2013. Trong Hội nghị cấp cao nhằm cứu vãn tình hình, 10 nước thành viên mới đã không chấp nhận thất bại của cuộc đàm phán về vấn đề ngân sách EU và kêu gọi các nước thành viên cùng có sự thoả hiệp. Nhưng thủ tướng Italia Silvio Berlusconi khi đó lại cho rằng, không cần phải có ngay một thoả thuận về ngân sách EU, bởi vì mỗi nước có các lợi ích riêng nên không dễ gì tìm ngay được một giải pháp chung, và hơn thế nữa, EU còn có cả một năm nữa để giải quyết về bản ngân sách khung này.

Ngoài hai sự kiện gây khủng hoảng sâu sắc trong EU gần đây như đã phân tích ở trên, EU còn phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn trở ngại trước mắt. Đó là các vấn đề sau:

-*Thứ nhất*, do tăng trưởng kinh tế trong Liên minh châu Âu năm 2006 có xu hướng giảm sút, dự báo khoảng 1,2% đến 1,6% và những nguyên nhân như: giá dầu thô lên cao đến hơn 60 USD/thùng; sản xuất trì trệ, tỷ lệ thất nghiệp lớn, đầu tư giảm; đồng Euro lên xuống thất thường (sau nhiều tháng

giảm giá liên tục so với USD, nay lại có xu hướng tăng giá) gây bất lợi cho buôn bán xuất nhập khẩu, khiến thâm thụt thương mại và thanh toán vãng lai tăng nhanh; khả năng lạm phát vượt quá mục tiêu ổn định giá cả; lòng tin cũng như chỉ tiêu của người tiêu dùng và doanh nghiệp trong khu vực đồng Euro giảm mạnh. Trong khi hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo và dịch vụ lại đang có chiều hướng chậm lại. Các nền kinh tế đầu tàu như Đức, Pháp nối tiếp nhau vượt ra ngoài những chỉ tiêu của Hiệp ước Ổn định và Tăng trưởng (PSC) làm cho Hội đồng châu Âu phải nói lỏng các quy định liên quan tới hai mức trần: thâm hụt ngân sách 3% GDP và nợ quốc gia 60% GDP. Nhiều nhà kinh tế ở Châu Âu cho rằng: sự phục hồi kinh tế ở khu vực đồng Euro vẫn còn mờ nhạt, trong khi vấn đề khác biệt giữa mức tăng trưởng kinh tế của các nước thành viên đang trở nên nghiêm trọng. Lý do của sự khác biệt trong tăng trưởng kinh tế giữa các nước thành viên mới và cũ là ở chỗ: Các nước thành viên mới ở EU đã và đang chào mời các nhà đầu tư với các mức thuế đánh vào lợi nhuận công ty hấp dẫn, từ 15% ở Latvia và Litva, 16% ở Hungari, 19% ở Ba Lan và Xlovakia, đến 28% ở CH Séc, so với mức thuế 38% ở Đức hay bình quân 31% ở EU 15. Kết quả là nhiều nước thành viên mới đạt mức tăng trưởng cao gấp 2 lần so với mức tăng trưởng ở các nước thành viên cũ. Các nước Ba Lan, CH Séc, Hungari, Xlovakia, Xlovania đạt mức tăng trưởng bình quân 4,6% năm 2004, 3 nước Ban Tích đạt mức tăng trưởng cao hơn đến 6,7% so với mức tăng trưởng bình quân của các nước khu vực đồng Euro 2%, và của EU 15 là 2,4%. Điều đó đã gây phản ứng dữ dội từ phía các nước thành viên cũ. Pháp đã cảnh báo các nước thành viên mới là họ phải ngừng ngay việc giảm đánh thuế vào thu nhập và lợi nhuận công ty nhằm thu hút đầu tư và việc làm ra khỏi nước Pháp. Các nước thành viên cũ đã tuyên bố rằng, thành công của các nước thành viên mới không được xuất phát từ chi phí của các nước thành viên cũ. Đức, Pháp, Bỉ thậm chí còn đặt câu hỏi vì sao EU lại trợ cấp phát triển cho các nước có mức thu thuế thấp. Vì vậy, Pháp và Đức đã bác bỏ một dự luật mới của EU về tự do hoá thị trường dịch vụ, lĩnh vực chiếm 70% GDP và việc làm của EU”.

*-Thứ hai*, đó là vấn đề việc làm. Việc phối hợp chính sách kinh tế của các thành viên EU theo điều 13 Hiệp pháp, cùng với những nguy cơ cạnh tranh về thị trường lao động sau khi EU mở rộng càng tăng thêm khả năng người dân các nước thành viên EU cũ sẽ mất việc làm. Lo ngại về việc giảm thuế công ty và thuế thu nhập cùng với chi phí lao động rẻ hơn ở các nước thành viên EU mới sẽ kéo theo các doanh nghiệp, công ty ở các nước thành viên cũ đổ xô đến làm ăn ở các thị trường mới này, điều đó sẽ làm trầm trọng thêm vấn đề thất nghiệp và thu nhập ở các nước thành viên cũ và tỷ lệ thất nghiệp sẽ cao. Gần đây, tỷ lệ thất nghiệp ở Đức lên đến 12%, ở Pháp là 10,2%. Hội đồng châu Âu vẫn thông qua Chỉ thị về Công nhận đào tạo nghề vào ngày 6/6/2005. Chỉ thị có hiệu lực sau hai năm, đã mở ra khả năng tự do đi lại làm việc trong EU, đe dọa thị trường lao động Tây Âu với nguồn nhân công rẻ ồ ạt chuyển từ Đông Âu sang.

*-Thứ ba*, tình cảm mà các nước EU dành cho đồng Euro đã nhạt nhòa. Sau những mâu thuẫn, khó khăn chông chát trong nội bộ các nước EU về các sự kiện bất đồng xảy ra, ở đâu đó trong các

thành viên EU đã xuất hiện những nghi ngại về việc thực hiện đồng Euro. Như mọi người đều biết, chào đời một cách hoành tráng vào năm 1999, đồng Euro là biểu tượng của một châu Âu thống nhất. Nhưng 6 năm đã trôi qua với việc nền kinh tế của một số cường quốc vẫn luôn ủng hộ đồng Euro đang lao đao do tăng trưởng kinh tế chậm chạp, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, lòng tin của người tiêu dùng đã giảm sút... Những lo lắng, nghi ngại đang lớn dần lên. Các nhà lãnh đạo Đức đã bày tỏ sự lo ngại về những quy định nghiêm ngặt nhằm quản lý đồng Euro đang bóp nghẹt nền kinh tế Đức, nước lớn nhất khu vực 12 nước sử dụng đồng Euro. Không chỉ có Đức lâm vào cảnh khó khăn, mà Italia, nền kinh tế lớn thứ 4 châu Âu, cũng đang rơi vào khủng hoảng. Nước này có nguy cơ bị EU trừng phạt vì không tuân thủ Hiệp ước Ổn định và Phát triển do thâm hụt ngân sách quá lớn. Mấy năm qua, ba ông lớn trong EU là Đức, Pháp, Italia luôn “phạm lỗi” do để mức thâm hụt ngân sách quá 3% GDP. Vì vậy mà các chỉ trích đang nhắm vào Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) do không chịu cắt giảm lãi suất 2% trong vòng 24 tháng tới, vốn đã không đổi từ giữa năm 2003. Nhiều nước đã lên tiếng kêu gọi ECB hãy cắt giảm lãi suất để vực dậy nền kinh tế khu vực đồng Euro. Chính vì vậy, mới đây Bộ trưởng Các vấn đề xã hội R.Maroni và Bộ trưởng Cải cách Italia R.Calderolo đã kêu gọi nước mình tốt nhất là nên bỏ đồng Euro để quay lại sử dụng đồng Lira. Ý kiến của họ đã tạo nên làn sóng không hài lòng của dân Italia trước tình trạng giá cả leo thang mà theo họ nguyên nhân chính là do đồng Euro gây ra. Còn tại Đức, theo kết quả thăm dò của Tạp chí Stern tiến hành thì có đến 56% người dân nước này muốn quay trở lại dùng đồng Mark. Dù tại Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính khu vực đồng Euro họp tại Luxembua ngày 6/6/2005 các ý kiến đều đồng loạt bác bỏ bàn về đồng Euro, nhưng phải thừa nhận một tình trạng hiện nay là dân chúng EU đang nhạt dần tình cảm của họ đối với đồng Euro.

EU hiện đang gặp vô vàn thách thức, khó khăn, nhưng dẫu sao cũng không thể phủ nhận những tiến bộ vượt bậc mà nó đã đem lại cho châu lục này và cũng không thể bác bỏ con đường mà các nhà lãnh đạo EU đã sáng suốt lựa chọn suốt hơn 50 năm qua. Vấn đề quan trọng lúc này là làm sao đưa con tàu EU thoát khỏi ghềnh thác hiểm nghèo của khủng hoảng, mau chóng lấy lại niềm tin cho 456 triệu dân EU. Muốn làm được điều đó EU phải chấp nhận cải cách, trước hết là cải cách những thể chế đã lỗi thời, không còn phù hợp. Cụ thể là: Cải cách những chính sách nông nghiệp chung, giảm dần trợ giá của Nhà nước; cải cách chính sách khu vực để giảm bớt sự đóng góp của nước lớn nhằm giúp các nước kém phát triển theo kịp trình độ chung của toàn Khối, Có chính sách đồng bộ áp dụng chung cho toàn Khối (không kể nước thành viên cũ, mới) về thuế, tự do hoá và cạnh tranh, về bộ Luật lao động linh hoạt để thu hút đầu tư và lao động nước ngoài. Thúc đẩy phát triển; tránh giảm thuế công ty và thuế thu nhập cùng chi phí lao động rẻ cho các nước thành viên mới, vì điều đó sẽ gây ra thiệt hại cho các thành viên cũ về tăng tỷ lệ thất nghiệp, thiệt hại đến thu nhập.... Mau chóng sửa đổi Hiệp ước Ổn định và Tăng trưởng bởi vì nó quá cứng rắn đối với một số thành viên chủ chốt trong EU như Đức, Pháp, Italia... (Vẫn giữ mức thâm hụt ngân sách công dưới 3% GDP và mức nợ nước ngoài dưới 60% GDP, nhưng thủ tục trừng phạt được phép kéo dài thời gian từ 1 năm thành 2 năm, thậm chí là 4 năm trong



trường hợp đặc biệt). Và phương thuốc hữu hiệu nhất cho những nước có tỷ lệ thất nghiệp cao như Pháp, Đức là cần phải cải cách hệ thống phúc lợi xã hội đã quá lỗi thời. Cụ thể là giảm dần những ưu đãi cho trợ cấp thất nghiệp, các bảo hiểm của xã hội khác như: trợ cấp không mất tiền cho việc chữa bệnh, thuốc thang, trợ cấp không mất tiền cho giáo dục phổ thông, đại học... tiến hành cải cách dần dần sang mô hình thị trường tự do, có như vậy mới giảm dần tỷ lệ thất nghiệp, kích thích sự tăng trưởng kinh tế... Những khó khăn thường trực và một loạt những biến động bất ngờ, nhất là những tác động của tiền trình mở rộng bây giờ mới bộc lộ rõ, những khủng hoảng nghiêm trọng hiện nay... khiến cho cả EU đang lúng túng.

Có lẽ trong một thời khắc nhất định ít ai có thể tìm ra những giải pháp tối ưu cho việc xoá bỏ ngay lập tức cuộc khủng hoảng sâu sắc đang đe dọa nghiêm trọng đến tiền trình nhất thể hoá châu Âu. Nhưng hy vọng rằng, EU sẽ chấp nhận cải cách, dẫu có đau đớn và người ta vẫn mơ đến viễn cảnh ngày 9/5 hằng năm, 456 triệu dân EU sẽ cùng phất cao lá cờ xanh điểm 12 ngôi sao vàng, hát vang bản “Ode to joy” của Bécthoven và giữ chặt đồng Euro trong tay mà vững vàng bước trên con đường nhất thể hoá châu Âu trong tương lai.

### **3.2.2. Đối với Đông Bắc Á**

#### **3.2.2.1. Trung Quốc**

Với việc Trung Quốc chính thức trở thành thành viên thứ 143 sau Hội Nghị cấp Bộ trưởng lần thứ tư của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã mở ra những cơ hội và thách thức mới trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và EU. Đây cũng là tiền đề cơ bản để EU có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của mình với nước này mà mục tiêu chủ yếu là nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng của EU và có sự đánh giá thích đáng thông qua các hoạt động trao đổi hợp tác về thương mại và đầu tư. Để đạt được mục tiêu này, cả EU và Trung Quốc đều phải nỗ lực trong phát triển quan hệ kinh tế – thương mại giữa hai bên.

Trung Quốc, một thị trường rộng lớn với diện tích 9.597 nghìn km<sup>2</sup>, đứng thứ tư thế giới; dân số năm 2000 là 1.264,5 triệu người, gấp hơn 1,5 lần châu Âu (727 triệu người). Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc năm 1999 – 2000 đạt hơn 1000 tỷ USD. Với lợi thế lao động dồi dào, giá rẻ, quy mô dân số lớn, trong khi mức sống chưa cao nên nhu cầu còn rất lớn; tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng; chế độ chính trị ổn định; có hệ thống chính sách theo định hướng mở cửa đã dần đưa Trung Quốc trở thành điểm nóng mới của đầu tư nước ngoài và cũng mở ra nhiều cơ hội mới cho các nhà đầu tư của EU. Thời kỳ 1995 – 2000, mức trung bình của vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc lên đến 41 tỷ USD/năm, chiếm tới 70% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ châu Âu, Bắc Mỹ vào Đông Á. Từ năm 1993 đến nay, đầu tư trực tiếp của EU vào Trung Quốc đã tăng nhanh theo từng năm. Trong 520,4 tỷ USD tổng kim ngạch đầu tư theo hiệp định, EU đầu tư 30,4 tỷ, chiếm gần 6%. Trong 221,8 tỷ USD tổng kim ngạch đầu tư thực tế, EU đầu tư 13,1 tỷ, chiếm 6%, thấp hơn so với

Nhật Bản và Mỹ. Tuy nhiên, quy mô đầu tư bình quân theo từng hạng mục của EU vào Trung Quốc lại khá lớn, gấp hơn 2 lần so với Mỹ và Nhật Bản. Kim ngạch đầu tư bình quân từng hạng mục luôn ở mức tương đối cao, từ 1979 – 1998 đạt 3,9 triệu USD, Mỹ chỉ đạt 1,74 triệu và Nhật đạt 1,85 triệu. Trong khối EU thì Anh đạt cao nhất, đạt 6,07 triệu; Đức đạt 4,334 triệu; Pháp đạt 3,15 triệu USD. [20, tr.47]

EU đầu tư vào Trung Quốc chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng, nguyên vật liệu, hoá chất, hoá dầu, ô tô, điện tín, y dược, thực phẩm và dệt ... với quy mô đầu tư khá đồng đều, các xí nghiệp vừa và nhỏ đều có đầu tư nhưng chủ yếu là đầu tư vào các xí nghiệp lớn. Các xí nghiệp do EU đầu tư đều đạt hiệu quả kinh tế tương đối rõ rệt.

Hiện nay, Trung Quốc là nơi có đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn đứng thứ hai trên thế giới sau Mỹ. Theo thống kê của cơ quan hữu quan quốc tế, năm 2000 Trung Quốc đã thu hút khoảng 70 tỷ USD vốn đầu tư của các nhà đầu tư thị trường toàn cầu, trong đó 20 tỷ đến từ thị trường cổ phiếu, 50 tỷ đầu tư trực tiếp nước ngoài, đạt 61% đầu tư nước ngoài vào khu vực châu Á. Dự tính đến năm 2005, tổng kim ngạch đầu tư nước ngoài mỗi năm của Trung Quốc sẽ tăng 2 lần, đạt tới 600 tỷ USD, đồng thời kim ngạch đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt tới 100 tỷ. Thời kỳ này Trung Quốc trở thành điểm nóng đầu tư mới của thành viên WTO, lần đầu tư này do ảnh hưởng của xu hướng tự do hoá mậu dịch thế giới nên chủ yếu tập trung vào những ngành như điện tín, kỹ thuật thông tin, dịch vụ tiền tệ là những ngành EU hiện đang chiếm tỷ lệ đầu tư khá lớn.

Như vậy, việc Trung Quốc trở thành thành viên của WTO đã giúp Trung Quốc có nhiều cơ hội sử dụng tốt hơn thị trường vốn của EU trong việc vay vốn và đầu tư. Ngược lại, các nhà đầu tư EU sẽ cũng có nhiều cơ hội mới như việc Trung Quốc cho phép doanh nghiệp nước ngoài chiếm 49% cổ phần của công ty điện tín trong nước, chiếm 100% cổ phần trong nhà máy điện tử nguyên chiếc. Trong ngành bảo hiểm và ngân hàng, Trung Quốc cho phép thành lập công ty đầu tư nước ngoài.

Trong mấy năm gần đây, mậu dịch song phương EU - Trung Quốc liên tục phát triển, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1999, EU xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 18,38 tỷ USD, chiếm 6,4% kim ngạch xuất khẩu của EU. Hiện nay, EU là bạn hàng lớn thứ tư của Trung Quốc sau Nhật Bản, Hồng Kông và Mỹ, trong khi đó Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ năm của EU, sau Mỹ, Thụy Sĩ, Nhật Bản và Na Uy. Trong 15 nước thành viên của EU, Đức là bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc. Năm 1998 kim ngạch mậu dịch Trung Quốc - Đức đạt 14,35 tỷ USD, chiếm 30% tổng kim ngạch mậu dịch EU - Trung Quốc; tiếp đó là Anh (6,58 tỷ USD), Pháp (6,02 tỷ USD), Hà Lan (5,99 tỷ USD), Italia (4,85 tỷ USD)... Điều đáng chú ý ở đây là trong bối cảnh ngoại thương Trung Quốc năm 1998 gặp khó khăn, giảm 0,4% so với năm trước, nhưng kim ngạch mậu dịch EU - Trung Quốc lại tăng 13,65 (trên cơ sở năm 1997 tăng 8,3%). Trong quá trình phát triển quan hệ mậu dịch song phương không chỉ tăng 20 lần về số lượng, mà chất lượng cũng có bước tiến bộ lớn, chủ yếu biểu hiện ở việc cải thiện cơ cấu hàng

xuất khẩu của Trung Quốc: Năm 1985 tỷ lệ hàng sơ cấp chiếm tới 50% các mặt hàng xuất khẩu của Trung Quốc. Đến năm 1995 tỷ lệ này giảm còn 14% tỷ lệ hàng chế biến thành phẩm tăng đến 86% và những năm gần đây cơ cấu hàng xuất khẩu của Trung Quốc vẫn giữ tỷ lệ này. Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu hàng điện cơ Trung Quốc đạt 105,3 tỷ USD, tăng 36,9%; xuất khẩu hàng kỹ thuật cao mới tăng 50%.

Theo thống kê của WTO, năm 2000 Trung Quốc đã nâng vị trí xếp hạng về kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 9 và nhập khẩu đứng thứ 7, tỷ trọng tổng kim ngạch xuất khẩu mậu dịch thế giới từ 3,4% năm 1999 tăng lên 3,9% theo số liệu thống kê của Trung Quốc, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2000 đạt 474,3 tỷ USD, tăng 31,5%. Trong đó xuất khẩu đạt 249,2 tỷ, tăng 27,8%; nhập khẩu đạt 225,1 tỷ, tăng 35,8%. Theo các chuyên gia dự báo, trong những năm tới với tư cách là thành viên của WTO, Trung Quốc có thể sẽ có hiện tượng nhập siêu mậu dịch. Dự tính mức tăng của xuất khẩu sẽ giảm mạnh, xu thế nhập khẩu sẽ tăng nhanh hơn xuất khẩu đã xuất hiện khá rõ. Theo báo cáo tình hình mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc do Ủy ban kinh tế mậu dịch đối ngoại và Viện nghiên cứu hợp tác mậu dịch quốc tế công bố trung tuần tháng 5/2001, xuất siêu mậu dịch hàng hoá của Trung Quốc kể từ năm 1998 trở lại đây mỗi năm một giảm, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu đã làm cho khoảng cách xuất siêu mậu dịch ngày càng hẹp. Năm 1999, nhập khẩu tăng cao hơn xuất khẩu là 12,2% điểm %, năm 2000 nhập khẩu cao hơn xuất khẩu 8 điểm %. Đồng thời đầu tư nước ngoài bắt đầu tăng mạnh, trong giai đoạn tới nhu cầu nhập khẩu hàng hóa thiết bị cơ giới, tài nguyên và nguyên liệu sẽ tiếp tục tăng. Cùng với sự tăng trưởng nhanh và liên tục, tiêu dùng trong nước sẽ tăng cao, nhu cầu nhập khẩu cũng sẽ lớn lên. Với những mặt hàng có thế mạnh truyền thống của EU như thiết bị giao thông vận tải, viễn thông, máy móc, thiết bị công nghệ nguồn hoá chất, ... Sẽ là thời cơ để hàng xuất khẩu của EU chiếm lĩnh thị trường Trung Quốc trong những năm tới.

Tóm lại, việc Trung Quốc gia nhập WTO đã đem lại nhiều cơ hội cho quan hệ EU - Trung Quốc phát triển, đặc biệt là quan hệ kinh tế, thương mại và cũng là động lực thúc đẩy khiến cho quá trình điều chỉnh chính sách của EU đối với Trung Quốc mang tính xây dựng tích cực hơn, đáp ứng được nhu cầu và đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức do những tồn tại trong quan hệ kinh tế, thương mại song phương như tính bảo hộ và tính hạn chế vốn có của khu vực thị trường EU; năng lượng sản xuất, trình độ quản lý kinh doanh của Trung Quốc và việc EU tìm kiếm vai trò tích cực hơn trên vũ đài quốc tế, hai bên đều có nguyện vọng tăng cường hợp tác với nhau. EU đang bổ sung sửa đổi những khiếm khuyết về nhận thức đối với sức mạnh châu Á, bao gồm Trung Quốc. Trung Quốc cũng đang cố gắng phát triển quan hệ với châu Âu. Ngoài ra, EU cũng hy vọng thông qua phát triển quan hệ với Trung Quốc sẽ ngày càng nâng cao vai trò, địa vị của mình ở “khu vực chiến lược của thế kỷ 21” – khu vực châu Á – Thái Bình Dương – trong cuộc cạnh tranh quyết liệt với các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản và Nga.

### **3.2.2.2. Nhật Bản**

Có thể thấy rằng mối quan hệ châu Âu – Nhật Bản ngày càng được thắt chặt kể từ khi hai bên ký Tuyên bố chung năm 1991. Hai bên đã gạt sang một bên những tranh chấp và bất đồng về thương mại để hợp tác trong hàng loạt lĩnh vực. Nhiều cuộc hội đàm các cấp đã diễn ra và cộng đồng châu Âu ngày càng khẳng định được vị thế đại diện cho các nước thành viên chứ không còn mờ nhạt như trước đây. Nhưng liệu rằng mọi thứ sẽ đi theo đúng như tuyên bố chung giữa hai bên? EU đã không thể đưa ra một tiếng nói ủng hộ cho việc Nhật Bản có ghế thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, bởi vì mỗi thành viên của EU có cách nhìn khác nhau về vấn đề này chứ không như những vấn đề dễ thống nhất như môi trường hay hợp tác khác. Việc Nhật Bản mưu cầu một vai trò quốc tế lớn hơn cũng đẩy mạnh mối quan hệ giữa hai bên, mặc dù Mỹ vẫn là đối tác quan trọng nhất đối với Nhật Bản. Tuy nhiên vấn đề lớn nhất là việc sau bao nhiêu năm hoặc thậm chí bao nhiêu thập kỷ Tuyên bố chung sẽ được thực thi? Trong kế hoạch hành động, mối quan hệ giữa hai xã hội, giữa hai đối tác đã được xác định cụ thể nhưng cả hai bên phải không ngừng nỗ lực hơn nữa mới đạt được kết quả như mong đợi.

### **3.2.2.3. Hàn Quốc**

Tổng thống Kim Dae Jung đã từng nói: “Liên minh châu Âu (EU) là đối tác hợp tác quan trọng và thiết yếu của Hàn Quốc”. Hiện EU đang là nhà đầu tư số một và đối tác thương mại đứng thứ ba của Hàn Quốc với khối lượng mậu dịch song phương đạt tới 44 tỷ USD và Hàn Quốc đã khẳng định rằng “khoảng trống cho việc mở rộng mậu dịch và đầu tư giữa Hàn Quốc và EU là vô hạn”. Bên cạnh mong muốn đạt được những lợi kinh tế khổng lồ từ việc phát triển quan hệ với Liên minh châu Âu, Hàn Quốc còn muốn dùng quan hệ này để giảm dần sự phụ thuộc vào Mỹ. Điều này thể hiện trong phát biểu của Tổng thống Kim Dae Jung trước Nghị viện châu Âu rằng: “Chúng ta (Hàn Quốc và EU) phải giảm mức độ phụ thuộc vào Mỹ về xuất khẩu cũng như cần phải thúc đẩy nhu cầu nội địa”, “Hàn Quốc đang mở rộng cửa cho các thành viên EU và chúng tôi muốn được phát triển giống như EU. Do vậy, tôi hy vọng rằng EU và Hàn Quốc sẽ tiếp tục mở rộng quan hệ đối tác hợp tác của mình trong các thị trường khổng lồ của Đông Á, bao gồm Nhật Bản và Trung Quốc. Chúng ta sẽ “cùng đạt được thắng lợi”.

Nhìn tổng quan thì điểm nổi bật nhất trong chính sách đối ngoại giữa EU và các nước Đông Bắc Á vẫn là tính chất xây dựng tích cực, nhưng EU vẫn duy trì tính hai mặt trong chính sách của mình. Đó là điểm bất đồng giữa những nước lớn có ảnh hưởng toàn cầu với chế độ xã hội, ý thức hệ và giá trị quan niệm khác nhau nên việc luôn tồn tại mâu thuẫn và chia rẽ là điều không thể tránh khỏi. Vấn đề là ở chỗ cả hai phải biết cách vượt qua những vật cản để tiến về phía trước.

# KẾT LUẬN

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Tiếng Việt

1. Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương (2004), *Thế giới, khu vực và một số nước lớn bước vào năm 2004*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Thanh Bình (2006), “Liên minh châu Âu năm 2005: Tình hình và triển vọng”, *Tạp chí nghiên cứu Quốc tế* số 1, tr. 112-121.
3. Trần Mạnh Cát (2007), “Người Hàn ở hải ngoại: Đôi nét về lịch sử di cư”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á* số 7, tr. 31-42.
4. Chương trình nghiên cứu châu Âu tại Việt Nam (ESPV) (2004), “Các hiệp ước cơ bản của Liên minh châu Âu” số 6, tr. 5.
5. Trần Văn Chu (2002), “Quan hệ quốc tế Việt Nam với EU”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 8, tr. 76-84.
6. Thomas. J. Mc Cormick (2004), *Nước Mỹ nửa thế kỷ - Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau Chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Trần Đức Cường (2004), “Việt Nam: Vai trò và những đóng góp đối với ASEM”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, TP.Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Hải Đạt (2000), “Những xu hướng kinh tế vĩ mô toàn cầu và triển vọng tăng trưởng của khu vực châu Á- Thái Bình Dương”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển* số 37, tr. 31-36.
9. Lưu Vĩnh Đoàn (1999), *Kinh tế châu Á bước vào thế kỷ XXI*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Đinh Quý Độ (2004), *Trật tự kinh tế quốc tế 20 năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
11. Ngọc Dung (2000), “Thái độ của Nhật Bản đối với triển vọng của đồng Euro”, *Tạp chí Ngoại thương* số 18, tr. 32.
12. Carlo Filippini (2004), *Mở rộng EU và các tác động đối với Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
13. Dương Phú Hiệp (2004), “Đông Bắc Á và hợp tác Á – Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, tr. 35-40.
14. Hà Hoàng Hải (2006), “Chính sách phát triển vùng của Liên minh châu Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 4, tr. 34-41.
15. Hoàng Minh Hằng (2004), “Triển vọng hợp tác Á – Âu (ASEM) nhìn từ các nước Đông Bắc Á”, *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á* số 6, tr.54-64.

16. Nguyễn An Hà (2004), “Liên minh châu Âu – Đối tác chiến lược của Việt Nam trong ASEM”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, TP. Hồ Chí Minh.
17. Võ Tá Hân (2000), *Châu Á- Từ khủng hoảng nhìn về thế kỷ XXI*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Thanh Hiền (2005), “Tìm hiểu một số quan hệ chính trị cơ bản chi phối khu vực Đông Bắc Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á* số 4, tr. 20-27.
19. Trần Hiệp (2006), “Sự điều chỉnh chính sách của Liên bang Nga với các nước Đông Bắc Á”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 3, tr. 74-78.
20. Hoàng Xuân Hoà (2001), “Một số đặc điểm trong chính sách đối ngoại của Liên minh Châu Âu đối với Trung Quốc”, *Tạp chí nghiên cứu Quốc tế* số 42, tr. 41-50.
21. Nguyễn Thị Thu Hoài (2007), “Quan hệ Trung Quốc-Liên minh châu Âu từ 2003 đến 2005: Động lực và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 3, tr. 21-25.
22. Nguyễn Minh Hoà (2004), “Ý tưởng về việc thành lập Hiệp hội quản lý đô thị Đông Nam Á với sự hỗ trợ từ EU và Nhật Bản, Hàn Quốc”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
23. Học viện quan hệ quốc tế (1995), *Liên minh châu Âu*, Nxb Chính trị quốc gia.
24. Bùi Việt Hưng (2003), “Bối cảnh hình thành và ý nghĩa của ASEM trong tiến trình hợp tác Á – Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 4, tr. 3-11.
25. Vũ Dương Huân (2006), “Hội nghị thượng đỉnh hợp tác Á – Âu lần thứ VI tại Helsinki”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 7, tr. 6-11.
26. Đức Khải (2006), “Quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc – Hàn Quốc, gần nhà, không xa ngõ”, *báo Quốc tế* số 41.
27. GS. TS. Bùi Huy Khoát (2003), “Chiến lược châu Á mới của EU và vai trò của ASEM”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 4, tr. 3-11.
28. Bùi Huy Khoát (2004), “Liên hiệp châu Âu và tiến trình ASEM”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
29. Giang Khuê (2005), “Cuộc khủng hoảng mới của Liên minh châu Âu”, *báo An ninh Thế giới* số 462.
30. Nguyễn Thanh Lan (2007), “Quan hệ EU-Nhật Bản từ năm 1990 trở lại đây”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 7, tr. 68-75.
31. Thái Văn Long (2003), “Nhìn nhận về tương quan lực lượng và cục diện thế giới hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 3, tr. 15-22.

32. TS. Võ Đại Lộc, TS. Nguyễn Kim Ngọc (1996), *Các khối kinh tế và mâu dịch thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Phạm Quang Minh (2007), “Quá trình hoà giải quan hệ Pháp-Đức: Những kinh nghiệm có thể cho quá trình hội nhập khu vực Đông Á”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 8, tr. 49-57.
34. Nguyễn Thu Mỹ (2004), “Triển vọng của ASEM: Một điểm nhìn từ Việt Nam”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
35. Byung Naksong (2002), *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
36. Hoàng Khắc Nam (2002), “Một số khái niệm hội nhập quốc tế”, *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* số 1, tr.17-43.
37. Hoàng Khắc Nam (2004), “Hợp tác ASEAN +3 trong bối cảnh ASEM”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
38. Ianuhicô Nacaxônê (2004), *Chiến lược quốc của Nhật Bản trong thế kỷ XXI*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
39. Nguyễn Thế Nghĩa (2004), “Quan hệ hợp tác Á – Âu và triển vọng phát triển của Việt Nam”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, TP. Hồ Chí Minh.
40. Phạm Thái Quốc (2001), *Trung Quốc quá trình công nghiệp hoá trong 20 năm cuối thế kỷ XX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Nguyễn Quán (2003), *217 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
42. Nguyễn Duy Quý (2004), “ASEM -3 và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của tiến trình hợp tác Á – Âu”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
43. Randall. B. Ripley (2002), *Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Diệp Tự Thành (2003), *Trung Quốc trở thành nước lớn trên thế giới: Những vấn đề và sự lựa chọn*, Nxb Khoa học xã hội, Trung Quốc.
45. Phạm Đức Thành (2004), “ASEAN và hợp tác Á –Âu: Hiện trạng và triển vọng”, *Tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, thành phố Hồ Chí Minh.
46. Nguyễn Xuân Thắng (1999), “Toàn cầu hoá và vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế trong các nước đang phát triển và chuyển đổi”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế* số 5.
47. Thông tấn xã Việt Nam (1997), “Chính sách của Mỹ đối với Đông Bắc Á”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tr. 4-10.



48. Thông tấn xã Việt Nam (2002), “Về chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tr. 8-10.
49. Nguyễn Quang Thuần (2004), “Việt Nam trong tiến trình ASEM: Cơ hội và thách thức”, *tham luận Hội thảo khoa học “ASEM 5”*, TP. Hồ Chí Minh.
50. Nguyễn Quang Thuần (2006), “Liên minh châu Âu năm 2005: thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 1, tr.3-9.
51. Nguyễn Thanh Tiến (2005), “Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc – EU và những điều gợi ý với nước Mỹ”, *Tạp chí Sổ tay xây dựng Đảng thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 24-26.
52. Đinh Công Tuấn (2002), “Những điều chỉnh chính sách khoa học và công nghệ của EU”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 3, tr. 7-12.
53. Đinh Công Tuấn (2002), “Thực trạng quan hệ đầu tư giữa hai khu vực Á – Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 4, tr. 3-11.
54. Đinh Công Tuấn (2005), “Kinh tế EU năm 2004, triển vọng năm 2005 và quan hệ kinh tế Việt Nam – EU ”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 1, tr. 3-9.
55. Đinh Công Tuấn (2005), “Con đường phát triển của Liên minh châu Âu: Những khó khăn, trở ngại trước mắt”, *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* số 4, tr. 1-10.
56. Đinh Công Tuấn (2006), “Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước EU giai đoạn 2001-2004”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* số 2, tr. 76-86.
57. Hoàng Anh Tuấn (2005), “Một số khía cạnh chính trị và an ninh của cộng đồng Đông Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* số 2, tr. 39-51.
58. Đoàn Thị Hồng Vân (2004), *Thâm nhập thị trường EU – Những điều cần biết*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
59. Viện quan hệ quốc tế (2001), “*Giáo trình quan hệ quốc tế*”, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

## **Tiếng Anh**

60. Richard Grant (1995), *The European Union and China – A European strategy for the twenty-first century*, The Royal Institute of International Affairs.
61. Yeo Lay Hwee (2003), *Asia and Europe the development and different dimensions of ASEM*, RouHedge, Taylor and Francis Group.
62. M. Kaw (1998), *Contemporary Economic Policy*, Volume 4, p. 157-172.

## **Trang Web**

63. <http://vst.vista.gov.vn>
64. <http://www.vietnam.net.com.vn>
65. <http://www.vovnews.vn>

# PHỤ LỤC



Kingdom of Belgium



Republic of Bulgaria



Czech Republic



Kingdom of Denmark



Federal Republic of Germany



Republic of Estonia



Ireland



Hellenic Republic (Greece)



Kingdom of Spain



French Republic



Italian Republic



Republic of Cyprus



Republic of Latvia



Republic of Lithuania



Grand Duchy of Luxembourg



Republic of Hungary



Republic of Malta



Kingdom of the Netherlands



Republic of Austria



Republic of Poland



Portuguese Republic



Romania



Republic of Slovenia



Slovak Republic



Republic of Finland



Kingdom of Sweden



United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland



European Union

Cờ của các nước trong Liên minh châu Âu



Cờ EU



ASIA-EUROPE MEETING

Logo ASEM

#### \* ASEM 1

The inaugural ASEM Summit was held in March 1996 in Bangkok, Thailand. It proposed the creation of a new partnership between Asia and Europe, strengthening the relationship between the two regions by means of an enhanced political dialogue, reinforced economic co-operation, as well as co-operation in other areas (social, cultural and intellectual)

#### \* ASEM 2

The second ASEM Summit was held in April 1998 in London, United Kingdom. It confirmed and enhanced the progress made over the two preceding years, and discussing in particular the issues arising from the financial crisis in Asia.

#### \* ASEM 3

The third ASEM Summit was held in October 2000 in Seoul, South Korea. It addressed inter alia the future directions of the ASEM process into the first decade of the new century.

#### \* ASEM 4

The fourth ASEM was held in Copenhagen, Denmark on the 23-24 September 2002. This Summit was aimed to focus discussions among leaders on a few key issues, increase the informality of exchanges and streamline the work of ASEM process. It also worked towards establishing a normal working relationship between Asian and European leaders which is neither dominated by economic euphoria nor crisis driven pessimism.

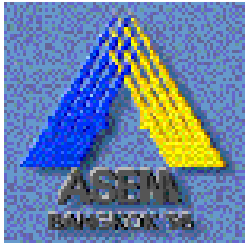
#### \* ASEM 5

The fifth ASEM was held in Hanoi, Vietnam on the 7-9 October 2004. It marked ASEM's enlargement with the addition of the 10 new EU Member States as well as three new Asian countries (Cambodia, Laos and Myanmar). As a result, the ASEM process will now bring together 39 partners from Asia and Europe

#### \* ASEM 6

The sixth ASEM was held in Helsinki, Finland on the 7-9 October 2004. It marked ASEM's enlargement with the addition of the 10 new EU Member States as well as three new Asian countries (Cambodia, Laos and Myanmar). As a result, the ASEM process will now bring together 39 partners from Asia and Europe

Logo Asem 1



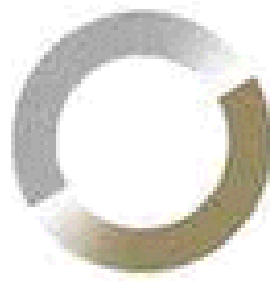
Logo Asem 2



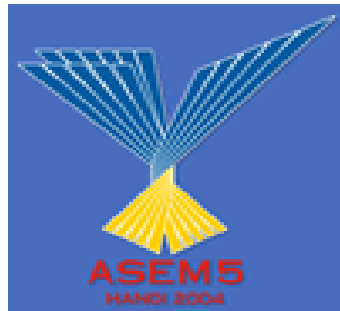
Logo Asem 4



Logo Asem 3



Logo Asem 5



Logo Asem 6



ASEM lần thứ 1



ASEM lần thứ 3



ASEM lần thứ 4



ASEM lần thứ 5



ASEM lần thứ 6





**Agreement** between the European Community and the Government of the People's Republic of **China** on cooperation and mutual administrative assistance in customs matters

THE EUROPEAN COMMUNITY,

and

THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF **CHINA**

hereinafter referred to as the "Contracting Parties",

CONSIDERING the importance of the commercial links between the European Community and the People's Republic of **China**, and desirous of contributing to the benefit of both Contracting Parties, to the harmonious development of those links;

BELIEVING THAT, in order to attain this objective, there should be an undertaking to develop customs cooperation;

TAKING into account the development of customs cooperation between the Contracting Parties, concerning customs procedures;

CONSIDERING that operations in breach of customs legislation including infringements of intellectual property rights, are prejudicial to the economic, fiscal and commercial interests of both Contracting Parties, and recognising the importance of ensuring the accurate assessment of customs duties and other taxes, in particular, by a correct application of the rules on customs valuation, origin and tariff classification;

CONVINCED that action against such operations can be made more effective through cooperation between competent administrative authorities;

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

## TITLE I

### GENERAL PROVISIONS

#### Article 1

##### Definitions

For the purposes of the **Agreement**:

(a) "customs legislation" shall mean any laws, provisions or other legally binding instruments of the European Community or the People's Republic of **China**, governing the import, export and transit of goods and their placing under any other customs regime or procedure, including measures of prohibitions, restrictions and control;

(b) "customs authority" shall mean, in the European Community, the competent services responsible for customs matters of the Commission of the European Communities and the customs authorities of the Member States of the European Community and in the People's Republic of **China**, the General Administration of Customs of the People's Republic of **China**;

(c) "applicant authority" shall mean a competent customs authority which is designated by a Contracting Party for this purpose and which makes a request for administrative assistance, on the basis of this **Agreement**;

(d) "requested authority" shall mean a competent customs authority which is designated by a Contracting Party for this purpose and which receives a request for administrative assistance, on the basis of this **Agreement**;

(e) "personal data" shall mean all information relating to an identified or identifiable individual;

(f) "operation in breach of customs legislation" shall mean any violation or attempted violation of the customs legislation;

(g) "person" shall mean either a human being or a legal entity;

(h) "information" shall mean data, whether or not processed or analysed, and documents, reports, and other communications in any format, including electronic, or certified or authenticated copies thereof.

#### Article 2

##### Territorial application

This **Agreement** shall apply on the one hand, to the territories in which the Treaty establishing the European Community is applied and under the conditions laid down in that Treaty and, on the other hand, to the customs territory of the People's Republic of **China**.

#### Article 3

##### Future developments

The Contracting Parties may by mutual consent expand this **Agreement** with a view to increasing the levels of customs cooperation and supplementing them, in accordance with their respective customs legislation, by means of agreements on specific sectors or matters.

## TITLE II

### SCOPE OF THE **AGREEMENT**

## Article 4

### Performance of cooperation and assistance

All cooperation and assistance under this **Agreement** shall be performed by the Contracting Parties in accordance with their relevant laws, provisions, and other legal instruments. In addition, all cooperation and assistance under this **Agreement** by either Contracting Party shall be performed within the limits of its competence and available resources.

## Article 5

### Obligations imposed under other agreements

1. Taking into account the respective competencies of the European Community and the Member States, the provisions of this **Agreement** shall:

(a) not affect the obligations of the Contracting Parties under any other international **agreement** or convention,

(b) be deemed complementary to agreements on customs cooperation and mutual administrative assistance which have been or may be concluded between individual Member States and the People's Republic of **China**,

(c) not affect the Community provisions governing the communication between the competent services of the Commission and the customs authorities of the Member States of any information obtained under this **Agreement** which could be of interest to the Community;

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, the provisions of this **Agreement** shall take precedence over the provisions of any bilateral **agreement** on customs cooperation and mutual administrative assistance which has been or may be concluded between individual Member States and the People's Republic of **China**, insofar as the provisions of the latter are incompatible with those of this **Agreement**.

3. In respect of questions relating to the applicability of this **Agreement**, the Contracting Parties shall consult each other to resolve the matter in the framework of the Joint Customs Cooperation Committee set up under Article 21 of this **Agreement**.

## TITLE III

### CUSTOMS COOPERATION

## Article 6

### Scope of the cooperation

1. The Contracting Parties shall undertake to develop customs cooperation. In particular, the Contracting Parties shall seek to cooperate in:

(a) establishing and maintaining channels of communication between their customs authorities to facilitate and secure the rapid exchange of information;

(b) facilitating effective coordination between their customs authorities;

(c) any other administrative matters related to this **Agreement** that may from time to time require their joint action.

2. The Contracting Parties undertake to develop trade facilitation actions in customs matters taking account of the work done in this connection by international organisations.

3. Under this **Agreement**, customs cooperation shall cover all matters relating to the application of customs legislation.

## Article 7

### Cooperation in customs procedures

The Contracting Parties affirm their commitment to the facilitation of the legitimate movement of goods and shall exchange information and expertise on measures to improve customs techniques and procedures and on computerised systems with a view towards implementing that commitment in accordance with the provisions of this **Agreement**.

## Article 8

### Technical cooperation

The customs authorities of the Contracting Parties may provide each other with technical assistance when mutually beneficial in customs matters including:

- (a) the exchange of personnel and experts, for the purposes of promoting the mutual understanding of each other's customs law, procedures and techniques;
- (b) the training, particularly developing specialised skills of their customs officials;
- (c) the exchange of professional, scientific and technical data relating to customs law and procedures.
- (d) techniques and improved methods of processing passengers and cargo.
- (e) any other general administrative matters that may from time to time require joint actions by their customs administrations.

## Article 9

### Coordination in international organisations

The customs authorities shall seek to develop and strengthen their cooperation on topics of common interest in order to seek a coordinated position when those topics are discussed in the framework of international organisations.

## TITLE IV

### MUTUAL ADMINISTRATIVE ASSISTANCE

## Article 10

### Scope

1. The customs authorities shall assist each other by providing appropriate information which helps to ensure the proper application of customs legislation and the prevention, investigation and combating of any breach of customs legislation.
2. Assistance in customs matters, as provided for in this **Agreement**, shall apply to any administrative authority of the Contracting Parties which is competent for the application of this **Agreement**. It shall not prejudice the rules governing mutual assistance in criminal matters. Nor shall it cover information obtained under powers exercised at the request of a judicial authority;
3. Assistance to recover duties, taxes or fines, or the arrest or detention of any person or seizure or detention of property is not covered by this **Agreement**.

## Article 11

### Assistance on request

1. At the request of the applicant authority, the requested authority shall provide it with all relevant information which may enable it to ensure that customs legislation is correctly applied, including information regarding activities detected or planned which are or could be operations in breach of customs legislation. In particular, upon request, the customs authorities shall furnish to each other information regarding activities that may result in offences within the territory of the other Party, for example, incorrect customs declarations and certificates of origin, invoices or other documents known to be, or suspected of being, incorrect or falsified.
2. At the request of the applicant authority, the requested authority shall inform it of:
  - (a) the authenticity of official documents produced in support of a goods declaration made to the customs authority of the requesting Party;
  - (b) whether goods exported from the territory of one of the Contracting Parties have been legally imported into the territory of the other Contracting Party, specifying, where appropriate, the customs procedure applied to the goods;

(c) whether goods imported into the territory of one of the Contracting Parties have been legally exported from the territory of the other Contracting Party, specifying, where appropriate, the customs procedure applied to the goods.

3. At the request of the applicant authority, the requested authority shall, within the framework of its laws, provisions or other legally binding instruments, take the necessary steps to ensure special surveillance of:

(a) persons in respect of whom there are reasonable grounds for believing that they are or have been involved in operations in breach of customs legislation;

(b) places where stocks of goods have been or may be stored or assembled in such a way that there are reasonable grounds for believing that these goods are intended to be used in operations in breach of customs legislation;

(c) goods that are or may be transported in such a way that there are reasonable grounds for believing that they are intended to be used in operations in breach of customs legislation;

(d) means of transport that are or may be used in such a way that there are reasonable grounds for believing that they are intended to be used in operations in breach of customs legislation.

## Article 12

### Spontaneous assistance

The Contracting Parties shall assist each other, at their own initiative and in accordance with their laws, provisions or other legally binding instruments if they consider that to be necessary for the correct application of customs legislation, in particular in situations that could involve substantial damage to the economy, public health, public security or similar vital interest of the other Contracting Party pertaining to:

(a) activities which are or appear to be operations in breach of customs legislation and which may be of interest to the other Contracting Party;

(b) new means or methods employed in carrying out operations in breach of customs legislation;

(c) goods known to be subject to operations in breach of customs legislation;

(d) persons in respect of whom there are reasonable grounds for believing that they are or have been involved in operations in breach of customs legislation;

(e) means of transport in respect of which there are reasonable grounds for believing that they have been, are, or may be used in operations in breach of customs legislation.

## Article 13

### Form and substance of requests for assistance

1. Requests pursuant to this **Agreement** shall be made in writing. They shall be accompanied by the documents necessary to enable compliance with the request. When required because of the urgency of the situation, oral requests may be accepted, but shall be confirmed promptly in writing.

2. Requests pursuant to paragraph 1 shall include the following information:

(a) the formal endorsement of the applicant authority;

(b) the action requested;

(c) the object of and the reason for the request;

(d) the laws, regulations or other legally binding instruments involved;

(e) indications as exact and comprehensive as possible on the persons who are the target of the investigations;

(f) a summary of the relevant facts and of the enquiries already carried out.

3. Requests shall be submitted in an official language of the requested authority or in a language acceptable to that authority. This requirement shall not apply to any documents that accompany the request under paragraph 1.

4. If a request does not meet the formal requirements set out above, its correction or completion may be requested; precautionary measures may be ordered in the meantime.

## Article 14

### Execution of requests

1. In order to comply with a request for assistance, the requested authority shall proceed, within the limits of its competence and available resources, as though it were acting on its own account or at the request of other authorities of that same Contracting Party, by supplying information already possessed, by carrying out appropriate enquiries or by arranging for them to be carried out.

2. Requests for assistance shall be executed in accordance with the laws, regulations or other legally binding instruments of the requested authority.

3. Duly authorised officials of a Contracting Party may, with the **agreement** of the other Contracting Party and subject to the conditions laid down by the latter, be present at enquiries carried out in the latter's jurisdiction into specific cases.

4. In the event that the request cannot be complied with, the applicant authority shall be notified promptly of that fact, with a statement of the reasons and of any other information that the requested authority considers may be of assistance to the applicant authority.

## Article 15

### Form in which information is to be communicated

1. The requested authority shall communicate results of enquiries to the applicant authority in writing together with relevant documents, certified copies or other items.

2. This information may be in computerised form which shall where necessary be confirmed in writing immediately afterwards.

## Article 16

### Exceptions to the obligation to provide assistance

1. Assistance may be refused or may be subject to the satisfaction of certain conditions or requirements in cases where a Contracting Party is of the opinion that assistance under this **Agreement** would:

(a) be likely to prejudice the sovereignty of a Member State of the European Community which has been requested to provide assistance under this **Agreement** or that of the People's Republic of **China**; or

(b) be likely to prejudice public order, security or other essential interests, in particular in the cases referred to under Article 17(2) or

(c) violate an industrial, commercial or professional secret.

2. Assistance may be postponed by the requested authority on the ground that it will interfere with an ongoing investigation, prosecution or proceeding. In such a case, the requested authority shall consult with the applicant authority to determine if assistance can be given subject to such terms or conditions as the requested authority may require.

3. Where the applicant authority seeks assistance which it would itself be unable to provide if so requested, it shall draw attention to that fact in its request. It shall then be for the requested authority to decide how to respond to such a request.

4. For the cases referred to in paragraphs 1 and 2, the decision of the requested authority and the reasons therefor must be communicated to the applicant authority without undue delay.

## Article 17

### Information exchange and confidentiality

1. Any information communicated in whatsoever form pursuant to this **Agreement** shall be of a confidential or restricted nature, depending on the rules applicable in each of the Contracting Parties. It shall be covered by the obligation of official secrecy and shall enjoy the protection extended to similar information under the relevant laws of the Contracting Party that received it and the corresponding provisions applying to the Community authorities.
2. Personal data may be exchanged only where the Contracting Party which may receive it undertakes to protect such data in at least an equivalent way to the one applicable to that particular case in the Contracting Party that may supply it. The Contracting Party that may supply the information shall not stipulate any requirements that are more onerous than those applicable to it in its own jurisdiction. The Contracting Parties shall communicate to each other information on their applicable rules, including where appropriate, legal provisions in force in the Member States of the Community.
3. Nothing in this **Agreement** shall preclude the use of information or documents obtained in accordance with this **Agreement** as evidence in administrative proceedings subsequently instituted in respect of operations in breach of customs legislation. Therefore, the Contracting Parties may, in their records of evidence, reports and testimonies and in administrative proceedings use as evidence information obtained and documents consulted in accordance with the provisions of this **Agreement**. The competent authority which supplied that information or gave access to those documents shall be notified of such use.
4. Information obtained shall be used solely for the purposes of this **Agreement**. Where one of the Contracting Parties wishes to use such information for other purposes, it shall obtain the prior written consent of the authority which provided the information. Such use shall then be subject to any restrictions laid down by that authority.
5. Practical arrangements for the implementation of this Article shall be determined by the Joint Customs Cooperation Committee established under Article 21.

## Article 18

### Experts and witnesses

An official of a requested authority may be authorised to appear, within the limitations of authorisation granted, as an expert or witness in administrative proceedings regarding the matters covered by this **Agreement** in the territory of the other Contracting Party, and produce such objects, documents or certified copies thereof, as may be needed for the proceedings. The request for appearance must indicate specifically before which administrative authority the official will have to appear, on what matters and by virtue of what title or qualification the official will be questioned.

## Article 19

### Assistance expenses

1. The Contracting Parties shall waive all claims on each other for the reimbursement of expenses incurred pursuant to this **Agreement**, except, as appropriate, for expenses to experts and witnesses, and those to interpreters and translators who are not public service employees.
2. If expenses of a substantial or extraordinary nature are, or will be, required to execute the request, the Contracting Parties shall consult to determine the terms and conditions under which the request will be executed as well as the manner in which the costs shall be borne.

## TITLE V

### FINAL PROVISIONS

## Article 20

### Implementation

1. The implementation of this **Agreement** shall be entrusted to the customs authorities of the Commission of the European Communities and, where appropriate, of the Member States of the European Community on the one hand, and to the customs authority of the People's Republic of **China**, on the other. They shall decide on all practical measures and arrangements necessary for its application, taking into consideration the rules in force in particular in the field of data protection. They may recommend to the competent bodies amendments which they consider should be made to this **Agreement**.
2. The Contracting Parties shall consult each other and subsequently keep each other informed of the detailed rules of implementation which are adopted in accordance with the provisions of this **Agreement**.

## Article 21

### Joint Customs Cooperation Committee

1. A Joint Customs Cooperation Committee is hereby established, consisting of representatives of the customs authorities of the European Community and the People's Republic of **China**. It shall meet at a place, on a date and with an agenda, fixed by mutual **agreement**.
2. The Joint Customs Cooperation Committee shall, inter alia:
  - (a) see to the proper functioning of the **Agreement**;
  - (b) examine all issues arising from its application;
  - (c) take measures necessary for customs cooperation in accordance with the objectives of this **Agreement**;
  - (d) exchange views on any points of common interest regarding customs cooperation, including future measures and the resources for them;
  - (e) recommend solutions aimed at helping to attain the objectives of this **Agreement**.
3. The Joint Customs Cooperation Committee shall adopt its internal rules of procedure.
4. The Joint Customs Cooperation Committee will where appropriate, keep informed the Joint Commission set up under Article 15 of the **Agreement** on Trade and Economic Cooperation between the European Economic Community and the People's Republic of **China** of activities going on under this **Agreement**.

## Article 22

### Entry into force and duration

1. This **Agreement** shall enter into force on the first day of the month following the date on which the Contracting Parties have notified each other of the completion of the procedures necessary for this purpose.
2. Each Contracting Party may terminate this **Agreement** by giving notice to the other in writing. The termination shall take effect three months from the day of notification to the other Contracting Party. Requests for assistance which have been received prior to the termination of the **Agreement** shall be completed in accordance with the provisions of this **Agreement**.

## Article 23

### Authentic texts

This **Agreement** shall be drawn up in duplicate in the Czech, Danish, Dutch, English, Estonian, Finnish, French, German, Greek, Hungarian, Italian, Latvian, Lithuanian, Maltese, Polish, Portuguese, Slovak, Slovenian, Spanish, Swedish and Chinese languages, each text being equally authentic.



## Highlights of the EU-China Agreement on WTO

### **Telecommunications**

The timetable for market opening in mobile telephony has been accelerated by 2 years. Foreign investment will be allowed at 25% on accession, 35% after 1 year and 49% after 3 years. For mobile and fixed services, traffic between cities as well as within them will be open.

China will open up its leasing market in 3 years, allowing foreign firms to rent capacity from Chinese operators and resell it domestically and internationally (private leased circuits & closed user groups).

### **Insurance**

Effective management control has been negotiated for foreign participants in life insurance joint ventures, through choice of partner, and a legal guarantee of freedom from any regulatory interference in private contracts on a 50-50 equity basis.

China will immediately give 7 new licences to European insurers, in both the life and non-life sectors. And 2 EU firms will be permitted to establish in 2 new cities.

Scope of insurance business will be expanded for foreign companies two years faster than foreseen in the Sino-US Agreement.

Foreign brokers will be able to operate in China as of accession, on a 50-50 basis, and free of any joint-venture requirement 5 years after accession. Cross border brokerage business will also be allowed.

### **Monopoly state import/export restrictions**

China's state monopoly on importing crude and processed oil, and NPK fertiliser, will be gradually opened to private traders, starting on accession.

The state monopoly on exporting silk - where China accounts for 70% of world production - will be completely removed by 2005.

### **Tariffs**

China has reduced import tariffs on over 150 leading European exports - such as machinery, ceramics and glass, textiles, clothing, footwear and leather goods, cosmetics and spirits. Agreed levels are generally around 8-10%.

### **Motor vehicles**

European carmakers are well established in China, and will have greater flexibility to choose which types of vehicles they build. Approval thresholds of provincial authorities will be raised from \$30m to \$150m.

China has agreed to eliminate the joint-venture restriction for engine production, upon accession.

### **Distribution**

China has agreed to lift the specific joint venture restriction on large department stores (over 20,000m<sup>2</sup>) and for virtually all chain stores.

**Agriculture**

Market access will improve for key EU products, such as rape-seed oil, dairy products, pasta, wine and olives.

An EU-China sanitary and phytosanitary agreement will ensure China's application of the WTO SPS Agreement, and resolve a number of bilateral issues.

**Horizontal measures**

China will cease to apply a number of measures that distort trade and have macroeconomic effects including export performance and local content requirements, and industrial export subsidies.

China's government procurement system will be transparent, and will not discriminate between foreign bidders.

China will abolish preferences to domestic producers in the fields of pharmaceuticals, chemicals, after sales services, cigarettes and spirits.

**Other**

Improved market access in the fields of banking, legal services, accountancy, architecture, tourism construction, dredging and market research.

**COMMISSION REGULATION (EC) No 1536/2007  
of 20 December 2007**

**on initiating a 'new exporter' review of Council Regulation (EC) No 1659/2005 imposing a definitive anti-dumping duty on imports of certain magnesia bricks originating in the People's Republic of China, repealing the duty with regard to imports from one exporter in this country and making these imports subject to registration**

THE COMMISSION OF THE EUROPEAN COMMUNITIES,

Having regard to the Treaty establishing the European Community,

Having regard to Council Regulation (EC) No 384/96 on protection against dumped imports from countries not members of the European Community (the basic Regulation) <sup>(1)</sup> and in particular Article 11(4) thereof,

After consulting the Advisory Committee,

Whereas:

**A. REQUEST FOR A REVIEW**

- (1) The Commission has received an application for a 'new exporter' review pursuant to Article 11(4) of the basic Regulation. The application was lodged by Yingkou Dalmont Refractories Co., Ltd (the applicant), an exporting producer in the People's Republic of China (the country concerned).

**B. PRODUCT**

- (2) The product under review is chemically bonded, unfired magnesia bricks, whose magnesia component contains at least 80 % MgO, whether or not containing magnesite originating in the People's Republic of China (the product concerned), currently classifiable within CN codes ex 6815 91 00, ex 6815 99 10 and ex 6815 99 90 (TARIC codes 6815 91 00 10, 6815 99 10 20 and 6815 99 90 20). These CN codes are given only for information.

**C. EXISTING MEASURES**

- (3) The measures currently in force are a definitive anti-dumping duty imposed by Council Regulation (EC) No

1659/2005 <sup>(2)</sup> under which imports into the Community of the product concerned originating in the People's Republic of China, including the product concerned produced by the applicant, are subject to a definitive anti-dumping duty of 39,9 % with the exception of several companies specially mentioned which are subject to individual duty rates.

**D. GROUNDS FOR THE REVIEW**

- (4) The applicant alleges that it operates under market economy conditions as defined in Article 2(7)(c) of the basic Regulation or alternatively claims individual treatment in conformity with Article 9(5) of the basic Regulation, that it did not export the product concerned to the Community during the period of investigation on which the anti-dumping measures were based, i.e. the period from 1 April 2003 to 31 March 2004 (the original investigation period) and that it is not related to any of the exporting producers of the product which are subject to the above mentioned anti-dumping measures.

**E. PROCEDURE**

- (5) The applicant further alleges that it has begun exporting the product concerned to the Community after the end of the original investigation period.
- (6) Community producers known to be concerned have been informed of the above mentioned application and have been given an opportunity to comment.
- (7) Having examined the evidence available, the Commission concludes that there is sufficient evidence to justify the initiation of a 'new exporter' review, pursuant to Article 11(4) of the basic Regulation, with a view to determining whether the applicant operates under market economy conditions as defined in Article 2(7)(c) of the basic Regulation or alternatively whether the applicant fulfils the requirements to have an individual duty established in accordance with Article 9(5) of the basic Regulation and, if so, the applicant's individual margin of dumping and, should dumping be found, the level of the duty to which their imports of the product concerned into the Community should be subject.

<sup>(1)</sup> OJ L 56, 6.3.1996, p. 1. Regulation as last amended by Council Regulation (EC) No 2117/2005 (OJ L 340, 23.12.2005, p. 17).

<sup>(2)</sup> OJ L 267, 12.10.2005, p. 1.

- (8) If it is determined that the applicant fulfils the requirements to have an individual duty established, it may be necessary to amend the rate of duty currently applicable to imports of the product concerned from companies not individually mentioned in Article 1(2) of Regulation (EC) No 1659/2005.

(a) Questionnaires

In order to obtain the information it deems necessary for its investigation, the Commission will send questionnaires to the applicant.

(b) Collection of information and holding of hearings

All interested parties are hereby invited to make their views known in writing and to provide supporting evidence.

Furthermore, the Commission may hear interested parties, provided that they make a request in writing showing that there are particular reasons why they should be heard.

Attention is drawn to the fact that the exercise of most procedural rights set out in the basic Regulation depends on the party's making itself known within the period provided for by the present Regulation.

(c) Market economy status

In the event that the applicant provides sufficient evidence that it operates under market economy conditions, i.e. that it meets the criteria laid down in Article 2(7)(c) of the basic Regulation, normal value will be determined in accordance with Article 2(7)(b) of the basic Regulation. For this purpose, duly substantiated claims must be submitted within the specific time limit set in Article 4(3) of this Regulation. The Commission will send claim forms to the applicant, as well as to the authorities of the People's Republic of China.

(d) Selection of the market economy country

In the event that the applicant is not granted market economy status but fulfils the requirements to have an individual duty established in accordance with Article 9(5) of the basic Regulation, an appropriate market-economy country will be used for the purpose of establishing normal value in respect of the People's Republic of China in accordance with

Article 2(7)(a) of the basic Regulation. The Commission envisages using the United States of America again for this purpose as was done in the investigation which led to the imposition of measures on imports of the product concerned from the People's Republic of China. Interested parties are hereby invited to comment on the appropriateness of this choice within the specific time limit set in Article 4(2) of this Regulation.

Furthermore, in the event that the applicant is granted market economy status, the Commission may, if necessary, also use findings concerning the normal value established in an appropriate market-economy country, e.g. for the purpose of replacing any unreliable cost or price elements in the People's Republic of China which are needed in establishing the normal value, if reliable required data are not available in the People's Republic of China. The Commission envisages using the United States of America also for this purpose.

F. REPEAL OF THE DUTY IN FORCE AND REGISTRATION OF IMPORTS

- (9) Pursuant to Article 11(4) of the basic Regulation, the anti-dumping duty in force should be repealed with regard to imports of the product concerned which are produced and sold for export to the Community by the applicant. At the same time, such imports should be made subject to registration in accordance with Article 14(5) of the basic Regulation, in order to ensure that, should the review result in a finding of dumping in respect of the applicants, anti-dumping duties can be levied retroactively from the date of the initiation of this review. The amount of the applicant's possible future liabilities cannot be estimated at this stage of the proceeding.

G. TIME LIMITS

- (10) In the interest of sound administration, time limits should be stated within which:

— interested parties may make themselves known to the Commission, present their views in writing and submit the replies to the questionnaire mentioned in Article 4(1) of this Regulation or provide any other information to be taken into account during the investigation,

— interested parties may make a written request to be heard by the Commission,

— interested parties may comment on the appropriateness of the United States of America which, in the event that the applicant will not be granted market economy status, is envisaged as a market-economy country for the purpose of establishing normal value in respect of the People's Republic of China,

— the applicant should submit a duly substantiated claim for market economy status.

#### H. NON-COOPERATION

(11) In cases in which any interested party refuses access to or does not provide the necessary information within the time limits, or significantly impedes the investigation, findings, affirmative or negative, may be made in accordance with Article 18 of the basic Regulation, on the basis of the facts available.

(12) Where it is found that any interested party has supplied false or misleading information, the information shall be disregarded and use may be made, in accordance with Article 18 of the basic Regulation, of the facts available. If an interested party does not cooperate or cooperates only partially, and use of facts available is made, the result may be less favourable to that party than if it had cooperated.

#### I. PROCESSING OF PERSONAL DATA

(13) It is noted that any personal data collected in this investigation will be treated in accordance with Regulation (EC) No 45/2001 of the European Parliament and the Council on the protection of individuals with regard to the processing of personal data by the Community institutions and bodies and on the free movement of such data<sup>(1)</sup>.

#### J. HEARING OFFICER

(14) It is also noted that if interested parties consider that they are encountering difficulties in the exercise of their rights of defence, they may request the intervention of the Hearing Officer of DG Trade. He acts as an interface between the interested parties and the Commission services, offering, where necessary, mediation on procedural matters affecting the protection of their interests in this proceeding, in particular with regard to issues concerning access to the file, confidentiality, extension of time limits and the treatment of written and/or oral submission of views. For further information and contact details, interested parties may consult the Hearing Officer's web pages on the website of DG Trade (<http://ec.europa.eu/trade>).

HAS ADOPTED THIS REGULATION:

#### Article 1

A review of Regulation (EC) No 1659/2005 is hereby initiated pursuant to Article 11(4) of Regulation (EC) No 384/96 in order to determine if and to what extent the imports of chemically bonded, unfired magnesia bricks, whose magnesia component contains at least 80 % MgO, whether or not containing magnesite, falling within CN codes ex 6815 91 00, ex 6815 99 10 and ex 6815 99 90 (TARIC codes 6815 91 00 10, 6815 99 10 20 and 6815 99 90 20) originating in the People's Republic of China, produced and sold for export to the Community by Yingkou Dalmond Refractories Co., Ltd (TARIC additional code A853) should be subject to the anti-dumping duty imposed by Council Regulation (EC) No 1659/2005.

#### Article 2

The anti-dumping duty imposed by Regulation (EC) No 1659/2005 is hereby repealed with regard to the imports identified in Article 1 of this Regulation.

#### Article 3

The customs authorities of the Member States are hereby directed, pursuant to Article 14(5) of Regulation (EC) No 384/96, to take the appropriate steps to register the imports identified in Article 1 of this Regulation. Registration shall expire nine months following the date of entry into force of this Regulation.

#### Article 4

1. Interested parties, if their representations are to be taken into account during the investigation, must make themselves known to the Commission, present their views in writing and submit the replies to the questionnaire mentioned in recital 8(a) of this Regulation or any other information, unless otherwise specified, within 40 days of the entry into force of this Regulation.

Interested parties may also apply in writing to be heard by the Commission within the same 40-day time limit.

2. Parties to the investigation may wish to comment on the appropriateness of the United States of America, which is envisaged as a market-economy third country for the purpose of establishing normal value in respect of the People's Republic of China, must submit their comments within 10 days of the date of entry into force of this Regulation.

<sup>(1)</sup> OJ L 8, 12.1.2001, p. 1.

3. A duly substantiated claim for market economy treatment must reach the Commission within 21 days of the date of the entry into force of this Regulation.

4. All submissions and requests made by interested parties must be made in writing (not in electronic format, unless otherwise specified) and must indicate the name, address, e-mail address, telephone and fax numbers of the interested party. All written submissions, including the information requested in this Regulation, questionnaire replies and correspondence provided by interested parties on a confidential basis shall be labelled as 'limited (1)' and, in accordance with Article 19(2) of Regulation (EC) No 384/96, shall be accompanied by a non-confidential version, which will be labelled 'FOR INSPECTION BY INTERESTED PARTIES'.

Any information relating to the matter and/or any request for a hearing should be sent to the following address:

European Commission  
Directorate General for Trade  
Directorate H  
Office: J-79 4/23  
B-1049 Brussels  
Fax (32-2) 295 65 05.

#### Article 5

This Regulation shall enter into force on the day following its publication in the *Official Journal of the European Union*.

This Regulation shall be binding in its entirety and directly applicable in all Member States.

Done at Brussels, 20 December 2007.

For the Commission  
Peter MANDELSON  
Member of the Commission

---

(1) This means that the document is for internal use only. It is protected pursuant to Article 4 of Regulation (EC) No 1049/2001 of the European Parliament and of the Council (OJ L 145, 31.5.2001, p. 43). It is a confidential document pursuant to Article 19 of Regulation (EC) No 384/96 and Article 6 of the WTO Agreement on Implementation of Article VI of the GATT 1994 (Anti-dumping Agreement).

## AGREEMENT

## on the Scientific and Technological Cooperation between the European Community and the Government of the Republic of Korea

THE EUROPEAN COMMUNITY,

(hereinafter referred to as the Community), and

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA,

(hereinafter referred to as Korea),

(hereinafter jointly referred to as the Parties);

CONSIDERING that the Community and Korea are pursuing research, technological development and demonstration activities in a number of areas of common interest, and being aware of the rapid expansion of scientific knowledge and its positive contribution in promoting bilateral and international cooperation;

WISHING to broaden the scope of scientific and technological cooperation in a number of areas of common interest through the creation of a productive partnership for peaceful purposes and mutual benefits;

NOTING that such cooperation and the application of the results of such cooperation will contribute to the economic and social development of the Parties; and

DESIRING to establish a formal framework to implement the overall cooperative activities that will strengthen cooperation in science and technology between the Parties,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

*Article 1***Purpose and principles**

1. The Parties shall encourage, develop and facilitate cooperative activities under this Agreement in the areas of science and technology for peaceful purposes, in accordance with this agreement and the laws and regulations of both Parties.
2. The cooperative activities under this Agreement shall be carried out on the basis of the following principles:
  - (a) Mutual and equitable contributions and benefits;
  - (b) Mutual access of the research and technological development programmes, projects and facilities of each Party by visiting researchers of the other Party;
  - (c) Timely exchange of information which may concern cooperative activities;
  - (d) Promotion of a knowledge-based society for the benefit of an economic and social development of the Parties; and
  - (e) Protection of intellectual property rights in accordance with Annex II of this Agreement.

*Article 2***Definitions**

For the purpose of this Agreement:

1. 'direct cooperative activities' mean cooperative activities between the Parties;
2. 'indirect cooperative activities' mean activities between legal entities established in Korea and the Community through the participation of Korean legal entities in the Community Framework Programme under Article 166 of the Treaty establishing the European Community (hereinafter referred to as the Framework Programme) and the reciprocal participation of the legal entities established in the Community in Korean research programmes or projects in science and technology fields similar to those covered by the Framework Programme;
3. 'cooperative activities' include both direct and indirect cooperative activities;
4. 'legal entity' means any natural person or any legal person created under the national law of its place of establishment or under Community law, having legal personality and being entitled to the rights and subjected to the obligations of any kind in its own name.

**Article 3****Cooperative activities**

1. The direct cooperative activities under this Agreement may include:
  - (a) Meetings of various forms, including those of experts, to discuss and exchange information on scientific and technological topics of a general or specific nature and to identify research and development projects and programmes that may be undertaken on a cooperative basis;
  - (b) Exchange of information on activities, policies, practices, laws and regulations concerning research and development;
  - (c) Visits and exchanges of scientists, technical personnel and other experts on general or specific subjects;
  - (d) Implementation of cooperative projects and programmes which may be decided upon by the Joint Committee, referred to in Article 6 in accordance with the respective laws and regulations of the Parties; and
  - (e) Other forms of activities in the areas of science and technology, which may be decided upon by the Joint Committee, referred to in Article 6 in accordance with the respective laws and regulations of the Parties.
2. For the purpose of developing indirect cooperative activities, and subject to the Annexes to this agreement, any legal entity established in Korea or the Community may participate in research programmes or projects operated by the other Party and opened to its legal entities, in accordance with the respective laws and regulations of the Parties.

**Article 4****Implementation procedures**

1. Implementation of arrangements, which set forth the details and procedures of cooperative activities under this Agreement, may be concluded between the Parties.
2. Each Party may delegate the implementation of scientific and technological cooperative activities of the Parties to specific institutions for direct implementation or support of scientific and technological cooperative activities between the Parties.
3. Scientific and technological cooperative activities not based on specific agreements that have been encouraged, developed and facilitated by the Parties and have been commenced and not completed by the date of entry into force of this Agreement, shall be incorporated under this Agreement as of that date.

**Article 5****Enhancement of cooperation**

1. Each Party shall make every effort to accord with the legal entities carrying out cooperative activities under this Agreement, all potential facilities with a view of facilitating the works and visits of researchers participating in these cooperative activities along with the entry and exit from its territory of materials, data and equipments intended for use in these cooperative activities.
2. With regard to the cooperative activities under this Agreement, the Parties may allow, if appropriate and for peaceful purposes, the participation of researchers and organisations from all sectors of the research establishment including the private sector.

**Article 6****Joint Committee**

1. The coordination and facilitation of cooperative activities under this Agreement shall be carried out, on behalf of Korea, by the Ministries of Korea responsible for Science and Technology and, on behalf of the Community, by the services of the Commission of the European Communities (Directorate General for Science, Research and Development), who shall be acting as executive agents.
2. For the purpose of ensuring the effective implementation of this Agreement, the executive agents shall establish a Joint Committee on Scientific and Technological Cooperation (hereinafter referred to as the Joint Committee). The Joint Committee shall consist of official representatives of each Party and shall be co-chaired by the representatives of both Parties. The Joint Committee shall establish its own rules of procedure by mutual consent.
3. The functions of the Joint Committee shall be:
  1. Exchanging views and information on scientific and technological policy issues;
  2. Reviewing and discussing the cooperative activities and accomplishments under this Agreement;
  3. Making recommendations to the Parties with regard to the implementation of this Agreement, which may include the identification and proposal of the cooperative activities hereunder and the encouragement of their implementation;
  4. Providing a report to the Parties on the status, the achievements and the effectiveness of the cooperative activities under this Agreement. This report shall be transmitted to the EU-Korea Joint Committee under the Framework Agreement for Trade and Cooperation.
4. Decisions of the Joint Committee shall be reached by mutual consent.



5. The expenses of participant for the meetings of the Joint Committee, such as travel costs and accommodation shall be borne by the Parties to whom they relate. Any other costs associated with these meetings shall be borne by the host Party.

6. The Joint Committee shall meet alternately in Korea and the Community with the time of the meetings arranged upon mutual agreement, preferably annually.

#### Article 7

##### Funding

1. Implementation of this Agreement shall be subject to the availability of appropriated funds and the applicable laws and regulations of each Party.

2. The costs of the cooperative activities under this Agreement shall be borne as decided upon by mutual consent.

3. When specific cooperative schemes of one Party provide financial support to the participants from the other Party, any grants and financial or other contributions from one Party to the participants of the other Party in support of those activities shall be granted tax and customs exemption in accordance with the relevant laws and regulations in force in the territories of each Party at the time such grants and financial or other contributions are made.

#### Article 8

##### Information and intellectual property rights

1. Scientific and technological information of a non-proprietary nature arising from direct cooperative activities may be made available to the public by either Party through customary channels and in accordance with its general procedures.

2. Intellectual property rights and other proprietary rights created or introduced in the course of the cooperative activities under this Agreement shall be treated in accordance with the provisions of Annex II of this Agreement.

#### Article 9

##### Territorial application

This Agreement shall apply, on the one hand, to the territories in which the Treaty establishing the European Community is applied and under the conditions laid down in that Treaty and, on the other hand, to the Territory of Korea. This shall not prevent the conduct of cooperative activities in the high seas, outer space or the territory of third countries, in accordance with international law.

#### Article 10

##### Dispute settlement

1. The provisions of this Agreement shall not prejudice the rights and obligations of existing and/or future agreements on cooperation between the Parties or between the Governments of

any Member State of the Community and the Government of Korea.

2. All questions or disputes related to the interpretation or implementation of this Agreement shall be settled by consultation between the Parties.

#### Article 11

##### Annexes

Annexes I (on terms and conditions for participation) and II (on intellectual property rights) constitute an integral part of this Agreement.

#### Article 12

##### Entry into force and termination

1. This Agreement shall enter into force on the date on which the Parties exchange diplomatic notes informing each other of the completion of their respective internal procedures necessary for the entry into force of this Agreement.

2. This Agreement shall remain in force for five years and shall continue to be in force thereafter unless terminated by either Party.

3. At the end of the initial five-year period or at any time later, this Agreement may be terminated through written notice, at least six months in advance to the other Party.

4. Each Party may evaluate the impact and activities of this Agreement every five years. Each Party shall make every effort to facilitate the evaluation conducted by the other Party and the Party which conducts the evaluation shall inform the other Party of the evaluation results.

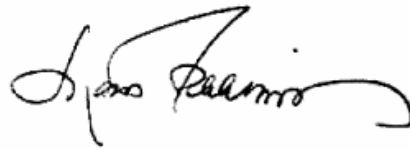
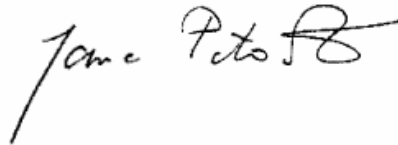
5. This Agreement may be amended with the mutual consent of the Parties through the exchange of diplomatic notes. Amendments shall enter into force following the same procedure as mentioned in paragraph 1, except as otherwise agreed by the Parties.

6. The termination of this Agreement shall be without prejudice to the cooperative activities undertaken under this Agreement and not fully executed at the time of the termination of this Agreement or to any specific rights and obligations that have accrued in compliance with the Annexes to this Agreement.

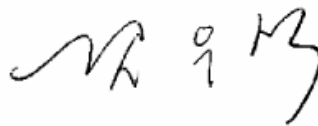
IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised thereto by the European Community and the Government of the Republic of Korea respectively, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Brussels on the twenty-second day of November in the year two thousand and six, in the Czech, Danish, Dutch, English, Estonian, Finnish, French, German, Greek, Hungarian, Italian, Latvian, Lithuanian, Maltese, Polish, Portuguese, Slovak, Slovenian, Spanish, Swedish and Korean languages, each text being equally authentic.

Por la Comunidad Europea  
 Za Evropské společenství  
 For Det Europæiske Fællesskab  
 Für die Europäische Gemeinschaft  
 Euroopa Ühenduse nimel  
 Για την Ευρωπαϊκή Κοινότητα  
 For the European Community  
 Pour la Communauté européenne  
 Per la Comunità europea  
 Eiropas Kopienas vārdā  
 Europos bendrijos vardu  
 az Európai Közösség részéről  
 Ghall-Komunità Ewropea  
 Voor de Europese Gemeenschap  
 W imieniu Wspólnoty Europejskiej  
 Pela Comunidade Europeia  
 Za Európske spoločenstvo  
 Za Evropsko skupnost  
 Euroopan yhteisön puolesta  
 På Europeiska gemenskapens vägnar  
**구주공동체를 위하여**

Por el Gobierno de la República de Corea  
 Za vládu Korejské republiky  
 For Republikken Koreas regering  
 Für die Regierung der Republik Korea  
 Korea Vabariigi Valitsuse nimel  
 Για την Κυβέρνηση της Δημοκρατίας της Κορέας  
 For the Government of the Republic of Korea  
 Pour le gouvernement de la République de Corée  
 Per il governo della Repubblica di Corea  
 Korejas Republikas vārdā  
 Korėjos Respublikos Vyriausybės vardu  
 A Koreai Köztársaság kormánya részéről  
 Ghall-Gvern tar-Repubblika tal-Korea  
 Voor de Regering van de Republiek Korea  
 W imieniu Rządu Republiki Korei  
 Pelo Governo da República da Coreia  
 Za vládu Kórejskej republiky  
 Za Vlado Republike Koreje  
 Korean tasavallan hallituksen puolesta  
 På Republiken Koreas regerings vägnar  
**대한민국 정부를 위하여**



## ANNEX I

**Terms and conditions for the participation of legal entities established in the European Community and Korea**

Within the framework of this Agreement, in case one Party concludes a contract with a legal entity of the other Party for an indirect cooperative activity, the other Party, upon request, shall endeavour to provide any reasonable and feasible assistance as may be necessary or helpful to the former Party for smooth implementation of such contract.

**1. TERMS AND CONDITIONS FOR THE PARTICIPATION OF LEGAL ENTITIES ESTABLISHED IN KOREA IN INDIRECT COOPERATIVE ACTIVITIES UNDER THE RESEARCH FRAMEWORK PROGRAMME OF THE COMMUNITY (HEREINAFTER REFERRED TO AS 'THE FRAMEWORK PROGRAMME')**

- (a) Legal entities established in Korea may participate in indirect cooperative activities under the Framework Programme of the European Community for research, technological development and demonstration activities subject to the conditions and limitations laid down in the Regulation of the European Parliament and the Council concerning the rules for participation of undertakings, research centres and universities and for the dissemination of research results for the implementation of the framework programme of the European Community.
- (b) Without prejudice to paragraph (a), the participation of legal entities established in Korea for indirect cooperative activities under the Framework Programmes shall be in accordance with the Rules.

**2. TERMS AND CONDITIONS FOR THE PARTICIPATION OF LEGAL ENTITIES ESTABLISHED IN THE EUROPEAN COMMUNITY IN KOREA'S RESEARCH PROGRAMMES AND PROJECTS**

- (a) Legal entities established in the Community may participate in the research and development projects or programmes funded by the Korean Government.
  - (b) Legal entities established in the Community shall participate in Korea's research and development projects or programmes in accordance with the relevant laws and regulations of Korea and the relevant rules of participation in such projects or programmes.
-

## ANNEX II

## Principles concerning the allocation of intellectual property rights

## 1. DEFINITION

For the purpose of this Agreement, 'intellectual property' shall have the meaning given in Article 2 of the Convention establishing the World Intellectual Property Organisation, done at Stockholm on 14 July 1967.

## 2. INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS OF THE PARTIES IN DIRECT COOPERATIVE ACTIVITIES

(a) Except if otherwise specifically agreed by the Parties, the following rules shall apply to intellectual property rights, except copyrights and related rights, generated by the Parties in the course of direct cooperative activities carried out under Article 3.1 of this Agreement:

1. The Party generating intellectual property shall have full ownership. In case the intellectual property has been jointly generated and the respective share of the work by the two Parties cannot be ascertained, the Parties shall have joint ownership of the intellectual property;
2. The Party owning the intellectual property shall grant the other Party the access rights to carry out any direct cooperative activities. Such access rights shall be granted on a royalty-free basis.

(b) Except if otherwise specifically agreed by the Parties, the following rules shall apply to copyrights and related rights of the Parties:

1. When a Party publishes scientific and technical data, information or results by means of journals, articles, reports, books or in other forms, including video tapes and software, arising from and relating to cooperative activities under this Agreement, the Party shall make utmost efforts to obtain, for the other Party, non-exclusive, irrevocable, royalty-free licences in all countries where copyright protection is available, in order to translate, reproduce, adapt, transmit and publicly distribute such works;
2. All publicly distributed copies of a copyrighted work under the provisions of paragraph (b)(1) shall indicate the name(s) of the author(s) of the work unless the author(s) explicitly declines to be named. They shall also display a clearly visible acknowledgement of the cooperative support of the Parties.

(c) Except if otherwise specifically agreed by the Parties, the following rules shall apply to the undisclosed information of the Parties:

1. When communicating to the other Party on the information necessary to carry out direct cooperative activities, each Party shall identify the information which it wishes to remain undisclosed;
2. The Party receiving the information may, under its own responsibility, communicate undisclosed information to its agencies or persons employed through these agencies for the specific purposes of implementing this Agreement.
3. With the prior written consent of the Party providing the undisclosed information, the other Party may disseminate such undisclosed information more widely than otherwise permitted in paragraph (c)(2). The Parties shall cooperate with each other in developing procedures to request and obtain prior written consent for such wider dissemination, and each Party shall grant such approval to the extent permitted by its laws and regulations;
4. Information arising from seminars, meetings, assignments of staff and of the use of facilities arranged under this Agreement shall remain confidential when the recipient of such information is requested by its provider to protect its confidential or privileged character at the time such communication is made, according to paragraph (c)(1);
5. If one Party becomes aware that it will be, or may be reasonably expected to become, unable to meet the restrictions and conditions of dissemination of Article 2(c), it shall immediately inform the other Party. The Parties shall thereafter consult to define an appropriate course of action.

### 3. INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS OF LEGAL ENTITIES OF THE PARTIES IN INDIRECT COOPERATIVE ACTIVITIES

- (a) Each Party shall ensure that the intellectual property rights of legal entities of one Party, participating in the research and development programmes operated by the other Party, and the related rights and obligations arising from such participation, shall be consistent with the relevant laws and regulations and international conventions, including the Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights, Annex 1C of the Marrakech Agreement Establishing the World Trade Organisation as well as the Paris Act of 24th July 1971 of the Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works and the Stockholm Act of 14th July 1967 of the Paris Convention for the Protection of Industrial Property.
  
  - (b) Each Party shall ensure that, under its applicable laws and regulations, the legal entities of one Party, participating in the research and development programmes operated by the other Party, shall have the same rights and obligations with regard to intellectual property as possessed by the legal entities of the other Party, in the same indirect cooperative activity.
-